NGUYỄN HIẾN LÊ

Vài Lời Ngỏ VỚI BẠN TRẺ

vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

VÀI LỜI NGỎ VỚI BẠN TRẺ

NGUYỄN HIẾN LÊ

VÀI LỜI NGỎ với BẠN TRẺ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
HÀ NỘI - 2001

Lời Nhà Xuất bản

Nguyễn Hiến Lê là một nhà nghiên cứu - biên khảo - dịch thuật cần mẫn; đồng thời cũng là một cây bút quen thuộc với bạn đọc miền Nam hồi đất nước chưa thống nhất. Những công trình và những bài báo của ông thường được công chúng hoan nghênh, tiếp tục trao đổi, bất chấp sự kiểm duyệt của chế độ cũ.

Sự hoan nghênh và tiếp tục trao đổi ấy không hẳn vì mọi điều ông nói ra đều đúng và hay cả, mà trước hết, là vì người ta thấy ông đã nói thẳng, nói thật với tất cả tấm lòng chân thành của một trí thức yêu nước, có tinh thần dân tộc chân chính, sâu sắc. Tấm lòng này của ông được đặc biệt thể hiện rõ khi ông nhắc nhở, kêu gọi các bạn trẻ cần tôn trọng đạo nghĩa, uống nước nhớ nguồn, cần ra sức học tập, trau dồi năng lực toàn diện để góp phần xây dựng đất nước phồn vinh trên cơ sở tự lập tự cường.

Các kiến giải của học giả Nguyễn Hiến Lê và những số liệu, những sự việc..., kèm theo, là những

kiến giải số liệu, sự việc... của vài ba chục năm về trước. Đối với hôm nay, thì có nhiều kiến giải đã được thực hiện bình thường, có những kiến giải cũng cần được tìm hiểu cân nhắc thêm; còn về số liệu và sự việc, thì hẳn là đã cũ, nhưng vẫn còn giá trị so sánh, tham khảo nhất định.

Trân trọng công phu và tấm lòng của một học giả, Nhà Xuất bản Văn học xuất bản tập *Vài lời ngỏ với bạn trẻ* này và xin lưu ý lại đôi điều cùng bạn đọc.

Nhà Xuất bản Văn học

TỰA

Từ 1959 chính quyền Ngô Đình Diệm bắt đầu rung rinh.

Người ta thấy nó bất lực; thôn quê mất an ninh, nông dân bỏ ruộng đất tản cư ra thành thị; kinh tế thụt lùi, đời sống đắt đỏ gần gấp hai năm 1954, đồng bạc sụt giá, nhiều người thất nghiệp; công chức hống hách và tham nhũng, vì nạn bè phái, sở nào cũng đầy nhân viên mà già nửa ngồi không, ngay trong học đường và trường thi cũng thiếu kỷ luật: đó là dấu hiệu chắc chắn nhất của sự sụp đổ.

Người ta oán nhất chính sách độc tài, phong kiến, gia đình trị bầu bán bịp bợm, và áp bức đạo Phật của mấy anh em nhà Ngô. Chỉ nhờ Mĩ che chở mà Ngô Đình Diệm sống được tới ngày đảo chánh 1.11.63.

Những chính quyền lên thay Diệm còn bất lực, thối nát hơn Diệm nữa, và suốt 11 - 12 năm sau, nội bộ miền Nam thật là hỗn loạn. Các giáo

phái và cơ quan ngôn luận đều lên tiếng đả kích mỗi ngày một mạnh nhưng chính quyền chỉ làm thinh hoặc đàn áp, không cải thiện một chút gì cả.

Khi rời Long Xuyên lên Sài Gòn tôi đã có chủ trương rõ rệt: Chỉ hoạt động về văn hóa, không làm chính trị, và muốn giữ tư cách độc lập, không vô một đảng phái, một hội đoàn nào. Nhưng từ 1960, thấy nhiều cái chướng tai gai mắt trong xã hội, tôi không thể làm thinh, và phải lên tiếng trên các tạp chí ***Bách Khoa***, ***Mai***, ***Tin Văn***... *Trước sau trên mười năm liên tục, được khoảng bốn năm chục bài, dài thì bốn năm chục trang, ngắn thì ba bốn trang, trung bình là 8 - 10 trang, góp ý kiến với quốc dân và nhà cầm quyền về nhiều vấn đề từ giáo dục văn hóa tới kinh tế xã hội, chính trị... Ba bài bị bỏ, không đang được, một bài được đăng nhưng bị cắt nhiều tới nỗi mất cả ý nghĩa (Coi mục lục).*

Một số bài đã được lựa cho vào hai tập ***Mấy vấn đề xây dựng văn hóa*** *(Tao Đàn - 1967)* ***Những vấn đề của thời đại*** *(Mặt Đất 1974). Năm 1974 tôi lựa thêm mười tám bài có tính cách thời sự cho vào tập này, định khi nhà Trí Đăng xuất bản cuốn* ***Mười câu chuyện văn chương*** *rồi thì cho xuất bản tiếp; nhưng nhà Trí Đăng bận nhiều việc mà thời cuộc biến*

chuyển mau quá, cho nên cuốn trên mới phát hành được mấy ngày thì Sài Gòn được giải phóng, và tập này không còn lí do để ra mắt độc giả nữa.

Vì tính cách thời sự, tôi sắp các bài theo thời gian chứ không theo đề tài. Tuy một số bài tôi sửa đổi, thêm bớt vài chữ, vài câu cho rõ thêm hoặc đỡ rườm, hết thảy đều không quan trọng.

Sài Gòn, một ngày mùa Đông năm Đinh Tị (1977).

Nguyễn Hiến Lê

DÙNG TIẾNG VIỆT LÀM CHUYỂN NGỮ Ở BẬC ĐẠI HỌC

Các sinh viên và phụ huynh đều mong trong phiên nhóm cuối năm vừa rồi, Quốc hội [1] sẽ giải quyết cho xong vấn đề dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ ở bậc Đại học; mà rồi đều thất vọng đến nỗi đọc xong những bài tường thuật trên báo chí về vấn đề đó, người ta chỉ lắc đầu thở dài chứ không có phản ứng gì sôi nổi như năm ngoái nữa. Thế là bao nhiêu lời kêu gọi thiết tha của sinh viên, của phụ huynh trên mặt báo, rồi mấy lần diễn thuyết của những người nhiệt tâm với vấn đề trong hai năm chẳng tới đâu cả: vấn đề nằm ỳ ra đấy, nguyên vẹn như mấy năm trước.

Khi mới đọc xong bài tường thuật nhan đề là *Viện Đại học chưa đề nghị dùng tiếng Việt ở bậc Đại Học* đang trên báo *Tự Do* ngày 28.12.1960, tôi liệng tờ báo xuống, nghĩ thầm:

"Việc đời 100 lần có 90 lần không như ý mình. Thôi thì các sinh viên đành đợi ít năm nữa vậy, đành xoay sở

---

(1) Đây là Quốc hội Sài Gòn trước năm 1975 (BT)

cách nào để nghe nổi lời giảng của giáo sư thì xoay sở; làm cách nào để học thuộc lòng những bài giảng đó rồi trả bài cho giáo sư thì làm, chứ còn nói năng gì nữa. Người ta đã nói nhiều rồi, đã viện đủ các lí lẽ rồi, đã kêu ca và năn nỉ, mà viện Đại học vẫn chưa chịu dùng tiếng Việt thì đành vậy chứ biết làm sao?"

Thế là tôi dẹp vấn đề đó qua một bên, không lưu tâm tới nữa. Thú thực là lúc đó tôi bận việc nhà, lại đau vặt luôn mấy tuần nên không muốn suy nghĩ, viết lách gì cả.

Nhưng gần đây một số phụ huynh học sinh quen cũng có, không quen cũng có, trách tôi sao đã theo dõi vấn đề từ mấy năm nay mà lần này không lên tiếng; dù chẳng nghe được kết quả gì đi nữa thì cũng cứ lên tiếng giúp các ông dân biểu biết cảm tưởng của một số người đã bầu các ông ấy lên thay mặt mình bàn việc nước, nhất là cái việc trong trường hợp này lại là việc rất quan trọng tới văn hóa và tương lai dân tộc.

Vì vậy tôi lại miễn cưỡng viết bài này, Tôi đã có lần nói: Nhắc tới viện Đại Học là điều bất đắc dĩ cho tôi.

Tôi vẫn biết tại các nước như Pháp, Anh, Mĩ... nhà cầm quyền chỉ có bổn phận *phải tôn trọng dư luận quần chúng* chứ không nhất thiết phải luôn luôn *làm theo ý muốn của quần chúng.* Vì có những vấn đề thuộc phạm vi

chuyên môn, đại đa số quần chúng không sao hiểu rõ, phải tin ở các nhà chức trách để họ giải quyết lấy.

Nhưng vấn đề dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ ở bậc Đại học có phải là một vấn đề chuyên môn tới các mức sinh viên và vài phụ huynh học sinh không thể hiểu nổi không? Chúng tôi tin rằng không. Nếu viện Đại học Sài Gòn tin là có thì cũng được đi - Viện có quyền tin sao thì tin, chúng tôi không dám cãi - nhưng vấn đề đặt ra rồi, đại đa số quần chúng đã yêu cầu Viện giải quyết thì giải quyết ra sao, xin Viện cho biết đi để chúng tôi hướng dẫn sự học của con em chúng tôi chứ!

Viện không dùng tiếng Việt ở Đại học mà dùng tiếng Pháp, tiếng Anh hay tiếng nào đó thì cũng được đi, nhưng phải có sự lên tiếng giữa hai bậc trung học và Đại học để cho học sinh đậu tú tài rồi có đủ sức về sinh ngữ mà theo học ở bậc trên và Viện cũng phải cho biết giải pháp dùng ngoại ngữ ấy phải duy trì ít nhất là bao nhiêu năm nữa, vì những lí do nào?

Còn như nếu Viện nhận rằng dùng tiếng Việt bậc Đại học là việc hợp lí thì xin Viện cũng cho biết trong mấy năm nay Viện đã chuẩn bị được những gì và trong bao lâu nữa thì có thể thực hiện được. Chúng tôi tin tưởng những điều chúng tôi đòi hỏi không có tính cách bí mật gì, cũng không có tính cách chuyên môn gì mà bảo rằng

không thể tuyên bố ra được, hoặc có tuyên bố thì quốc dân cũng không hiểu nổi...

Giải quyết ra sao thì giải quyết phắt đi, cứ kéo dài như ngày nay thì quốc dân chỉ hoang mang thôi. Vì đã bao năm nay người ta chưa tiến được bước nào, cơ hồ như thụt lùi nữa.

Năm *1958* bộ Quốc gia Giáo dục tuyên bố trong cuốn *Chương trình Trung học*:

"Sẽ tiến tới việc dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ ở bậc Đại học nhưng việc này *phải chuẩn bị ngay từ bây giờ* bằng:

- Việc đào tạo giáo sư Đại học.

- Việc thống nhất danh từ.

- Việc biên soạn và dịch thuật các sách.

Mặc dầu chuyển ngữ ở Đại học là tiếng Việt, sinh viên cũng cần phải thông thạo một sinh ngữ và biết qua một sinh ngữ khác."

Đọc những hàng đó ai mà không mừng, không tin rằng công việc đã chuẩn bị ngay từ năm đó và chỉ khoảng 1960, trễ lắm là 1961 tiếng Việt đã có thể bắt đầu dùng làm chuyển ngữ ở những năm đầu các Đại học rồi.

Năm 1959. Sau phiên nhóm của Quốc hội ngày

22.12., người ta ghi trong biên bản:

"Tiếng Việt dạy ở Đại học đang được lưu ý, nhưng sinh viên phải có một chứng chỉ sinh ngữ" (Theo báo *Tự Do* ngày 24.12.59).

Rồi tới *năm nay*, theo bài tường thuật của báo Tự Do ngày 26.12.60 thì:

"Trả lời điểm dùng tiếng Việt ở bậc Đại học thì đã được bộ chấp nhận nhưng còn phải có sự đề nghị của ông Viện trưởng và sự ưng thuận của Hội đồng giáo sư, sau đó Bộ sẽ đưa ra hội đồng Nội các để chờ sự chấp thuận? (1)

Đó là ý kiến của Bộ, và có lẽ đây là ý kiến của Viện: "Ông Trần Tấn Thông nhân danh giáo sư Đại học cho rằng dùng Việt ngữ ở Đại học là đúng nhưng mong đừng làm hại tới trí thức thanh niên. Chưa thể dùng cho năm

---

(1) Chúng tôi chép nguyên văn. Đúng ra thì theo biên bản Quốc hội, ông Trần Tấn Thông tuyên bố rằng:

"Việc dạy bằng Việt ngữ là điều dĩ nhiên".

"Trước khi chuyển ngữ, chúng ta phải thống nhất danh từ khoa học..., danh từ khoa học có ít nhất là 200.000 tiếng".

"Chúng tôi không thể thực hiện sự chuyển ngữ bằng tiếng Việt hoàn toàn cho niên khóa 1961-1962 mà sau một thời gian nữa".

"Chúng tôi không muốn thị nghiệm trên lưng của học sinh".

1961 - 1962 được vì còn phiền phức trong việc thống nhất danh từ khoa học có lối 20.000 chữ không thể đem sinh viên ra thí nghiệm, hơn nữa dù sao sinh viên cũng phải biết giỏi một sinh ngữ". (1)

Thực tình là chúng tôi không còn hiểu nổi sự làm việc của Bộ nữa. Năm 1958 bảo *"phải chuẩn bị ngay từ bây giờ"*, rồi hai năm sau lại bảo: *"đã chấp nhận nhưng còn phải có sự đề nghị của ông Viện trưởng và sự ưng thuận của hội đồng giáo sư."* Thế thì năm 1958 chưa có sự đề nghị của Viện trưởng và sự ưng thuận của hội đồng giáo sư mà Bộ đã "chuẩn bị" rồi à? Hai năm rưỡi nay, Bộ đã chuẩn bị được những gì rồi? Và nếu bây giờ ông Viện trưởng không chịu đề nghị, hoặc nếu ông chịu đề nghị mà hội đồng giáo sư không chịu ưng thuận thì Bộ chuẩn bị để làm gì kìa?

Chúng tôi có cảm tưởng rằng Bộ, Viện trưởng và Hội đồng giáo sư chẳng những chưa thỏa thuận với nhau về nguyên tắc mà ngay đến quyền hành và trách nhiệm cũng chưa xác định một cách rõ rệt. Chúng tôi hiểu rằng Viện có qui chế riêng, Bộ không có quyền xen vô, nhưng như vậy thì phải có sự thỏa thuận của Viện rồi hãy tuyên bố, chưa có thì đừng tuyên bố. Lời tuyên bố năm nay của Bộ có khác gì trút hết cả trách nhiệm cho Viện không? Có khác gì bảo: "Năm 1958, Bộ chúng tôi yêu cầu chuẩn bị ngay, nếu tới nay chưa chuẩn bị thì tại Viện đấy."?

Tình trạng đó kéo dài mấy năm rồi, như vậy thì vấn đề chuyển ngữ ở Đại học có hi vọng giải quyết một ngày gần đây được?

Chúng tôi thú thực không biết chút gì về những thủ tục hành chánh, nhưng chúng tôi nghĩ rằng vấn đề có thể giải quyết một cách giản dị hơn, chẳng hạn Quốc hội đề nghị rồi Tổng thống quyết định, sau cùng Bộ hoặc Viện thi hành; còn chuyện Hội đồng giáo sư ưng thuận hay không là chuyện không cần phải bàn tới vì một khi Tổng thống đã chấp thuận, Bộ hoặc Viện đã đem thi hành thì giáo sư không có lý gì không theo; nói cho cùng ra, nếu có một vài vị không chịu thì Viện sẽ tìm giáo sư khác thay thế chứ có gì đâu? Quốc hội có thể hỏi ý kiến của Viện rồi ra một hạn là mấy năm nữa phải thực hiện cho xong vấn đề chuyển ngữ ở những năm đầu mọi ngành Đại học, và mấy năm sau thì sẽ được giải quyết toàn diện ở bậc Đại học. Quốc hội mà phát biểu đúng nguyện vọng của quốc dân thì không nên nhận một lời hứa mơ hồ như mấy năm nay: "*sẽ tiến tới*", "*đang được lưu ý*", "*sau một thời gian*"...

Đó là những điểm mà bọn phụ huynh chúng tôi thắc mắc, mong Bộ hoặc Viện giảng giải cho.

Từ trước tới nay, Viện chưa có một lời tuyên bố nào chánh thức cả. Chúng tôi nhớ chỉ có mỗi một lần giáo sư

Phạm Biểu Tâm [1] đại diện ông Viện trưởng, trong buổi nói chuyện của linh mục Bửu Dưỡng về vấn đề chuyển ngữ ở bậc Đại học (tháng 9/*1960)* trả lời diễn giả và tuyên bố với thính giả rằng *"Việc dùng Việt ngữ tuy nói thì nghe rất dễ, nhưng thực tế vô cùng khó khăn"*; và lần nhóm quốc hội vừa rồi, ông Trần Tấn Thông nhân danh giáo sư Đại học tuyên bố mà báo *Tự Do* đã tóm tắt lại ở trên.

Chúng ta có thể tạm cho rằng ý kiến hai vị đó là ý kiến của ông Viện trưởng và của đa số giáo sư trong Viện.

Tóm tắt lại thì hai vị đó đều nhận rằng sự dùng tiếng Việt ở Đại học là hợp lý, nhưng còn ngại:

1- Làm tổn thương đến trình độ trí thức văn hóa, khoa học của sinh viên (lời ông Trần Tấn Thông).

2- Công việc thống nhất danh từ rất khó khăn (lời của cả hai ông).

3- Phải đem sinh viên ra thí nghiệm (lời ông Trần Tấn Thông).

---

(1) *Phạm Biểu Tâm* (1913 - 1999) Thạc sĩ, giáo sư y khoa nguyên quán tỉnh Thừa Thiên, tốt nghiệp y khoa Hà Nội, Thạc sĩ y khoa Pháp. Có thời gian ông giữ chức - khoa trưởng Đại học y khoa Sài Gòn. Ông là một trong những người muốn duy trì việc dạy học ngoại ngữ tại Đại học.

Năm 1999, ông mất tại Hoa Kì, thọ 86 tuổi. (BT)

Nếu quả thực Viện chỉ ngại có ba điều đó thì chúng tôi tưởng vấn đề không phải là nan giải.

Điểm thứ nhất: làm tổn thương đến trình độ trí thức, văn hóa, khoa học của sinh viên.

Chúng ta có thể làm hại cho trình độ trí thức của sinh viên trong hai trường hợp:

a- Giáo sư chỉ giảng bằng tiếng Việt mà sinh viên chỉ học bài đó không có đủ sức tham khảo thêm những sách ngoại quốc. Xin thưa rằng phụ huynh chúng tôi tuyệt nhiên không muốn như vậy. Chúng tôi vẫn nhận rằng sinh viên lên tới Đại học phải đọc thông một ngoại ngữ và phải tham khảo những sách ngoại quốc. Chúng tôi chỉ mong rằng giáo sư giảng bằng tiếng Việt cho sinh viên dễ hiểu và hiểu rồi thì dễ diễn ra được, khỏi bị cái nạn nghe giáo sư giảng mà như vịt nghe sấm và khi đọc bài thì phải học thuộc lòng từng chữ như ngày nay. Điểm đó chúng tôi đã bàn nhiều rồi xin miễn nhắc lại. Chúng tôi còn nghĩ rằng sinh viên nghe bài giảng mà dễ hiểu và một khi hiểu là có thể diễn ra dễ dàng thì mới có thì giờ tham khảo sách ngoại ngữ và như vậy mới có lợi cho trí thức sinh viên; chính tình trạng hiện nay (nghe giảng không hiểu, phải học thuộc lòng) mới là có hại cho trí thức sinh viên).

b- Chỉ dùng giáo sư Việt mà giáo sư Việt chưa đào tạo đủ, giá trị kém giáo sư ngoại quốc. Chúng tôi nhận

rằng hiện nay có tình trạng thiếu giáo sư, nhưng chính vì vậy mà chúng ta phải chuẩn bị gấp và trong khi chờ đợi, môn nào giáo sư Việt đảm đương được thì cứ dạy bằng tiếng Việt, đỡ mệt cho sinh viên chừng nào hay chừng nấy. Chúng tôi chỉ mong sự thay đổi từ từ nhưng phải có sự thay đổi. Chắc trong hai năm nay Bộ và Viện đã chuẩn bị rồi và có thể cho biết trong thời hạn bao lâu thì chuẩn bị xong.

Điểm thứ nhì: Công việc thống nhất danh từ khoa học rất khó khăn.

Ông Trần Tấn Thông đưa ra con số 200.000 tiếng phải thống nhất (nên thêm: "phải thống nhất *hoặc dịch* thì mới thật đúng vì đa số danh từ chưa dịch, chỉ có một số ít là có vài người dịch rồi, bây giờ cần phải thống nhất). Con số 200.000 đó làm cho nhiều người ngạc nhiên nhưng chúng tôi cho rằng đúng. Tuy nhiên, ta cần phải phân biệt như Linh mục Bửu Dưỡng, [1] hai

---

(1) *Bửu Dưỡng* (1907 - 1997(?)): tên thật là Nguyễn Phúc Bửu Dưỡng bút hiệu Thiên Phong, linh mục Thiên chúa giáo, giáo sư triết học, sinh tại Huế ngày 13-7-1907, nhiều năm cư ngụ tại Sài Gòn.

Ông là tác giả nhiều sách triết học và từng giữ chức chủ tịch Hội Bảo tồn cố đô Huế, Hội Quảng tri Huế.

Ông là một trong những người muốn dùng tiếng Việt ở Đại học (BT)

thứ danh từ: "chuyển tiếp và chuyên môn. Mà những danh từ chuyên môn chẳng hạn về sử, địa, khoa học... chiếm đa số thì có thể giữ nguyên văn danh từ ngoại ngữ để giúp sinh viên tra cứu sách vở và dễ dàng tiếp xúc với ngoại quốc" hoặc nếu có cần dịch thì chỉ định một lối *dịch âm* nào hợp lí, nửa năm là có thể dịch xong hàng trăm nghìn tiếng rồi.

Vả lại tính ra thì tới 200.000 tiếng nhưng thử hỏi nền Đại học của ta hiện nay chưa có đủ ngành như nền Đại học Pháp, Anh đã dùng gì tới hết 200.000 tiếng đó? Mà có dùng tới hết chăng nữa thì cũng có thể chia ra từng chặng mà dịch, mỗi năm dịch một số tiếng cần để dạy năm đó đã, như vậy lần lần sáu bảy năm lần lần sẽ hết; mà mỗi năm công việc sẽ không quá nhiều, chia cho hàng chục giáo sư, mỗi vị lãnh một phần thì có gì mà trong hai năm nay không xong, đủ một mớ, đủ để bắt đầu dạy tại các năm thứ nhất hay dự bị của mọi ngành?

Ông Phạn Biểu Tâm chỉ tuyên bố là "Vô cùng khó khăn". Trong báo *Mai* ngày 10, 10.1960 chúng tôi đã yêu cầu ông cho biết lí do khó khăn để quốc dân có thể so sánh quan niệm của ông với quan niệm của Linh mục Bửu Dưỡng, nhưng bài báo có lẽ chưa tới ông nên ông vẫn chưa cho biết ý kiến.

Chúng tôi nhận rằng công việc không phải dễ dàng (chứ không nói *vô cùng khó khăn*) nhưng có vậy thì quốc dân mới trông cậy vào các ông, những nhà trí thức tối cao trong nước, và càng khó khăn lại càng phải chia việc ra mà làm gấp. Ông Thông nói một năm nay có một Hội đồng giáo sư Đại học hằng tuần họp nhau để nghiên cứu vấn đề. Tại sao chỉ mới nghiên cứu từ một năm nay thôi? Thế thì năm 1958, sau khi Bộ tuyên bố "phải chuẩn bị ngay từ bây giờ" cái công việc chuẩn bị đó giao cho cơ quan nào, chắc không phải là cho Viện rồi?

Nhưng dù chỉ mới nghiên cứu từ một năm nay thì sau bốn năm chục lần hội họp, các học giả của Viện chắc cũng đã đặt xong qui tắc, phác xong chương trình, phân phối xong công việc và có thể cho quốc dân biết đến năm nào thì bắt đầu thực hành ở các năm dự bị hoặc thứ nhất mọi ngành được chứ? Có lẽ nào chỉ mới có thể hứa một cách rất mơ hồ phải đợi một thời gian nữa?

Làm cho tôi suy nghĩ nhất là *điểm thứ ba: Không muốn thí nghiệm trên lưng của sinh viên*

Thí nghiệm cái gì đây? Vẫn chương trình đó, vẫn phương pháp đó. Vẫn giáo sư đó, chỉ khác trước sau bằng ngoại ngữ, bây giờ dạy bằng Việt ngữ mà ông Trần Tấn Thông bảo là thí nghiệm Việt ngữ chứ còn thí

nghiệm cái gì nữa? Mới đọc bài tường thuật, tôi tự hỏi như vậy.

Hôm nay đọc bài ông Thông trả lời ông Nguyễn Thành Minh (báo *Tự Do* ngày 22.1.61) tôi không còn thắc mắc gì nữa: đúng là ông ngại sự thử nghiệm những danh từ khoa học rồi. Giữa Quốc hội ông tuyên bố:

"Vì vấn đề chuyên môn là một vấn đề tối quan trọng, chúng tôi không thể áp dụng trước khi có một sự thống nhất danh từ khoa học và *chúng tôi không muốn thí nghiệm trên lưng của sinh viên* (Biên bản Quốc hội số 30/65).

Rõ ràng là cái tinh thần thận trọng của các học giả. Nhưng chúng tôi tự hỏi có thận trọng quá không?

Sự thí nghiệm danh từ khoa học có phải là việc mới mẻ đáng cho các vị ấy lo lắng tới cái mức đó không? Mười mấy năm trước đây, khi chúng ta bỏ chương trình Pháp ở bậc Trung học mà dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ, chúng ta có lo lắng như vậy không, hay là chúng ta mạnh bạo thí nghiệm và kết quả là nền Trung học Việt Nam đã có thành tích, học sinh không phải vì dùng những danh từ khoa học ta đặt ra mà dốt về khoa học, mà mụ người đi, không biết phán đoán, hoặc nói chuyện về khoa học thì không ai hiểu ai. Tôi vẫn biết rằng "bậc Đại học không phải là bậc Trung học nối dài",

nhưng đó lại là chuyện khác. Ở đây ông Thông chỉ ngại về cái hại đem thí nghiệm vội vàng những danh từ khoa học khi chưa được thống nhất. Viện Đại học Sài Gòn là Viện lớn nhất trong nước, cứ đặt, dịch các danh từ khoa học mà dùng đi thì rồi nó sẽ thống nhất cũng như xưa kia các trường Trung học công lập cứ dùng những danh từ của ông Hoàng Xuân Hãn [1] và ngày nay những danh từ đó thành thống nhất chứ có gì đâu?

Tất nhiên một số danh từ có thể đặt sai, dịch sai; nhưng khi thấy sai mà danh từ chưa được phổ thông lắm thì ta sửa lại ngay, nhược bằng đã quá phổ thông rồi thì chẳng cần sửa cũng được, vì vô hại. Danh từ nước nào cũng vậy. Chẳng hạn tiếng *kinh tế* mà người Trung Hoa dùng để dịch chữ *économie politique* [2], đâu có đúng nghĩa,

---

(1) Hoàng Xuân Hãn (1908-1996): giáo sư khoa học, học giả, sinh năm 1908 tại Hà Tĩnh, du học Pháp từ năm 1928.

Tốt nghiệp trường Polytechnique, Paris, Trường Cầu Cống, Thạc sĩ Toán, kĩ sư nguyên tử Pháp. Về nước dạy tại trường Bưởi, trường Đại học Hà Nội. Năm 1945 giữ chức Bộ trưởng Giáo dục - Mĩ thuật trong chính phủ Trần Trọng Kim.

Ông là tác giả nhiều sách trong đó có bộ *Danh từ khoa học* (1942) và *Chương trình trung học Việt Nam* dạy và học bằng tiếng Việt.

(2) Kinh tế là do thành ngữ "Kinh bang tế thế" nghĩa là trị nước giúp đời - Chính ra là do Nhật dịch, Trung Hoa theo Nhật (chú thích khi chép lại)

khi thấy nó sai thì nó đã quen dùng rồi mà không cần phải đổi nữa. Còn danh từ *Kỉ hà học* để dịch chữ Géométrie ngày nay ta thấy sai mà vì nó chưa thông dụng, nên đổi là *Hình học*, và các giáo sư và học sinh đều bỏ *Kỉ hà học* mà dùng *Hình học*. Ngay như danh từ *Hàn thử biểu* đã thông dụng mà nay ta vẫn cứ đổi là *nhiệt kế* cho đúng hơn và chúng ta cũng đã bỏ tiếng trên mà dùng tiếng dưới một cách rất dễ dàng. Tôi thấy như vậy chẳng có hại gì lớn cho sự đào tạo thanh niên cả. Vì ta nên nhớ rằng sinh viên ở Đại học không như trẻ ở Tiểu học hay Trung học, hoang mang về sự danh từ không thống nhất; họ hiểu được cách cấu tạo hay dịch danh từ và khi hiểu rồi thì dễ nhớ. Mà học học là cần học tinh thần nghiên cứu, phán đoán, còn danh từ chỉ là mặc ước với nhau, không phải là quan trọng nhất.

Tất nhiên tránh được thì vẫn hơn, thận trọng thì vẫn quí, nhưng chúng tôi tưởng bước đầu không sao tránh hết được ít nhiều sự bất tiện. Vì dù Viện Đại học có bỏ ra mười năm hay hai mươi năm để dịch cho thật đúng 200.000 danh từ khoa học thì thể nào cũng có một số tiếng khi dùng rồi mới thấy phải sửa đổi lại; và dù sao thì người ta cũng vẫn phải đem những tiếng đó ra để "thí nghiệm trên lưng của sinh viên", vì nội một việc đem ra dạy tức là đem ra thí nghiệm rồi.

Suy cho kỹ thì trước kia, ngay việc dùng tiếng Việt ở

Trung học đã là một sự thí nghiệm; ngày nay nội cái việc dùng tiếng Việt ở Trung học mà dùng tiếng ngoại quốc ở Đại học cũng là một thí nghiệm nữa. Trong sự giáo dục, bất kỳ một sự thay đổi gì hơi quan trọng cũng là một "thí nghiệm trên lưng của học sinh". Mà ngay như việc đời cũng vậy: từ quân chủ đổi ra dân chủ, từ kinh tế chỉ huy đổi ra kinh tế tự do rồi từ kinh tế tự do trở về kinh tế chỉ huy, từ sự dùng cái cày tay đổi ra dùng cái cày máy... đều là những sự "thí nghiệm trên lưng" con người cả. Không có thí nghiệm thì làm gì có sự thay đổi, làm gì có tiến bộ. Không có thí nghiệm thì chúng ta tất còn ăn lông ở lỗ như tổ tiên thời thượng cổ; Và nếu trong sự giáo dục không có thí nghiệm thì ngày nay chúng ta cũng vẫn còn dùng chương trình Pháp của thời Pháp thuộc. Vậy thì tại sao lại sợ thí nghiệm như vậy kìa?

Mà nói cho cùng, trong khi chưa kịp thống nhất, nếu có một số tiếng mỗi giáo sư dịch một khác thì ta cứ ghi cả lại và ghi thêm tên quốc tế, có hơi rắc rối cho sinh viên thật, nhưng cũng chẳng có hại gì lớn. Việt ngữ ngày nay chưa được thống nhất, cái *rương* ở Nam, người Bắc gọi là cái *hòm*, trái *na* ở Bắc, người Nam gọi là trái *mãng cầu ta*... nhưng không phải vì vậy mà người ta không dạy tiếng Việt cho trẻ.

✷

Tóm lại phụ huynh chúng tôi chỉ yêu cầu Bộ và Viện có một đường lối dứt khoát: dùng tiếng Việt hay không dùng tiếng Việt. Nếu dùng thì mấy năm nữa có thể bắt đầu dạy ở các năm thứ nhất các ngành Đại học - chúng tôi không đòi hỏi một sự thay đổi toàn diện ngay một lúc; mà nếu không dùng thì sửa đổi lại chương trình Trung học ra sao để con em chúng tôi có thể nói, nghe thông được một ngoại ngữ khi học hết bậc Trung học. Chúng tôi chỉ cần biết rõ điều đó để hướng dẫn sự học của con em vì nếu bảy năm nữa mà vấn đề chuyển ngữ vẫn nằm ỳ ra như ngày nay thì chúng tôi sẽ tìm cách cho con em vào những trường Trung học Pháp để khi lên Đại học chúng khỏi bỡ ngỡ.

Một ông dân biểu, ông Trương Thiều, thắc mắc "Không hiểu Bộ Quốc gia Giáo dục có hướng dẫn học sinh hướng theo văn hóa Pháp không". Theo một vị dân biểu thì "Bộ không có ý hướng thanh niên theo chương trình văn hóa Pháp, việc chọn sinh ngữ Anh, Pháp tự do là một bằng chứng."

Vâng quả thực đó là một bằng chứng, song tôi tự hỏi không biết người ta cho con em học tiếng Anh làm gì khi mà hiện nay ở Đại học hầu hết các môn chỉ dạy bằng tiếng Pháp?

Lời yêu cầu của ông Hoàng Văn Nam, dùng cả tiếng

Pháp và Anh ở Đại học khoa học (báo *Tự Do* ngày 21.1.61) không phải là vô lý: có vậy thì những học sinh lựa Anh ngữ làm sinh ngữ thứ nhất mới khỏi bị thiệt thòi. Bộ Quốc gia Giáo dục và Viện Đại học đã nghĩ đến điều đó chưa? Lẽ nào lại thất sách đến như vậy, mở thêm một Đại học dạy bằng một ngoại ngữ khác nữa ở Sài Gòn này?

Chúng tôi ngờ rằng vấn đề chuyển ngữ này có liên quan mật thiết tới những vấn đề nào khác chăng, nên nó mới hóa ra rắc rối đến nỗi các học giả của chúng ta giải quyết mấy năm nay vẫn chưa ổn như vậy.

Sài gòn ngày 23.1.1961
(*Bách Khoa* ngày 15.2.1961)

(Vấn đề chuyển ngữ ở Đại học được đặt ra từ năm 1959, tám năm sau, năm 1967 mới tạm giải quyết xong.

Trước sau tôi lên tiếng cả thảy 5 lần:

1- Một loạt hai bài đăng trên *Bách khoa* số 15.1.60 và 1.2.1960.

2- Một bài đăng trên *Mai* số 10.10.1960.

3- Một bài đăng trên *Bách Khoa* số 15.2.1961, tức bài chép lại đây.

4- Một bài đăng trên *Bách Khoa* số 1.7.1961.

5- Và một bài đăng trên *Tin Văn* số 30.11.1966 (bài này sau in trong cuốn *Mấy vấn đề xây dựng văn hóa* - Tao Đàn - 1967).

Những bài đó càng về sau giọng càng gay gắt, sinh viên Đại học rất hoan nghênh, đã có lần muốn gom thành một tập với những bài của linh mục Bửu Dưỡng và của vài người khác thành một tập nhưng sau vì một áp lực nào đó phải bỏ dự định ấy.

Có tin đồn trường Y khoa sau đó - trường có một loại giáo sư quyết chia làm hai phía tranh giành nhau ảnh hưởng: phe giáo sư già do Pháp đào tạo và phe giáo sư trẻ ở Mỹ mới về; họ đều không muốn dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ. Nhưng tôi đoán nguyên nhân chính có lẽ là tại hạng giáo sư già vừa dở tiếng Việt, vừa ngại soạn bài bằng tiếng Việt, vừa ngại giảng bằng tiếng Việt sẽ thua một số giáo sư trẻ hơn họ, địa vị thấp hơn họ, cho nên cố ngăn cản, trì hoãn được năm nào hay năm ấy.

TÌM MỘT GIẢI PHÁP CHO NGÀNH XUẤT BẢN VIỆT NAM

(Trước năm 1954 ngành xuất bản ở miền Nam tiến chậm nhưng đều đều. Sau Hiệp định Genève, một phần vì sự di cư của trên 800.000 đồng bào miền Bắc, của nhiều cây bút Bắc, một phần vì tiếng Việt được dùng làm chuyển ngữ ở Trung học - từ 1952? - ngành đó phát triển mạnh mẽ, nhưng chỉ được 4 - 5 năm rồi bắt đầu suy).

Năm 1961, sau khi đọc cuốn *L' Edition française au pied du mur* của Paul Angoulvent - Presses universitaires de France - 1960), tôi viết một bài dài khoảng 50 trang viết tay, đăng làm năm kỳ trên tờ *Bách khoa* từ số 100 ngày 1.3.61 đến số 104 ngày 1.5.61, trong đó tôi so sánh hai ngành xuất bản ở Pháp và ở Việt Nam.

Hai ngành đó lớn nhỏ khác nhau xa - của mình chỉ bằng *1/30, 1/40 của họ - nhưng cũng có những triệu chứng lâm nguy như nhau, cũng có những nhược điểm như nhau:*

1- Sản xuất hỗn độn, thiếu một chương trình, các nhà xuất bản tư dẫm chân lên nhau, cạnh tranh với nhau, mà các cơ quan văn hóa công, bán công cũng chen lấn nhau nữa;

2- Một cách thức phát hành còn hỗn độn hơn nữa, từ lối chở sách đi phân phối cho các nhà bán sách, tới cách tổ chức bán sách... (từ bài I đến bài III).

Sau cùng tôi đưa ra một giải pháp, một kế hoạch cải cách, vạch trách nhiệm của các nhà sáng tác, các nhà xuất bản, các nhà phát hành, nhất là trách nhiệm của chính phủ (bài IV và V) trong việc khuyến khích sự đọc sách, giúp đỡ tư nhân trong những công việc văn hóa quan trọng mà tư nhân không đủ sức thực hiện, sửa đổi lề lối kiểm duyệt cực vô lí, không có đường lối gì cả.

Dưới đây tôi chỉ chép lại Đoạn kết gồm khoảng 4 trang viết tay của loạt bài đó).

*

Chúng ta đã so sánh hai ngành xuất bản Pháp và Việt từ giai đoạn sáng tác tới giai đoạn bán lẻ. Chúng ta đã thấy hai ngành tuy lớn nhỏ khác nhau xa nhưng càng lâm vào ngõ bí như nhau - tình hình của ta còn bi quan hơn tình hình của Pháp nhiều - cũng có những cái tệ như nhau mà cái tệ lớn nhất là sự hỗn độn do sự tự do cạnh tranh thiếu một chương trình hợp lý, dựa trên nhu cầu và lợi ích của nhân dân.

Như chúng tôi đã nói, có lẽ chính sách kinh tế của Việt Nam hơi giống của Pháp và sự bảo trợ văn hóa của

chính phủ Việt Nam cũng như của chính phủ Pháp. Không có đường lối nhất định, nên tình trạng xuất bản của hai xứ cách rất xa nhau mới giống nhau đến bảy tám phần mười như vậy.

Chúng tôi đã xét kỹ những đề nghị của tác giả *L'Edition franaise au pied du mur* để cải thiện tình hình ở Pháp; chúng tôi đã rút những kinh nghiệm ở Pháp, Anh, Đức để rán tìm một giải pháp thích hợp với tình trạng nước nhà.

Tóm tắt lại thì giải pháp đó gồm những điểm chính dưới đây:

- Về phương diện *sáng tác*, các nhà cầm bút nên hiểu rằng không phải tác phẩm nào viết xong cũng đáng cho ra mắt độc giả ngay, nhất là trong lúc tình hình xuất bản khó khăn như lúc này; chỉ những tác phẩm nào chắc chắn bán được trên ngàn cuốn thì mới thu lại đủ vốn in thôi; vậy nếu có tác phẩm bán chậm mà cần cho ra ngay thì nên quay ronéo, phí tổn sẽ nhẹ hơn.

- Về phương diện *xuất bản*, những nhà nào mà quyền lợi không tương phản nhau quá, nên họp nhau lại để khỏi tản mác như ngày nay, gom lại còn độ mươi nhà thôi mà rút đi được nhiều phí tổn.

Các nhà xuất bản lại nên lập chương trình hoạt động để khỏi chen lấn nhau, thỏa thuận với nhau về vấn đề giá

cả và huê hồng, bỏ sự chở sách đi bán khắp nơi, mà chỉ cạnh tranh nhau ở điểm nghiên cứu thị trường cho kỹ, lựa tác phẩm cho cẩn thận, trình bày tác phẩm cho đẹp, in sao cho đỡ tốn.

- Về phương diện *phát hành* chúng tôi mong Nghiệp đoàn sẽ thành lập một hai cơ quan trung ương phát hành, được hết thảy các nhà xuất bản gia nhập để sự phát hành được phổ biến mà đỡ tốn, để có thể buộc các nhà sách đứng đắn phải chứa đủ mặt sách và có chỗ riêng trưng bày những tác phẩm mới ra; có như vậy mới được hưởng số huê hồng nhất định của nhà bán sách chuyên nghiệp.

- Về phương diện hoạt động văn hóa của *chính phủ*, chúng tôi nghĩ chính quyền nên giải quyết gấp những điều dưới đây:

Sách giáo khoa ở tiểu học và trung học, những cuốn nào khó thì Tu thư nên soạn lấy, còn thì để các nhà xuất bản đảm nhiệm dưới sự hướng dẫn của Sở và với điều kiện là phải bán theo giá mà Sở sẽ định. Giá đó sẽ thấp, huê hồng để cho nhà bán sách sẽ không trên 20%; như vậy sự cạnh tranh về giá cả giữa các nhà bán sách sẽ giải quyết được tức thì, giá trị của sách sẽ tăng, giá bán sẽ giảm mà chỉ trong một thời gian là vài năm, vấn đề sách giáo khoa sẽ giải quyết xong; chứ nếu Sở Tu thư làm lấy hết thì e mười năm nữa cũng chưa hoàn thành.

Bỏ hết những trợ cấp lặt vặt đi mà gom hết cả khả năng lại để thành lập một cơ quan văn hóa thôi, hầu có thể thực hiện một chương trình văn hóa lớn: Soạn những bộ *Tự điển Việt Nam, Tự điển Bách khoa, Ngữ pháp Việt Nam, Sử ký, Địa lý*... giải quyết vấn đề chuyển ngữ ở bậc Đại học, soạn những sách phổ thông cho quần chúng và dịch những danh tác thế giới. Sự thành lập cơ quan văn hóa đó kịp với chủ trương của người lãnh đạo quốc gia trong cuộc cải tổ cơ chế quốc gia sắp tới.

Chính phủ chỉ xuất bản lấy những bộ nào rất có giá trị mà tư nhân không thể xuất bản được; nếu có thể giao cho tư nhân thì nên giao.

Lập những quỹ tín dụng để cho các nhà xuất bản muốn vay tiền dài hạn - với sự đảm bảo nào đó - mỗi khi họ muốn thực hiện một công việc khá lớn có giá trị và có tính cách ích lợi.

Khuyến khích sự gởi sách báo qua Cao Miên, Pháp, Thái... bán cho kiều bào.

Những đề nghị đó chúng tôi châm chước kế hoạch của Paul Angoulvent và sửa đổi cho hợp với tình trạng nước nhà. Nó không có gì là viễn vông, rất có thể thực hiện được nếu từ chính quyền tới tư nhân, từ các nhà soạn sách tới các nhà xuất bản, phát hành, bán sách đều nghĩ rằng *sách không phải là một món hàng như mọi món*

hàng khác, rằng nó liên quan mật thiết tới sự thịnh suy của quốc gia. Nghĩ rồi lại phải hành động đúng ý nghĩ của mình nữa, chứ không phải chỉ tuyên bố suông.

Bất kỳ trong công việc gì, vấn đề người vẫn quan trọng hơn hết; phương pháp chương trình, luật lệ... có tốt mà con người hỏng thì cũng hóa xấu. Cho nên sự thịnh suy của ngành xuất bản tùy thuộc sự tự giác của các nhà sản xuất, từ nhà văn tới nhà bán sách.

Nếu những nhà đó không biết tự giác lúc này thì sớm muộn gì quốc dân cũng bắt họ phải tự giác.

Ông Paul Angoulvent trong đoạn kết viết:

"Chưa tới mười năm nữa đâu, là những đề nghị của chúng tôi trong cuốn này sẽ hóa ra rụt rè; và chỉ nội hai chục năm nữa là nó hóa lỗi thời. Muốn nhận thấy điều đó chỉ cần nhìn đám thanh niên đương lên - thanh niên của Pháp, thanh niên của thế giới.

"Khắp nơi lời kêu gọi như nhau: trước hết là sống đã đành rồi, nhưng đồng thời cũng học nữa. Từ trẻ em cho tới những người chất phác (...) ai cũng mong được hiếu biết, coi sự hiểu biết là cái chìa khóa thần diệu mở cho ta một thế giới tốt đẹp hơn. Và nhà cầm quyền nào cũng biết rõ rằng không thể trì hoãn lâu sự thỏa mãn cái thị dục nồng nhiệt đó.

"Có thể tin được mảy may rằng sự giáo dục quốc dân đã bắt đầu phát triển về bề sâu, mà những người sản xuất và bán sách vẫn chỉ nghĩ tới sự làm giàu không? Tuyệt nhiên không (...) Họ sẽ có những trách nhiệm này (...) Càng ngày người ta càng đòi hỏi ở họ nhiều thêm (...), đòi họ thực hiện được cái lợi ích công cộng với một sự trả công vừa phải.

"Chúng ta đã tới cái khúc quẹo của lịch sử mà chúng ta hoặc là phải tự cải cách lấy mình, hoặc là đành lòng rút lui đi. Vì các nhà chuyên nghiệp (...) chỉ có thể độc lập được - (ông muốn tránh tiếng *tồn tại* chăng?) - nếu quốc dân xét rằng họ đáng được độc lập".

Lời tiên đoán đó làm cho chúng ta sợ. Lời đó đúng ở Pháp một thì đúng ở ta tới hai, ba. Bạn có thấy cao trào ham học của thanh niên Việt Nam sau già nửa thế kỉ bị nén xuống, lúc này tràn dâng lên vì số học sinh tăng lên ghê gớm. Tôi vẫn biết rằng một số lớn phóng túng mà ở đây tôi không xét nguyên do tại đâu, cũng không xét trách nhiệm về ai. Nhưng thế nào một ngày kia - không tới mười năm nữa đâu như ông Paul Angoulvent đã tiên đoán - một ngày kia bệnh đó sẽ qua khỏi và tất cả sẽ hăng hái tìm học, sẽ đòi hỏi những sách đứng đắn, bổ ích mà giá tiền vừa phải. Lúc đó họ sẽ luận công hay tội của ta đây? Muốn đón trước

thời đại hay muốn lùi lại sau, muốn sao cũng được, nhưng phải quyết định, dự bị ngay từ bây giờ đi; vì có muốn rút lui thì cũng phải dự bị sao cho có trật tự !

Sài Gòn ngày 10.2.1961

LẬT QUA HỒ SƠ THANH NIÊN

Mới bước chân vào nhà, chưa kịp ngồi, ông bạn tôi - anh M - đã giận dữ, lớn tiếng:

- Ngu! Ngu mà đui!

Tôi trố mắt ra, hỏi:

- Cái gì vậy? Đụng xe hả? Mời anh hãy ngồi xuống đã.

- Không! Tôi mới ở nhà ông S lại đây. Thanh niên thời này hư hỏng như vầy mà ông ta bảo chẳng có gì đáng lo cả, rồi cái bệnh du đãng của họ sẽ qua khỏi như một thứ bệnh ngoài da thôi. Anh nghĩ thế có ngu không chứ? Có đui không chứ? Vậy mà cũng tấp tểnh làm chính khách đấy! Ý kiến anh ra sao? Như vậy có phải là ngu không?

Tôi do dự một chút. Anh M tỏ vẻ bực bội, mày cau lại. Liếc thấy vậy, tôi mỉm cười, đáp:

- Chưa biết chừng mà ông ấy có lý đấy.

- Nghĩa là anh cũng nhận rằng thanh niên bây giờ không hư hỏng?

- Tôi không nói vậy. Nhưng mời anh hãy xơi nước

đã, nén giận một chút đi mà... Tôi chỉ muốn nói rằng có lẽ cái bệnh phóng túng của thanh niên ngày nay chỉ là một thứ bệnh ngoài da, đúng như lời ông S. Người ta thường phàn nàn về cái nạn cao bồi, du đãng của họ. Nhưng tôi nhớ lại cái tuổi thiếu niên của tụi mình, cũng ma cà bông gớm đi ấy chứ! Không biết anh ra sao chứ tôi, thì xin thú thực rằng từ 11, 12 tuổi tới 15, 16 tuổi chỉ tới bữa cơm tôi mới có mặt ở nhà, còn thì suốt ngày đá cầu ở giữa đường, leo cây ăn cắp me, len lỏi trong cái trại cưa, nghịch ngợm bậy bạ ở bến tàu. Rồi cũng họp bọn ngõ trên đánh nhau với ngõ cuối, phố Hàng Bè choảng nhau với phố Cầu Gỗ; có khi cả một bọn học sinh trường Bưởi dàn mặt trận trên đường Quan Thánh để quyết một trận thư hùng với học sinh trường Albert Sarraut nữa. Hồi đó chúng mình không có những bàn tay sắt như thanh niên ngày nay, nhưng trong cặp cũng giấu búa và dao. Mà rồi chỉ ít năm sau, chính những ông tướng ma cà bông đó thành những người đạo mạo, lương thiện hết; một vài ông nổi tiếng là đầu bò nhất bây giờ lại lãnh những chức vụ rất cao trong xã hội nữa. Như vậy thì cái tật ngày nay gọi là "cao bồi", ngày xưa gọi là "ma cà bông" hay du côn - ba danh từ Hán Việt, Pháp, Mỹ đánh dấu ba thời đại chịu ảnh hưởng ngoại quốc - vẫn là cái tật chung của thanh niên mọi thời, hễ qua cái tuổi thanh niên thì tự nó sẽ hết, có gì mà lo?

Nét mặt anh M đã không dịu xuống mà còn quạu hơn nữa, mắt sáng lên, môi run run, tay nắm lại. Tôi ngại quá. Chúng tôi quen nhau đã lâu, và tôi vẫn trọng anh là người tốt với bạn và rất nhiều nhiệt huyết. Bình thường thì anh nhã nhặn, nhưng hễ cứ động tới một chủ trương nào thiêng liêng của anh, thì chỉ có cách là ngồi mà bịt tai lại.

Anh vẫn làm thinh, trừng trừng ngó tôi. Tôi nói thêm:

- Nghĩa là tôi nhận rằng thanh niên ngày nay cũng có hư hỏng một chút, nhưng chẳng có gì đáng lo cả.

Anh vươn mình ra, hỏi:

- Chỉ một chút thôi ư? Chẳng có gì đáng lo cả ư? Anh suốt năm chỉ ngồi trong tháp ngà của anh mà biết cái gì! (Anh nhấn mạnh vào tiếng *cái*). Mặc quần áo đi, đi với tôi, tôi sẽ đưa anh lại một ngõ hẻm, không xa đâu, gần đây thôi, bên cạnh trường của anh T. Rồi một buổi tối nào, anh chịu khó theo tôi vào các tiệm khiêu vũ. Không ai bắt anh nhảy đâu mà anh sợ. Chỉ ngồi mà nhận xét trong nửa giờ thôi, rồi anh sẽ thấy, và đầu óc của anh sẽ... sẽ...

- Thôi, anh ơi, anh khỏi phải tìm tiếng nữa, tôi hiểu anh muốn nói gì rồi.

Anh mỉm cười. Tôi nhẹ người.

- Vâng, nhưng xin để khi khác. Lúc này thì tôi không thể đi được anh ạ.

Tôi trình bày lý do. Anh làm thinh, rồi đứng dậy bắt tay tôi, bảo:

- Mai tôi sẽ trở lại.

Rồi anh đi ra. Chén trà của anh vẫn còn y nguyên.

*

Hôm sau, anh tươi cười tới, mở một chiếc cặp da dày cộm đưa tôi một xấp thư đã bóc rồi và nói:

- Đây, anh coi đi.

- Thư của ai mà anh bảo tôi coi? Của độc giả gởi cho anh hả?

- Không. Cứ coi đi rồi biết mà!

Tôi cầm lấy xấp thư, dày gần một gang tay. Lật qua để coi địa chỉ người nhận và người gởi, rồi vội trả lại liền cho anh:

- Thôi anh ơi của nợ đó mà anh bắt tôi đọc ư? Có bao giờ tôi muốn viết truyện tình đâu, mà cần những tài liệu đó.

Tia mắt của anh có một vẻ lạ lùng, cơ hồ như anh nửa khinh, nửa giễu tôi vậy:

- Còn mấy xấp như vậy nữa, chỉ lấy ra một xấp gần đây nhất thôi, không lựa chọn gì hết. Thấy không? (Anh vừa nói vừa chỉ cho tôi những tên người trên bao thư) Nguyễn văn X - học sinh đệ tứ [1] gởi cho em Lê thị Y học sinh đệ ngũ... Rồi Nguyễn văn A, đệ thất; Trần thị C đệ ngũ..., ngũ lục, thất ngũ... Mới nứt mắt ra mà đã ve văn nhau... Nhưng không thể nào kể cho anh nghe được, anh phải mở ra coi mới biết được.

- Tôi biết rồi mà, tội nghiệp quá, đừng bắt tôi phải đọc những cái đó, anh. Bất quá như một số romans populans [2] của Pháp là cùng chứ gì nữa?

- Hồi xưa anh có viết thư tình cả đống như vậy không? Chứ tôi và những bạn học của tôi thì không à. Thanh niên bây giờ hư hỏng nhiều hay ít?

- Vâng, tôi cũng không như anh. Nhưng có lẽ là tại tôi nhút nhát, còn các bạn học của tôi cũng đã gớm lắm. Có thể rằng giọng thơ của họ sáo hơn, không tả chân như ngày nay. Mà nếu họ có viết ít hơn, thì trong thâm tâm họ mơ tưởng cũng không kém. Tôi nhớ hồi

---

(1) Bây giờ là lớp chín chương trình phổ thông cơ sở (BT)

(2) Tiểu thuyết rẻ tiền, bình dân... (BT)

còn học lớp nhất ở trường Yên Phụ, cạnh trường có một nữ sinh đẹp và sang trọng, ngày nào cũng ngồi xe nhà gọng đồng qua cửa trường và bọn chúng tôi đều ngưng đá cầu đi mà ngó, Kẻ nào ngỗ ngáo thì có khi nói đùa một tiếng, kẻ nào nhút nhát như tôi chẳng hạn thì đứng xa xa nhìn theo. Và chúng tôi đã truyền miệng nhanh câu này:

Cô C bóng bẫy làm chi,
Để cho cậu H liếc đi liếc về.

Bốn chữ cuối tục quá! Thời nào cũng vậy anh ạ. Những bức thư này trường giữ lại là phải, nhưng cuối năm học thì đốt đi chứ chất đống trong tủ để làm gì?

- Để làm tài liệu (Anh ngừng một chút rồi tiếp).

Thôi, những cái... lãng mạn đó tôi không bắt anh đọc nữa. Chính tôi có phận sự mà tới những đoạn đó, cũng gấp thư lại liền. Nhưng có một bức đặc biệt lắm. Anh không muốn đọc thì để tôi kể anh nghe. Vợ chồng một anh bạn tôi rất giàu lòng từ thiện, thấy một học sinh từ Q.N. vô phàn nàn rằng nhà nghèo quá, không có tiền ăn học, đem về nhà nuôi, coi như con cháu, vẫn tưởng nó siêng năng đứng đắn, không ngờ một hôm vô tình đọc được một bức thư của nó gởi cho "bạn gái" của nó ở ngoài Trung, trong đó nó chửi ân nhân của nó là tụi "tư bổn nhiễm độc, giả đạo đức, làm bộ tử

tế với nó để sau này lợi dụng nó, chứ "cái tụi đó mà có bao giờ nhân từ với bọn khố rách áo ôm bao giờ."

Anh thở dài. Tôi làm thinh; một lát sau mới nói:

- Hồi xưa chúng mình đâu có ngôn ngữ đó. Ảnh hưởng của thời đại, ảnh hưởng ngoại lai đấy. Nếu vậy thì tệ thật. Nhưng một vài trường hợp như thế chưa đáng cho ta thất vọng. Có người nói: Lòng vô ân là bản tính của con người, mà lòng biết ơn là một bông hoa cần phải tưới bón. Đâu mà chẳng vậy, thời nào mà chẳng vậy? Có lẽ thời này thanh niên nhiễm ít tư tưởng mới, ăn nói trắng trợn hơn hồi trước thế thôi.

Rồi tôi nói lảng qua chuyện khác. Một lát sau, anh M ngần ngừ, cầm xấp thư đi ra. Anh hơi buồn mà tôi cũng không vui.

✷

Mươi bữa sau, tôi đã quên chuyện đó đi thì thấy anh trở lại, tay ôm một chồng báo và nói:

- Tôi lật lại những báo cũ trong ba năm gần đây, đánh dấu hoặc cắt dán riêng những đoạn nói về sự sa đọa của thanh niên thời này để anh coi.

Mới đầu tôi hơi bực mình, suýt lặp lại lời của một nhà văn hồi tiền chiến: "Biết rồi! Khổ lắm! Nói mãi!".

Nhưng tôi nén được ngay, tự nhủ: "Trời sinh anh ấy như vậy. Đã có một ý nào trong đầu thì nhất định chiến đấu, thực hiện cho kỳ được. Tính đó rất quý. Nên chiều anh ấy một chút cho tóc ấy đỡ mau bạc.", rồi đáp:

- Vâng, cảm ơn anh. Tôi sẽ coi.

Tôi đỡ lấy xấp báo.

✳

Khi anh về rồi, tôi mở ra coi liền. Trông xấp báo dày bằng cả bộ *Việt Nam tự điển*, tôi thấy ngại quá. Nhưng tôi cũng can đảm đọc, nếu không đọc hết bài thì ít nhất cũng đọc cái nhan đề, để khỏi phụ công của anh bạn.

Có những tin vặt hằng ngày tôi đã đọc rồi, chẳng hạn:

- Bỏ nhà đi chơi, bị mẹ bắt về, còn đánh mẹ gãy tay.

- Tự tử vì không được yêu.

- Học sinh 14 tuổi mà đã phạm tội trộm với những trường hợp quan trọng.

- Nữ lưu đãng chỉ huy một đám lưu manh đánh hai người bị thương.

- Không đóng học phí, còn đập bàn ghế của nhà trường.

- Mới 17 tuổi đã nghiện, không tiền hút đi ăn cắp.

- Giả mạo văn bằng tú tài xin vào trường Đại học.

- Học sinh đi ăn cướp.

- Học sinh 18 tuổi giết một thôn nữ một cách dã man.

- Học sinh đánh giám thị.

- Mới 12 tuổi đã ăn trộm 50.000$. (1)

- Bị rầy mắng, cô gái xách dao rượt mẹ và anh.

- Một cô bé mới 14 tuổi đã biết đi lừa các phụ huynh học sinh.

- Hai học sinh trộm 20.000$ trốn đi. (1)

v.v...

Những tin đó nhiều quá, không sao ghi hết lại đây được.

Lại có những bài phóng sự về thanh niên cao bồi, về "đợt sống mới", trong đó ký giả tả cách tổ chức các "boum", các "club", tả các điệu nhảy, các điệu nhạc - đặc biệt nhất là điệu nhạc "tắt đèn" - tả ngôn ngữ và điệu bộ thanh niên, hạng thanh niên "kiss me" hoặc "rờ coóc xê"..., làm cho tôi nhớ lại cuốn *Satan conduit le bal* của Georges Anquetil xuất bản sau thế chiến thứ nhất.

Tôi chỉ đọc qua loa những bài đó mà chú ý đặc biệt

---

(1) Tiền đồng ở miền Nam với số như trên hồi ấy lớn lắm (BT)

tới bài: "*Vấn đề thiếu nhi phạm pháp tại Việt Nam*" của bác sĩ Bùi Quốc Hương và bác sĩ Lý Trung Dung đăng ngày 2.11.59 trên nhật báo *Tự Do*, vì bài đó đưa ra những con số, mà những con số thường nói được nhiều hơn những bài luận tràng giang.

Tác giả bài đó đã dùng những thống kê của Bộ Tư pháp mà cho ta biết rằng số can phạm vị thành niên thành thị năm 1958 đã tăng hơn năm 1957 là 40%, và trong thời gian ba năm từ 1955 đến 1958 đã tăng lên 123%, như vậy là đã tăng đều đều lên mỗi năm 41%; không biết trong hai năm gần đây: 1959 và 1960, còn tăng lên nữa không.

Trong những năm 1955, 56, 57 và ba tháng đầu 1958, tất cả có 9.937 thiếu nhi bị truy tố trước các tòa án trong Nam; tức là cứ 10.000 thiếu nhi, có khoảng 5 thiếu nhi phạm pháp.

Ta nên nhớ rằng trong khoảng mấy năm đó, số thiếu nhi phạm pháp tăng lên, nhưng đồng thời, số toàn thể thiếu nhi (phạm phap và không phạm pháp) cũng tăng lên nữa. Vậy giá tác giả bài báo đó có đủ tài liệu mà cho ta biết được trong *mỗi năm*, cứ 10.000 thiếu nhi, có bao nhiêu thiếu nhi phạm pháp thi ta dễ thấy một cách đích xác hơn.

Nếu lại cho ta biết thêm cũng mỗi năm, cứ 10.000

người lớn, có bao nhiêu người phạm pháp thì ta càng dễ so sánh chỉ số phạm pháp của thiếu nhi và của người lớn, chỉ số nào cao, và giữa hai chỉ số có sự liên lạc gì với nhau không.

Nhưng dù sao ta cũng phải nhận rằng số thiếu nhi phạm pháp cứ tăng đều đều như vậy, mỗi năm là 41% so với năm trước, thì cũng đáng lo thật.

✳

Đọc xong phần *Sự kiện* đó rồi tôi mới qua phần *Nguyên nhân* và *Giải pháp*.

Phần này dày gấp ba phần trước, gồm cả trăm bài báo của mọi giới, già trẻ, trí thức, thợ thuyền và nông dân. Mà những bài đó anh bạn tôi chỉ mới thu thập trong vài ba nhật báo; nếu gom góp hết cả những bài liên quan tới vấn đề học sinh và thanh niên đăng ở mọi nhật báo, tuần báo, nguyệt san, bán nguyệt san... trong ba bốn năm nay thì có lẽ in được thành một bộ dày bằng bộ *Larousse universel*. Chưa bao giờ dân Việt Nam lo cho sự học hành và tương lai của thanh niên như hồi này; chưa bao giờ văn chương phụng sự dân tộc một cách hăng hái như hồi này. Thật là đáng mừng về phương diện đó.

Nhưng về một phương diện khác thì rất đáng buồn.

Đâu đâu cũng nổi lên những lời than thở, phẫn uất và những lời cầu cứu thiết tha, não ruột!

Tôi nhận thấy rằng một số quy tội cho thời đại của chúng ta: cho "*những phức tạp mỗi ngày một thêm của cuộc sống hiện đại; đà kỹ nghệ hóa quá mãnh liệt; những sự đảo lộn do hai cuộc thế chiến gây nên; sự biến đổi cục diện không ngừng của thế giới ngày nay; những cảnh thăng trầm của nền văn minh vật chất; (...) những lý thuyết mới lạ khác với những truyền thống cổ xưa (...).*]

- Một nền kinh tế bấp bênh đang rung rinh trước mắt, một nền tảng xã hội xáo trộn sau bao nhiêu biến cố đảo điên, một tâm trạng khắc khoải chung nơi tất cả mọi người trước những đe dọa, những viễn tưởng khủng khiếp của một cuộc chiến tranh khốc hại rất có thể xảy ra trong nay mai (...)" vân vân...

Một số nữa đổ lỗi cho gia đình: "*Gia đình phải chịu trách nhiệm trước hết*" - "*Cha mẹ phải tự giáo dục lại.*" - *Phải giáo dục lại cho thật kỹ những người có phận sự làm giáo dục.*"

Đại đa số - có lẽ đến chín phần mười - quy tội cho nhà trường.

Trước hết là trường tư:

- Trường tư thục mở ra như những cửa hàng tạp hóa".

-"Những lời quảng cáo bịp bợm của một số trường tư".

-"Đi dạy học là làm trò cho bọn trẻ xem".

-"Còn tôi hư là tại bạn bè ở trường".

-"Một số học sinh lười biếng, làm bậy mà được trọng dụng vì có thành tích thể thao".

-"Phải kiểm soát chặt chẽ lề lối giáo dục ở các trường tư" vân vân...

Rồi tới những trường công:

-"Vào lớp không chủ tâm "dạy" thực sự mà chính để đưa ra đủ các mánh khóe, các món "tủ" để tự quảng cáo, để "trộ" cho xanh mắt học trò".

-"Nhiều giáo sư coi lớp học như một nơi dưỡng sức, để giờ sau đi dạy cho hay hơn ở các trường tư."

-"Một giáo sư đã điềm nhiên và trắng trợn tuyên bố trước hàng sáu chục học trò: "Các anh đừng tưởng tôi đi dạy tư cho người ta ở chỗ khác cũng dạy như đã dạy cho các anh ở đây đâu. Dạy tư để lấy tiền của thiên hạ thì phải dạy khác kia! Chứ nếu cũng dạy như thế này chắc họ sẽ đòi tiền lại".

-"Giáo sư Đại học làm việc tắc trách".

-"Giáo sư dạy văn học sử Pháp không biết tiếng Pháp, dạy văn học sử Trung Hoa không biết chữ Hán."

- "Giáo sư ra đề thi: "Quốc văn ba lối". vân vân...

Giáo sư như vậy mà Hiệu trưởng thì tuyên bố với các học sinh:

- "Các trò đậu ít vì nạn trời gặp ban Giám khảo quá gắt gao".

- "Các trò đậu tỉ số cao như vậy là nhờ thầy lên Sài Gòn chạy chọt xin cho các trò".

Như vậy thì trách nào trong nhiều phòng thi chẳng thiếu trật tự, giám thị tha hồ để cho thí sinh cóp; nếu ông nào hơi gắt thì có thể bị thí sinh đón đường đánh, đến nỗi mà:

- "Sĩ tử ngày nay là bọn "cao bồi", "du đãng" đến giờ mọi thủ đoạn gian lận hòng giật lấy mảnh bằng. Trước giờ thi, chúng cười nói hỗn xược, huýt sáo đập bàn, nện gót giày xuống nền gạch theo một vài nhạc điệu quen thuộc của chúng... Có thí sinh hỏi giám thị: "Thầy, có cô nữ thí sinh nào khơ khớ không?" (...) Lúc thi chúng ngó ngang ngó ngửa sổ cóp, để "quay phim". Hễ giám thị đến, chúng kéo dây thun bật lên nách. Có kẻ giở tài liệu ra chép; nếu tịch thu chúng quắc mắt bảo: "Coi chừng!" (...) hoặc "Muốn ăn kẹo đồng hả?" làm giám thị hoảng hồn (...)". vân vân...

Đến ngay bọn thanh niên cũng phải than thở rằng họ sa đọa là lỗi ở người lớn. Thiết tha nhất, chua xót

nhất, tủi nhục nhất là lời oán trách dưới đây của một nhóm thanh niên, nhóm *Chung lưng*, đăng trong báo *Tự Do* ngày 4.11.58:

"Tóm lại, sinh ra trong hoàn cảnh xấu, được nuôi trong hoàn cảnh xấu, nếu tình trạng này cứ kéo dài mà chúng ta không chấm dứt ngay đi thì không biết mấy thế hệ sắp tới, thanh niên của chúng ta sẽ ra sao? Công việc then chốt, theo ý chúng tôi là phải gây cho cả một thế hệ, một lứa tuổi biết tới hai chữ "tin tưởng" và "lí tưởng" là gì. (1) *Vấn đề tiền đồ thanh niên, một khi đã do sự đòi hỏi cấp bách của thực trạng mà nêu lên, cần phải nêu một cách rất thành thật. Đôi ba bài bàn suông để người nọ quy trách nhiệm cho người kia, chẳng thà đừng nêu lên còn hơn. Sự thật bao giờ cũng tàn nhẫn và nhiều đau xót, nhưng tất cả chúng ta nếu quả thực muốn thành tâm lo cho các thế hệ mai sau, phải có đủ can đảm nhìn thẳng, công nhận và nói lên sự thực.*

"(...) Một điều chắc chắn là phần đông thanh niên trong tình trạng hoang mang thác loạn, vẫn nhận định được và công nhận sự sa đọa ấy. Họ rất muốn vùng vẫy, muốn thoát khỏi tình trạng ấy lắm. Có lẽ vì bị tràn ngập, ngụp lặn, ngoi ngóp giữa ảnh hưởng xấu xa nhiều quá, nên họ chưa đủ sức vẫy vùng ra đấy thôi (...)

---

(1) In đậm trong nguyên văn.

"Những người thanh niên ấy ở khắp mọi nơi trong xã hội chúng ta. Nhiều người trong bọn họ linh cảm thấy nguy cơ trước mắt, đã tự ý tìm đến với nhau, sát cánh lại với nhau, kết hợp lại với nhau để cùng chống chọi, che giữ cho nhau, khỏi rơi vào vực thẳm tối đen của đọa lạc. Họ rất muốn vươn lên tới một lý tưởng cao đẹp. Những bậc cha và anh của họ chỉ cần tiếp thêm sức, thêm tin tưởng và nghị lực cho họ thôi. ***Hãy giúp họ bằng cách làm cho họ còn có thể tin tưởng được ở các người, các bậc thầy, bậc cha và anh mà họ vẫn hằng tin hằng kính!"*** (1)

Lời cầu cứu đó phát ra từ cuối năm 1958. Tới nay đã hai năm rưỡi rồi mà chúng ta đã làm được chút gì để cải thiện tình trạng đó chưa? Chưa được chút gì cả. Có được vài lớp cải huấn một số thanh niên cao bồi, mà mỗi khóa dạy được ít chục trẻ trong một thời gian là nửa tháng hay một tháng; nhưng kết quả ra sao thì chúng tôi không được biết. Những thanh niên đó có được cải hóa hẳn không, có tái phạm nữa không? Hay là chứng nào vẫn tật nấy?

✶

(1) Chính tôi cho in đậm.

Đọc xong "*hồ sơ thanh niên*" đó, tôi thấy choáng váng, phải mở cửa, đứng nhìn mưa một lúc cho nhẹ người. Từ trước tôi vẫn nghĩ rằng chúng ta thường có cái thói cho hiện tại bao giờ cũng xấu xa, chỉ quá khứ mới là đẹp; mà anh bạn tôi đã bị cái "mythe du bon vieux temps" mê hoặc, nên bi quan một cách cuồng cuồng đến bực đó, ba lần lại tôi để hét vào tai tôi, gí vào mắt tôi những tài liệu mà anh đã thu thập từ ba năm nay. Nhưng hôm nay, nhìn hạt mưa lất phất ở ngoài sân, tôi phải nhận rằng hiện tại u ám thật, y như nền trời bằng chì kia. Tình trạng thanh niên lúc này quả có đáng lo hơn tình trạng thanh niên hồi vài ba chục năm về trước. Hàng trăm người thiết tha kêu gọi trong tập hồ sơ đó không phải là mắc một thứ bệnh tưởng tượng cả. Có thể rằng các bệnh phóng túng, sa đọa của thanh niên lúc này một ngày kia sẽ qua khỏi, vì nếu nó không qua khỏi thì dân tộc ta sẽ bị tiêu diệt mất; nhưng bao giờ nó mới qua khỏi đây? Và khi nó qua khỏi thì bề gì nó cũng đã lưu lại trong tâm hồn bọn trẻ nhiều vết tích. Điều đó tất nhiên không phải là một hạnh phúc cho họ, cho dân tộc.

Tuy vậy, bi quan quá thì cũng không nên. Theo thống kê của Bộ Tư pháp, cứ 10.000 thanh niên có khoảng 5 thanh niên phạm pháp. Có thể rằng số thanh niên mới hư hỏng mà chưa phạm pháp gấp trăm số đó, nhưng dù

vậy đi nữa thì vẫn còn là thiểu số. Đa số là những thanh niên lưng chừng, không tốt mà cũng chưa xấu, tùy hoàn cảnh, có thể hóa tốt hoặc xấu. Vả lại có một thiểu số hư hỏng thì cũng có một thiểu số khác có tâm hồn, có nhiệt huyết, muốn vẫy vùng vươn lên một lý tưởng để phụng sự quốc gia và nhân loại, chẳng hạn nhóm thanh niên ký tên là *Chung lưng* trên báo *Tự Do*. Hạng thanh niên có thiện chí đó là nguồn hy vọng của quốc dân. Tôi không được quen một người nào trong nhóm đó, không biết họ ra sao, nhưng giọng thiết tha, chân thành của họ đáng cho chính phủ để ý tới mà tìm xem có cách nào dùng thiện chí năng lực của họ trong việc cải thiện tình trạng hiện tại của thanh niên không.

Tôi tin rằng chỉ thanh niên mới cứu được thanh niên trong lúc này vì họ hiểu nhau, có nhiều nhiệt huyết, chịu hy sinh. Nhóm *Chung lưng* nói, họ "*chỉ cần ta tiếp thêm sức, thêm tin tưởng và nghị lực thôi.*" Đúng, tiếp thêm *tin tưởng, nhất là tin tưởng*, còn sức và nghị lực họ vốn có dư; Sở dĩ họ thấy thiếu sức và nghị lực, chính là vì họ thiếu tin tưởng.

Mà tin tưởng ở cái gì bây giờ? Và làm sao cho họ tin tưởng? Tất cả vấn đề ở đó.

✶

Những lý tưởng nêu ra trong hồ sơ thanh niên thì rất nhiều: nào là dân chủ, tự do, dân tộc, nhân bản, nào là hy sinh cho tổ quốc cho đồng bào, phụng sự Chân, Thiện, Mỹ... Tôi thường nghi ngờ thứ "newopeak" đó là nghĩ chỉ tin tưởng ở một điều này thôi cũng đã là tạm đủ. Tương lai ở trong tay ta, và xã hội có trật tự thì cá nhân mới sung sướng được.

Sở dĩ tôi tin như vậy là nhờ bài học của đời sống. Tôi sinh trong một gia đình nghèo từng bị họ hàng khinh rẻ, ức hiếp lắm lúc chúng tôi tủi nhục đến rớt nước mắt. Cả gia đình tôi đều cố gắng vượt lên khỏi tình cảnh cơ hàn đó, mẹ tôi chiến đấu trên ba chục năm và tôi cũng phải chiến đấu trên chục năm, chiến đấu liên tiếp và tận lực, cả trong những lúc thất bại, và nhất là trong những lúc thất bại. Rốt cục tôi được bài học này: không khi nào gắng sức mà hoàn toàn vô ích, chịu gắng sức và kiên nhẫn thì sớm muộn gì cũng có kết quả mà tương lai quả thực là ở trong tay ta. Và tôi rất thích những tiểu thuyết tả sự chiến đấu của hạng thiếu niên nghèo, chẳng hạn truyện *Of Human Bondage* (*Kiếp người*) của Somerset Maugham và nhiều tiểu thuyết có tính cách tự truyện của A. J. Cronin.

Tuy nhiên phải sống trong một xã hội tương đối có trật tự thì cá nhân mới có thể phát triển được. Một xã hội trật tự không phải là xã hội phong kiến của thời

xưa mà là một xã hội trong đó mỗi người có một nhiệm vụ và mỗi người làm tròn nhiệm vụ của mình.

Tôi nhận thấy trong hồ sơ thanh niên của anh bạn tôi, không có ai đổ lỗi cho thanh niên cả vậy là ai cũng nhận rằng lỗi ở người lớn, hoặc ở cái không khí của thời đại. Mà cái không khí của thời đại cũng do xã hội tạo nên, mà xã hội cũng lại là những người lớn nữa. Vậy thì chung quy tội chỉ tại người lớn thôi.

Báo *Tự Do* ngày 9.12.58 trích lời nhận xét dưới đây của một tác giả ký tên là *Người Non Côn*:

"Thanh niên ăn chơi đàng điếm, trụy lạc, cướp bóc vì chính người lớn bày ra các trò chơi trụy lạc để thụ hưởng và rồi con em đã vô tình tiêm nhiễm, đua đòi chạy theo".

Ông Lê Anh Dũng trong nhóm *Chung lưng* cũng bảo rằng thanh niên hư hỏng vì xã hội đảo điên, vụ lợi:

"Trong thương trường người ta tìm cách lừa lọc khách hàng, lừa lọc chính quyền; ngoài xã hội, tất cả mọi hoạt động của một cá nhân chỉ nhằm mục đích vụ lợi cho mình, cho riêng cá nhân mình, không nghĩ đến một sự công ích nào cả (...) Cả một thế hệ thanh thiếu niên được nuôi trong hoàn cảnh xã hội như thế cũng bị lây ảnh hưởng".

Lời đó có hơi quá đáng, nhưng chúng ta phải nhận rằng người lớn không sa đọa thì thanh niên không sa

đọa. Mà chúng ta sa đọa cũng vì thiếu một tư tưởng. Chúng ta sống trong một thời đại bấp bênh và hỗn loạn; về phương diện quốc gia thời này hỗn loạn hơn thời Nguyễn-Trịnh, mà về phương diện quốc tế thì hỗn loạn gấp chục lần thời Chiến quốc. Từ đầu thế kỷ tới nay, sau hai cuộc thế chiến có biết bao cuộc sụp đổ về chính trị, về kinh tế, về nghệ thuật, về luân lý nữa. Cả những giá trị tinh thần thiêng liêng nhất của thế kỷ trước ngày nay cũng bị nghi ngờ gần hết. Những biến chuyển ở nước ta so với những biến chuyển của thế giới còn là nhỏ đấy. Cuộc di cư của người Nga ở cuối thế chiến trước, rồi cuộc tàn sát dân Do Thái ở Đức, cuộc chiến đấu của dân Do Thái để về Jérusalem, cuộc di cư của dân Ấn và dân Hồi ở Ấn Độ, nói những sự sụp đổ kinh tế ở châu Âu mau chóng đến nỗi chỉ trong có một tuần bao nhiêu kẻ triệu phú thành tay trắng hết, sau cùng những chiến tranh nóng và lạnh kéo dài hoài từ sau thế chiến thứ nhì tới nay, không biết đến bao giờ mới ngừng - vài chục năm nữa hay cả trăm năm nữa? - tất cả những cái đó làm cho nhân loại khủng hoảng tinh thần: lo lắng, sầu khổ, băn khoăn tự hỏi tương lai ra sao, nên xây dựng hay nên bỏ mặc mà sống được ngày nào cứ hưởng thụ ngày đó đã. (1)

---

(1) Ở Đức sau thế chiến thứ nhất, đồng "mác" sụt giá từ 1 tỉ đồng xuống còn 1 đồng.

Tương lai ra sao, chúng ta không thể đoán chắc được. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng tình trạng hỗn độn này này có thể kéo dài lâu lắm, đến hết thế kỷ chưa biết chừng, nhưng nhân loại không ngu gì để tự tiêu diệt mình; thế nào cũng tới lúc ổn định. Mà hạng thường nhân chúng ta đã không có cách nào cải tạo thế giới thì cứ làm tròn phận sự của mình và tin rằng trong sự suy sụp toàn diện này, ít nhất cũng có một vài giá trị vĩnh cửu, tức giá trị của tình cảm và của sự làm việc.

Những thời mà xã hội đảo điên nhất lại chính là những thời có nhiều người hy sinh nhất, hy sinh cho gia đình, bạn bè, tổ quốc hay nhân loại. Đọc *Đông Chu liệt quốc* đọc những ký ức viết về hai thế chiến vừa rồi, đọc cả tiểu thuyết của A. Koestler, của C. V. Gheorghiu, đọc cuốn Exodus của Leon Uris... ta thấy bên cạnh những hành động dã man của một số người luôn luôn có tình cảm cao đẹp của một hạng người khác. Hình như tình cảm là bông hoa mà cảnh sa đọa của nhân loại là phân bón nó.

Mà sự làm việc thời nào cũng được tôn trọng. Có lắm kẻ phá hoại thì càng có nhiều người kiến thiết. Trong những lúc suy sụp nhất người ta lại hăng hái xây dựng nhất. Dân tộc Tây Đức chịu tai họa tàn khốc nhất của chiến tranh thì kiến thiết lại mau lẹ nhất. Ngay

như bọn chúng ta, trong tao loạn vừa rồi, biết bao người hai ba lần tiêu tan sự nghiệp và lần hồi cũng xây dựng lại được như cũ, những người làm biếng nhất cũng hóa siêng, những kẻ trước kia chỉ quen tọa hưởng cũng hóa ra tài giỏi đảm đang. Hết thảy chúng ta đã học được bài này: chức tước, bằng cấp, đất đai, tiền của... đều có thể mấtt hết giá trị, nhưng hễ còn hai bàn tay và một bộ óc minh mẫn là còn tất cả.

Vậy nếu mỗi người chúng ta tin tưởng ở giá trị của tình cảm, của bộ óc và hai bàn tay, lại tin rằng không có một sự gắng sức nào là hoàn toàn vô ích, mà cứ kiên nhẫn làm tròn phận sự của mình, giữ nhân phẩm cư xử có nhân có nghĩa với người chung quanh thì con em chúng ta cũng tin tưởng lại mà cái nạn thanh niên sa đọa sẽ không còn.

✷

Độc giả sẽ bảo: "Nói thì dễ lắm. Khó là làm sao cho mỗi người làn tròn phận sự của mình".

Tôi nghĩ đó là công việc của chính quyền. Tôi không phải là một chính khách mà cũng không có tham vọng trình bày một quốc sách trong bài báo này. Tôi chỉ trình bày ít điều mà tôi cho là thiết thực để góp ý kiến với độc giả.

Không biết có một chân lý nào đúng đến 90% không, nếu có thì phải là chân lý này: người trên có làm gương cho người dưới thì người dưới mới theo.

Trong một nước dân chủ hay không dân chủ thì người cầm quyền bao giờ cũng là người trên. Vậy công chức phải làm gương cho toàn dân. Tôi vẫn biết công chức cũng là người thường cả, không thể tài đức đều cao hơn được, nhưng ít nhất họ phải làm tròn nhiệm vụ của họ. Chính phủ phải bắt buộc họ như vậy và quốc dân có quyền đòi hỏi như vậy.

Ai đã và đi vào cửa các công sở, tất thấy một số đông công chức của ta lúc này tinh thần phục vụ không được cao - Còn đọc báo thì biết bao vụ thụt két, hà kiếp dân; trong công sở thì thường thấy những cô ngồi đọc báo, học tiếng Anh hoặc tán gẫu... Cần tổ chức lại công việc trong mỗi giờ, kiểm soát công việc của nhân viên; và cũng nên buộc họ sống một cách giản dị, bận đồ vải thô mà đi làm như công chức Quảng Tây hồi ba chục năm trước, mà trong bài *Một gương tiết kiệm* đăng ở tạp chí *Bách khoa* số 105, tôi đã kể chuyện.

Để giúp quốc dân dễ sống giản dị, ta nên cấm nhập cảng những xa xỉ phẩm hạn chế tới mức tối đa, sự nhập cảng các đồ vật chỉ có ích thôi chứ không cần thiết. Về những phim, những dĩa hát, những sách bậy bạ,

nhiều người đã bàn đi bàn lại rồi, tôi xin miễn nhắc lại.

✶

Trong số các công chức, đặc biệt chú ý tới các giáo sư và giáo viên tức hạng người có nhiệm vụ dạy dỗ thanh niên. Phải đào tạo họ cho kỹ lưỡng, sửa đổi quy chế để nâng cao địa vị của họ, nhưng phải kiểm soát ngôn ngữ hành động của họ ít nhất là ở trường học.

Phải bỏ ngay chính sách đào tạo giáo viên một cách cấp tốc, trong tám tháng. Trong tám tháng không thế nào vừa nhồi cho họ một mớ trí thức căn bản cần cho nghề, vừa luyện cái lương tâm nhà nghề cho họ được. Ít nhất phải là ba năm theo một chế độ riêng, họ mới có thể nhiễm được một tinh thần trách nhiệm, tập được một phong độ mô phạm. Trong ba năm đó phải xét tư cách của từng giáo sinh, dù học giỏi mà thiếu tư cách thì cũng loại, Khi họ ra tập sự phải theo dõi họ từng chút, nếu thiếu tư cách cũng loại nữa. Để bù lại, cho họ hưởng nhiều lợi vật chất và tinh thần hơn các công chức khác.

Nhất định trừ tuyệt những kẻ thiếu lương tâm nhà nghề, thiếu hạnh kiểm, cả năm chỉ ra có hai bài luận trong hai kỳ thi học kì, không giảng bài mà nói chuyện xi - nê hoặc khoe đời tư của mình chuyện dạy "tư" ăn nói

thô tục, gian lận trong kỳ thi cho con cháu mình, đậu cao và những kẻ thiếu khả năng như hạng giáo sư "quốc văn ba lối". (1)

Điều đó nói tuy dễ làm cũng khó vì hiện nay thiếu nhiều giáo sư, giáo viên mà ngân sách về giáo dục lại ít. Nhưng khó thì khó, cũng phải làm cho được, và nếu biết lập một chương trình, thực hiện từng giai đoạn một thì sớm muộn gì cũng phải xong.

Cần nhất là Bộ Quốc gia Giáo dục phải tỏ rõ ý chí và bắt tay vào việc liền; cảnh cáo ngay những giáo viên và giáo sư thiếu tư cách, nếu cần sa thải ngay một số, làm gương cho kẻ khác.

Gấp rút nhất là việc sửa đổi quy chế và kiểm soát kỹ lưỡng các trường tư. Vì điểm này tôi đã có dịp bàn trong tạp chí *Mai* số 20 ngày 24.11.61. tôi chỉ thêm rằng nên chú trọng vào tư cách và khả năng hơn là vào bằng cấp của giáo sư, Không có bằng cấp nào bằng bằng cấp tự học. Một giáo sư dạy đã năm năm trở lên chịu trau giồi thêm nghề dạy có kết quả, được học sinh kính mến thì dù chẳng có bằng cấp trung học đệ nhất cấp, cũng đáng trọng hơn một giáo sư cử nhân mới ra trường.

---

(1) *Quốc văn ba lối:* là một loại đề thi giáo sư ra sai; sau có người phát hiện trên báo chí, vị giáo sư ra đề ngụy biện, cải bướng: đó là *Quốc văn ba lối* nên ông NHL chế diễu như trên (BT)

Lại phải thay đổi hẳn chương trình và học phong ngày nay. Giáo dục phải hướng vào thực dụng như ông Yên - Ly trong nhóm *Chung lưng* đã nói trong báo *Tự Do* ngày 24.11.58.

"Sự đào tạo lý thuyết cho tối thiểu số thanh niên vẫn phải có nhưng không phải là chính mà hoàn toàn là phụ. Xã hội Việt Nam chưa đến lúc cần tạo cả một thế hệ thanh niên bắt buộc có đủ khả năng trở thành các bác học, lý thuyết gia để cuối cùng phụng sự nhân loại ở những phương trời xa thẳm nào. Xã hội Việt Nam đòi hỏi tức thời các chuyên gia có thực học, thực tài để phụng sự tổ quốc mình, trên mỗi tấc đất của lãnh thổ mình".

Trong một loạt bài đăng ở *Mai* hồi đầu năm nay chúng tôi đã nói rằng một trăm em đi học thì chỉ có một hai em lên được đến bậc Đại học, còn thì tới bậc Trung học rồi ra giúp việc xã hội. Vậy chỉ những trẻ thực thông minh, đủ sức lên Đại học mới cần học nhiều lý thuyết trong những lớp Trung học lập riêng cho chúng. Những trẻ tư chất trung bình nên học nhiều về thực dụng trong những lớp phổ thông.

Hiện nay có hàng ức thanh niên đậu hoặc rớt Trung học đệ nhất cấp [1] mà không biết làm một việc gì, không

---

(1) Tương đương tốt nghiệp phổ thông cơ sở bây giờ (BT)
Đệ tứ: lớp 9 bây giờ

có việc gì để làm và tự cho mình là những "trí thức thấp nghiệp".

Đã vậy học phong lại chú trọng đến bề ngoài quá: từ thành thị đến thôn quê, nữ sinh từ đệ thất trở lên đều mặc đồng phục bằng hàng trắng bong, đều đi guốc cao gót, y như các tiểu thư sang trọng thời xưa cổ, còn nam sinh thì bận đồ tây, quần dacron, sơ mi vải mịn, kể ra như vậy những khi biểu diễn thì đẹp thật, nhưng bọn đó lên tới đệ tứ hay đệ nhị, (1) theo học không nổi nữa, quen sống xa hoa trong năm sáu năm rồi về nhà chẳng chịu mó tay vào những công việc nặng nhọc, hóa ra vô dụng cho xã hội. Kẻ nào có thần thế, thì xin làm thư ký, lãnh một ngàn hay ngàn rưỡi một tháng, vừa đủ cung phụng cho bản thân, kẻ nào không thần thế thì ăn bám cha mẹ để mà bất mãn chờ thời.

Phải rút bớt phần lý thuyết đi. Hạng tiểu công chức hoặc thợ thuyền cần gì mà phải biết tới hai sinh ngữ? môn lượng giác học có lợi gì cho họ không? Và những em nhỏ 14, 15 tuổi đã biết gì mà nghị luận văn chương, nhất là khi viết một câu tiếng Việt chưa sạch lỗi?

Bộ Quốc gia giáo dục nên xét kỹ lưỡng từng môn một, tỉa bớt phần lý thuyết đi mà tăng thêm phần thực dụng, tập cho trẻ biết làm mọi việc trong nhà: sửa xe

---

(1) Đệ nhị: lớp 11 bây giờ (BT)

máy, sửa đèn điện, sửa bàn ghế, sử dụng máy may, làm vườn... Có thể bắt học sinh đệ tứ ngành phổ thông ở châu thành học việc trong một nhà máy, một hãng buôn, ở thôn quê thì học việc đồng áng, làm rẫy, đánh cá, làm tiểu công nghệ...

Nhất là phải trừ cái thói xa hoa, mà phải ăn bận toàn đồ vải để khi rời trường học họ có thể trở về đồng ruộng được.

Phải trả một số lớn thanh niên về nông thôn, như ông Hoàng Ba đã đề nghị trong một bài đăng trên tờ *Tự Do* ngày 19.11.58:

"(Thanh niên) không phải là đoàn kết lại để đóng nguyệt liễm hằng tháng mà là đoàn kết để làm thành lực lượng hùng hậu tiêu diệt những bất công của chế độ cũ còn vương vất đó đây (...) Hiện giờ này miền quê hẻo lánh xa xôi ánh sáng của công lý chính phủ, người nông dân bị áp bức của cường hào ác bá. (...) Thế mà người thanh niên lại dửng dưng (...) tai ngơ mắt nhắm, không có can đảm can thiệp (...)".

Chương trình cải tổ giáo dục cho thêm phần thực dụng đó phải tiến song song với chương trình khuếch trương kinh tế để bước tới giai đoạn có thể tự túc và dùng hết khả năng của thanh niên được.

✶

Sau cùng tới trách nhiệm của gia đình. Ai cũng nhận rằng trách nhiệm đó quan trọng nhất, rằng trẻ hư hay nên là tại gia đình mà *"khi một trẻ tuột xuống bùn lầy thì trước hết phải có bàn tay của cha mẹ kéo ra mới được"*. Nhưng tôi nhận thấy rằng chẳng riêng gì ở nước ta, ngay ở Âu, Mỹ nữa, mười gia đình chưa chắc có được hai gia đình làm tròn trách nhiệm của mình. Ta không thể trách những bậc phụ huynh là không biết dạy con em; đa số nghèo quá, nhất là lại thiếu học không hiểu cách dạy trẻ. Cho nên trách nhiệm vẫn là về chính quyền.

Mở trường dạy chưa đủ; chính phủ còn phải mở lớp học để dạy các bậc phụ huynh nữa; mở lớp dạy cũng chưa đủ, phải dùng báo chí, đài phát thanh phổ biến những điều căn bản về cách nuôi con, dạy con, rồi lại phải in thành sách phát hành cho nông dân và thợ thuyền; phải khuyến khích, bắt buộc người ta thành lập những hội phụ huynh học sinh hoạt động thực sự chứ không phải chỉ có cái danh hão; phải lập tại nha Xã Hội một phòng chuyên giải những thắc mắc cho quốc dân về vấn đề gia đình, nhất là vấn đề dạy con; hơn nữa, phải lập những đoàn thanh niên mỗi tuần ít nhất phải lại thăm những xóm nghèo một lần để giúp đỡ, khuyên bảo, hướng dẫn các gia đình.

Tôi không biết ở Âu, Mỹ đã có nước nào lập một nha để giúp đỡ các bậc phụ huynh không; nhưng tôi tưởng quốc gia nào thật văn minh thì ba Bộ quan trọng nhất phải là Bộ Giáo dục, Y tế và Xã hội (gồm Gia Đình).

*

Độc giả có thể trách tôi rằng chỉ vì một chỉ số thiếu nhi phạm pháp là 510.000 mà lập một chương trình mênh mông quá. Tôi nhận là chương trình mênh mông thật, đòi hỏi những cải cách lớn lao thật, nhưng chương trình đó không phải chỉ để rút cái chỉ số phạm pháp 510.000 đó mà thôi đâu; nó nhắm sự đào tạo cả một thế hệ thanh niên ngày nay, tức cái thế hệ mà chỉ mười hay hai mươi năm sẽ lần lần thay thế chúng ta để nắm vận mệnh quốc gia. Thế giới ngày nay biến chuyển mau chóng không thể tưởng tượng được. Không ai biết được hai chục năm nữa nhân loại sẽ tới đâu, dân tộc ta sẽ đi tới đâu. Nếu xét như vậy thì chương trình chúng tôi đề nghị còn là rụt rè đấy. Có thể năm, mười năm nữa nó sẽ thành lạc hậu chưa biết chừng.

Vả lại như chúng tôi đã thưa, nếu chương trình mênh mông thì chia ra từng giai đoạn mà thực hiện - bất kỳ trong công việc nào, luôn luôn ta phải nhớ quy tắc này của Descartes: *chia sự khó khăn ra làm nhiều*

phần nhỏ để giải quyết, như vậy thì việc khó nào cũng hóa dễ. Nghĩ tới việc soạn một bộ sách một ngàn trang, ai mà không ngại; nhưng cứ mỗi ngày viết một trang thôi thì chỉ ba năm là xong. Việc đời như vậy hết.

Tất nhiên phải xem việc nào gấp thì làm trước. Gấp nhất là tổ chức lại các công sở, các trường học. Những việc đó có thể làm ngay được, mà chỉ làm được hai việc đó thôi thì tình trạng hiện nay cũng cải thiện nhiều lắm rồi.

Hồ sơ thanh niên đã quá dày, mà tôi lại còn thêm vô đó mười mấy trang này nữa, chỉ ngại phí giấy mực của nhà báo và phí thì giờ của độc giả. Nhưng làm sao có thể không ghi cảm tưởng được sau khi đọc một hồ sơ như vậy?

Sài gòn ngày 7.6.61.
(Tài liệu của Trần Lâm.)

VẤN ĐỀ THÔNG CẢM LẪN NHAU GIỮA CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN

Ngày 15.10.61, đoàn sinh viên Công giáo Sài gòn đã tổ chức tại Câu lạc bộ sinh viên Phục Hưng một cuộc nói chuyện về vấn đề *"Trách nhiệm người sinh viên trong xã hội hiện tại"*. Hai vị Linh mục Kim (Paul Seitz) và Trần Văn Thiện lên diễn đàn, đại ý khuyên sinh viên phải có tinh thần trách nhiệm, phải nghĩ tới cái "bien commun"; và để chứng tỏ rằng tinh thần trách nhiệm hiện nay không được phổ biến lắm, rằng ít người ý thức được thế nào là cái "bien commun", thành thử công việc chống chiến tranh du kích chưa có hiệu quả được như ý muốn, hai vị đã dẫn ra vài trường hợp thiếu tinh thần trách nhiệm và phục vụ trong giới quân nhân và công chức.

Một thính giả - ông Trương Công Cừu [1] - ngờ rằng hai vị Linh mục có ý phê bình chính quyền, và đứng lên

---

(1) Ông Trương Công Cừu nguyên Bộ trưởng Đặc trách Văn hóa thời đó ở miền Nam (BT)

khuyên thanh niên có phê bình thì phải có tinh thần thông cảm và xây dựng.

✶

Mới đọc qua bài tường thuật, tôi thấy ý kiến của thính giả đó rất đúng. Sự phê bình chính phủ phải có đủ hai điều kiện: thông cảm và xây dựng thì mới sáng suốt, khỏi có thiên kiến, mới có ích cho chính quyền và nhân dân. Quy tắc thì như vậy.

Tuy nhiên khi áp dụng, chúng tôi thấy có điểm cần phải bàn thêm. Thế nào là có tinh thần xây dựng, thông cảm, thế nào là *không*?

Trong trường hợp dân chúng thấy một lỗi lầm hay một sơ sót của một vài nhân viên chính quyền, thẳng thắn vạch ra, tìm nguyên nhân ở đâu rồi đề nghị một biện pháp hữu lý ít hay nhiều để cải thiện tình trạng thì sự phê bình đó nhất định là có tính cách xây dựng rồi.

Nhưng nếu thấy lỗi lầm hay sơ sót mà chỉ vạch ra thôi, không tìm nguyên nhân, không đưa biện pháp, thì là có tính cách xây dựng hay không?

Chắc vị thính giả đó cho là không, nên trong buổi họp đó ông mới thốt ra lời chúng tôi đã dẫn ở trên, thâm ý là để trách hai vị Linh mục.

Theo chúng tôi nghĩ thì trường hợp thứ nhì cũng vẫn có tính cách xây dựng.

Vì có khi chỉ cần vạch ra một tình trạng là tự nhiên người ta kiếm được nguyên nhân và biện pháp. Chẳng hạn khi Linh mục Kim phàn nàn rằng: "Người ta đã phát giác biết bao vụ tham nhũng của các công chức, cán bộ chính quyền. Chính tôi cũng bị tống tiền cách đó. Tôi xin giấu tên người công chức ty thuế vụ nọ ở địa phận tôi, là người công giáo nữa. Họ đến đề nghị, nếu tôi đưa cho họ một số tiền bao nhiêu đó thì họ sẽ giảm thuế cho tôi về một việc gì đó..." thì Linh mục chẳng cần tìm nguyên nhân cùng biện pháp mà chính quyền và quốc dân cũng hiểu được nguyên nhân ở đâu và biện pháp ở đâu rồi.

Lại như khi Linh mục Thiện kể cho ta nghe câu chuyện tiếp đón một nhân vật cao cấp nọ, vì thiếu tổ chức, mà có vài trẻ em đứng đợi giữa lộ từ 7 giờ đến 10 giời, say nắng mà bất tỉnh, thì Linh mục cũng chẳng cần đưa biện pháp mà chúng ta cũng hiểu biện pháp ở đâu. Như vậy thì những lời chỉ trích của hai vị linh mục, theo thiển kiến của tôi, vẫn là có tính cách xây dựng.

Huống hồ ta còn nên hiểu thêm điều này nữa: có những trường hợp dân chúng không có đủ trí thức về kỹ thuật để tìm ra nguyên nhân cùng biện pháp. Chẳng

hạn nếu bây giờ có cái nạn các đồ ngoại hóa cần thiết tăng giá lên vùn vụt, nhân dân ai cũng thấy là hại, nhưng nếu ai đã đủ trí thức về kinh tế, về ngoại thương, cách thức viện trợ... để tìm ra được nguyên nhân cùng biện pháp? Nếu nhân dân phàn nàn mà trách họ rằng không đưa biện pháp tức là không có tinh thần xây dựng thì có khác gì bịt miệng họ không?

Vậy thì theo tôi, không thể dựa vào tiêu chuẩn đó - có đưa nguyên nhân cùng biện pháp hay không - để định được lời chỉ trích nào là có tính cách xây dựng hay không. Chỉ cần có sự thông cảm thôi, hễ chỉ trích mà có tinh thần thông cảm là luôn luôn có tính cách xây dựng, dù không đưa ra nguyên nhân cùng biện pháp thì cũng không sao. Chính quyền sẽ tự tìm lấy nguyên nhân và biện pháp. Nhân dân chỉ có bổn phận đưa những nguyện vọng của mình thôi, và làm tròn được bổn phận đó tức thị là đã giúp chính quyền được một phần rồi.

*

Nhưng thế nào là có tinh thần thông cảm? Ai cũng hiểu rằng đặt mình vào địa vị của người để tìm hiểu người là thông cảm với người. Nhân dân đối với chính quyền cũng vậy; phải tìm hiểu những nỗi khó khăn của chính quyền mà đừng nhất nhất việc nhỏ nhặt gì cũng

trách cứ chính quyền, đừng đòi hỏi những điều mà chính quyền chưa thể thực hiện ngay được; như vậy là có tinh thần thông cảm.

Còn về cái giọng phê bình của người dân thì chính quyền cũng nên hiểu tâm lý của dân. Đã đành giọng càng bình tĩnh, càng lễ độ thì lời phê bình càng có giá trị, càng dễ sáng suốt. Tuy nhiên có những trường hợp bất bình quá thì không ai dễ gì nén được nỗi chua chát; lại có khi giọng có chua chát thì mới thấm tai người nghe. Trong những trường hợp đó, chính quyền cũng không nên chỉ xét giọng nói mà trách nhân dân là không thông cảm với chính quyền.

Chúng tôi xin lấy thí dụ về Linh mục Thiện. Sau khi kể chuyện mấy em bé phải đứng đợi giữa lộ từ 7 đến 10 giờ, say nắng mà té xỉu, Linh mục nói:

"Ai chịu trách nhiệm về công chuyện đó? Tưởng một lần thôi, ai ngờ lần nào cũng vậy. Làm đến công chức to lớn mà không giám can thiệp gì, làm chức đó làm gì?

"Cũng chẳng riêng gì chính quyền. Một lần *phải*[1] rước một đấng Giám mục cũng vậy. Hẹn một giờ chiều

(1) Chính chúng tôi cho in nghiêng

song vì phải ghé dọc đường, đến sáu giờ mới đến... Làm cho cả mấy họ đạo lên ruột..."

Rõ ràng là giọng phẫn uất. Có thể rằng Linh mục Thiện đã không thông cảm, nhưng chính mấy lần những người tổ chức các cuộc tiếp rước đã không thông cảm với những người "phải" đi tiếp rước (tiếng *phải* là của Linh mục, thì Linh mục tất phải có giọng đó. "Bất đắc kỳ bình tắc minh", ai mà nỡ trách Linh mục?

Tóm lại, chúng tôi nghĩ rằng: khi phê bình, không nhất định phải đưa những nguyên nhân cùng biện pháp cho vấn đề mới là có tính cách xây dựng, chỉ cần thông cảm nỗi khó khăn của chính quyền thôi; còn như giọng phê bình nếu nhã nhặn, bình tĩnh được thì càng quý. nếu không thì cũng chưa nhất định là thiếu tinh thần thông cảm.

✶

Nhưng vấn đề không phải chỉ có bấy nhiêu. Chúng tôi muốn xét rộng thêm nữa. Nhân dân cần thông cảm với chính quyền thì chính quyền cũng nên thông cảm với nhân dân.

Tôi còn nhớ mười mấy năm trước, một lần lại thăm một tỉnh nọ, tôi được nghe nhiều người phàn nàn rằng một ông trưởng ty nọ rất liêm khiết mà sao lại trọng dụng một người phụ tá vào hàng mọt dân. Tôi nghĩ tình

cố tri lại cho ông trưởng ty đó hay những tiếng đồn ấy để ông tìm ra sự thực rồi thay đổi thái độ. Vừa giúp được dân, vừa khỏi mang tiếng cho ông. Tôi nói:

- Tôi mới tới đây vài ngày mà đã nghe dân đồn rằng nhân viên X của anh ăn hối lộ. Ai cũng trọng anh là thanh liêm, không ai nghi ngờ anh bênh vực cho ông ta đâu, chắc là tại anh không rõ sự thực đấy thôi. Tiếng đồn đó đã đến tai anh chưa?

- Đến tai tôi từ lâu rồi. Nhưng người ta phải đưa chứng cớ ra thì tôi mới có thể trừng trị ông ta được.

- Anh nói như vậy cũng phải. Nhưng anh cũng nên xét tình cảnh của dân chúng. Trong một tỉnh nhỏ như tỉnh này, nhân viên đó của anh tất nhiên là quen hết thảy những người có học thức và có uy quyền ở đây, không khi nào dám ăn hối lộ của những người đó. Chỉ có bọn con buôn và bọn dân đen là bị vắt sữa thôi. Bọn con buôn thì không bị thiệt gì cả, họ chịu "câu khoản" đó càng cáo thì họ lại đập vào người mua càng nặng. Chung quy chỉ có dân đen là khốn đốn. Mà chúng ta thử đặt mình vào địa vị một nông dân, một người buôn gánh bán bưng, chúng ta có dám đưa chứng cớ ra để tố cao một nhân viên giao thiệp rộng, khá có quyền thế như vậy không? Dù chứng cớ có rõ ràng đi nữa, chắc gì đã thắng? Mà nếu thắng thì cùng lắm là họ phải đổi đi chỗ khác mà mình cũng phải bán xới chứ ở lại làm sao được? Vì họ đi thì còn

tay sai, bạn bè họ ở lại, sẽ tìm cách trả thù giùm cho chứ? Tôi tưởng khi nghe thấy nhiều người đồn quá thì anh có thể tin rằng lời đồn có phần nào đúng và một là anh khuyên nhủ nhân viên của anh, hai là anh cho kẻ điều tra ngầm, chứ đợi cho dân chúng đưa chứng cớ ra mới hành động thì không bao giờ anh có cơ hội giúp dân chúng được đâu. Phải cảm thông tình cảnh của họ mới được.

Ông bạn tôi cau mày, nhìn thẳng vào mắt tôi, hỏi gặng:

- Anh nói khuyên nhủ? Nghĩa là cảnh cáo chứ gì? Hắn là nhân viên đắc lực nhất của tôi, mà không có chứng cớ anh bảo tôi phải cảnh cáo? Vô lý! Còn như điều tra? (Ông nói câu này bằng tiếng Pháp, mà tới bây giờ tôi còn nhớ rõ, nhớ từng lời một và nhớ cả cái giọng rất mỉa mai nữa) *Vous voulez que je joue le rôle de Don Quichotte?*

Tôi mỉm cười rồi thôi không bàn tới việc đó nữa.

✶

Mới tháng trước, đọc mục *Nói hay đừng* trên báo *Tự Do*, tôi thấy một người dân ở một tỉnh nọ nêu lên mấy trường hợp về sự lạm hành của vài nhân viên chính quyền địa phương, để góp ý kiến về vấn đề giữ sự an ninh nông

thôn. Đọc bài đó tôi thấy những sự kiện nêu ra rất có thể tin được, lời lẽ lại ôn tồn mà tinh thần xây dựng rất cao. Tôi mừng rằng đồng bào đã có những người lưu tâm đến việc nước, đến cái "bien commun" mà nhận cái việc không công là làm tai mắt cho chính quyền.

Nhưng sáu bữa sau, tôi ngạc nhiên làm sao khi thấy cũng trên mục *Nói hay đừng* của nhật báo đó hai bức thư của hai nhà cầm quyền địa phương, một bức yêu cầu tác giả bài báo đưa những chứng cớ rõ ràng ra, một bức lại mời tác giả tới văn phòng nhà cầm quyền để "giúp thêm ý kiến".

Lời lẽ hai bức thư cực kỳ nhã nhặn, nhưng tôi chắc rằng người dân nào đó tất cụt hứng, không còn dám góp ý kiến về việc nước nữa. Trường hợp này cũng như trường hợp tôi mới kể ở trên.

Và tôi khen thái độ của tòa soạn *Tự Do*, tòa soạn trả lời hai nhà cầm quyền nọ. Đại ý rằng nhà báo chỉ có bổn phận "chuyển đạt tiếng nói của dân" lên chính quyền, khi xét rằng những tiếng nói đó có lý có căn cứ một phần nào, chứ "không phải là một cơ quan thanh tra, cũng không phải là một tổ chức chỉ điểm", và xin phép hai nhà cầm quyền cho nhà báo được giữ bí mật nghề nghiệp.

Không rõ vụ đó kết thúc ra sao.

✶

Tuần trước, nhân gặp một ông bạn trong chính quyền, địa vị cũng khá cao, tôi đem vấn đề đó ra bàn. Tôi hỏi:

- Chính quyền nào mà sáng suốt thì dù dân chủ hay quân chủ cũng cho dân quyền góp ý kiến, tỏ thắc mắc. Đó là chính sách của "Ngô Tổng thống" cho nên mới có một cơ quan chuyên thu thập dân ý để đạt lên Tổng thống. Tôi tin rằng người dân nào trong tình trạng khẩn cấp này cũng sẵn sàng góp ý kiến với chính quyền, hơn nữa, còn cho đó là một bổn phận của mình; nhưng bắt người ta phải đưa chứng cớ, phải vạch mặt chỉ tên ra như vậy, thì ai dám, hở anh? Nếu anh không ở trong chính quyền, chỉ là một thầy giáo làng hay một nông dân thì anh có dám không?

Ông bạn tôi đáp liền:

- Anh bảo chúng tôi phải tự đặt vào địa vị dân chúng, nhưng dân chúng cũng phải tự đặt vào địa vị chúng tôi chứ? Nếu ai cũng tố cáo, cũng chỉ trích mà không cần đưa chứng cớ ra thì có nhân viên nào mà không bị tố cáo, loạn mất rồi còn gì? Anh đừng nên quên rằng có những kẻ chuyên khuấy phá, manh tâm chia rẽ chính quyền với nhân dân.

- Anh nói cũng có lý. Nhưng xin anh nghe tôi kể hai trường hợp có thiệt.

Rồi tôi kể trường hợp nhân viên của ông trưởng

ty trên kia với trường hợp đăng trên báo *Tự Do*; xong rồi tôi hỏi:

- Gặp những trường hợp đó anh hành động ra sao?

- Bắt phải đưa chứng cớ!

Tôi nói lảng qua chuyện khác. Tôi đã có kinh nghiệm rồi. Có những người rất ít thắc mắc, hễ đã tin điều gì là đúng thì tin chắc nó, không bàn luận gì với họ được.

Tôi thú thực là dốt luật, không hiểu luật pháp đã quy định gì về vấn đề đó chưa; song tôi nghĩ nhà cầm quyền phải hiểu tình cảnh của người dân mà thông cảm với họ, thì mới có sự hợp tác đẹp đẽ với nhau được.

Đa số, có thể nói 99%, dân chúng nước ta chỉ cần sự yên ổn và rất sợ chính quyền. Chỉ khi nào uất ức lắm người ta mới lên tiếng. Khi nghe được một lời phàn nàn nào của dân thì mười lần tới chín lần, nhà cầm quyền có thể chưa cần điều tra cũng biết ngay được là lời đó có lý phần nào không hay chỉ là hoàn toàn vu cáo. Nếu thấy có lý thì cho điều tra, mà tìm ra sự thực, nếu thấy không có lý thì bỏ đi, hoặc cho điều tra để tìm xem kẻ nào đã loan tin thất thiệt, rồi cảnh cáo họ, cảnh cáo không chừa thì trừng trị. Chỉ có vậy dân mới dám góp ý kiến với chính quyền, chứ nếu bắt nhất thiết sự kiện nào cũng phải đưa chứng cớ ra thì chúng tôi e dân chúng sẽ phải ngậm miệng mất. Không có biện

pháp nào hoàn toàn cả, lợi ở đây thì hại ở kia. Nhưng trước khi đòi dân chúng phải thông cảm với chính quyền - như ông Cừu đã tuyên bố - thì chính quyền nên tỏ đại lượng mà thông cảm với dân chúng trước đi đã. Đó là cái lẽ cư xử của người trên.

Chúng ta may mắn được sinh vào thời mà những phương tiện thông tin cực kỳ phát triển, vừa tiện lợi, vừa phổ biến, được sinh vào một nước mà quyền tự do phát biểu ý kiến được tôn trọng, đâu đâu cũng có những thùng thư dân ý; vậy mà người dân vẫn có cái cảm giác là thấp cổ, bé miệng, đắn đo biết bao nhiêu rồi mới dám e dè thổ lộ một chút xíu nỗi khổ tâm của mình, thậm chí những vị có đức, có uy tín như hai vị Linh mục Kim và Thiện mà chỉ mới vạch vài lỗi lầm của một số người có trách nhiệm đã bị trách là thiếu thông cảm, thiếu xây dựng, thì xin độc giả thử tưởng tượng nỗi lòng của người dân thời xưa mới là tối tăm bi đát đến đâu! Tạp chí *Quê Hương* số 28 - tháng 10.1961 - trong mục *Quan điểm* có câu: "Cưỡng chế là yếu tố căn bản trong mọi chế độ chính trị". Đúng như vậy?

Sài gòn ngày 8.11.61

(Bài này đưa cho báo Mai, nhưng ông Hoàng Minh Tuynh không đăng, vì ngại làm lớn chuyện mà hai Linh mục Kim và Thiện bị bề trên hay chính quyền trách móc)

VẤN ĐỀ TƯ THỤC

(Bài này là bài cuối trong một loạt năm bài nhan đề là ***Phải mạnh bạo cải tổ nền giáo dục Việt Nam*** *đăng trên Bách Khoa từ 1.5.62 đến 1.7.62. Trong số đó, tôi phân tích:*

1- Chương trình Trung học 1958 và những cái cách năm 1961 của bộ Quốc gia Giáo dục, số 1.5.62).

2- Rồi xét đề nghị của ông Nguyễn Được, đưa đề nghị của tôi mà nguyên tắc là phải dân chủ và thực tế (số 15.5.62).

3- Để áp dụng vào bậc Tiểu học và Trung học (số 1.6.62).

4- Áp dụng vào bậc Đại học (số 15.6.62).

5- Bài cuối xét vấn đề tư thục (số 1.7.62) mà tôi trích lại dưới đây).

✳

Muốn cải tổ nền giáo dục của chúng ta lúc này mà không xét vấn đề tư thục thì thật là thiếu sót. Nghĩ vậy chúng tôi viết thêm bài này nữa.

Từ năm 1950 đến năm 1953, một ông bạn tôi dạy Việt văn và Pháp văn tại một trường nọ ở miền Hậu Giang. Học sinh ở tỉnh nhỏ thời đó xét chung rất dễ thương: tình thầy trò thật mặn mà. Ông ta chỉ bất mãn một điều là có một số - năm sáu trò mỗi lớp mà mỗi lớp hồi đó chỉ có ba bốn chục trò - sức học kém quá, mặc dầu gắng sức cũng không theo nổi chương trình. Ông khuyên phụ huynh các em đó nên cho chúng ở lại, các vị đó không chịu; ông giảng giải cho các em, các em không dám cãi nhưng cũng không nghe; rồi ông đề nghị với ông hiệu trưởng cho các em ấy ở lại, ông hiệu trưởng gạt đi vì sợ mất lòng phụ huynh học sinh. Bực mình ông xin thôi, nghĩ rằng không thể vì một số tiền năm sáu ngàn đồng mỗi tháng mà làm một việc trái với qui tắc sư phạm, trái với lương tâm được. Đơn gởi ba lần mới được chấp nhận.

Rồi ông lên Sài Gòn mưu sinh. Nhưng mới lên Sài Gòn, chưa chắc đã kiếm tiền được ngay, ông tìm chỗ tạm dạy tư trong một hai năm, dạy ít thôi để có thì giờ tính công việc khác. Có người sẵn lòng nhường cho ông trên hai chục giờ Việt văn ở những lớp đệ tứ, đệ ngũ. Khi hỏi số học sinh và cái "huấn phong" ở các tư thục Sài Gòn này thì ông ngại quá, bảo tôi: "Anh tính mỗi lớp 70 trò là ít, mà dạy học thì phải giảng cho thật "hấp dẫn" từ đầu giờ tới cuối giờ. Ở Lục tỉnh đâu có vậy! Như thế thì phải hò hét 25 giờ mỗi tuần - mỗi kép hát dù là vai chánh,

tổng cộng lại cũng chỉ phải ê a khoảng một giờ mỗi đêm thôi vì còn những vai khác nữa - rồi cứ hai tuần phải chấm khoảng 400 bài luận. Tôi tự xét kham không nổi, đành rút lui lập tức. Thà chịu bóp bụng chứ không thể bán phổi như thế được."

Đó là tình trạng dạy tư cách đây chín mười năm.

Mới đây các bạn giáo sư của tôi lại bảo: thời 1953 đó dạy tư như vậy còn là sướng như tiên, bây giờ mới thực là cực như mọi. Là vì hồi đó dạy Việt văn đệ tứ có thể lãnh được 100 đồng một giờ, lớp học nhiều lắm là 70, 80 trò, mà học sinh thời đó không đến nỗi kém lắm, lại tương đối có kỷ luật. Bây giờ học sinh đông hơn: 120, 150, 170 không chừng, bảy tám phần mười không theo nổi chương trình, một số ngỗ nghịch, mà tiền thù lao chỉ có 80, 90 đồng một giờ, có nơi chỉ 50 đồng, có nơi lại chỉ 30 đồng, nghĩa là giảm đi từ 30 đến 70% trong khi giá sinh hoạt tăng từ 1953 đến nay ít nhất là 50%. Dạy học như vậy thì quả thực là làm mọi. Tôi nghe nói có những ông 50 tuổi mà phải dạy trên 40 giờ một tuần, dạy ba bốn trường, trường ở tỉnh này, trường ở tỉnh khác, thành thử 5 giờ sáng đã phải ra bến xe, vậy mà trong túi không khi nào có trên 100 đồng, đến nỗi một bọn lưu manh nọ uy hiếp ông ta ở giữa đường, moi ví ông thấy có 30 đồng, phải thốt lên một câu tục tĩu: "Đ. m., giáo sư gì mà nghèo như vậy!"

Nói cho đúng, chỉ một thiểu số giáo sư nghèo như vậy thôi. Đa số kiếm được 4 - 5 ngàn đồng một tháng, tạm đủ ăn; một số nữa trung bình một vạn một tháng, sống phong lưu nhưng bấp bênh vì hễ đau luôn một hai tháng là nguy; và một số rất ít hốt bạc rất nhiều, ba bốn vạn một tháng hoặc hơn nữa. Nhưng xét kỹ thì hết thảy đều đáng thương; họ phải bán phổi và bán cả lương tâm đi, họ phải vào từ đầu giờ đến cuối giờ, có ngày tới tám giờ và cả năm họ chỉ được nghỉ mươi bữa vào dịp Tết và nửa tháng vào dịp hè; họ phải chiều học sinh và làm ngơ trước những lỗi của học sinh. Học sinh không học bài, không làm bài, họ không dám rầy; họ không có thì giờ để sửa bài, biết như vậy là "đếm giờ ăn tiền" đấy, là không phải cái đạo ông thầy, nên một số chỉ mong sớm thoát ly được nghề và nếu có phương tiện nào khác để mưu sinh, chẳng hạn nuôi gà, làm vườn, bán sách... thì họ sẽ đoạn tuyệt với tư thục liền.

✶

Tình trạng đó do đâu? Tại sao một nghề mà bất kỳ dân tộc nào thời nào cũng coi là cao quý lại đến nỗi như vậy? Chỉ tại tư thục của ta hiện nay tự do quá, mà ngành tư thục thành một ngành bán buôn.

Mới đầu, tức vào khoảng 1950 gì đó, những người

đứng ra mở tư thục chắc có ít nhiều lương tâm. Nhưng rồi số học sinh tăng lên mau quá, họ kiếm tiền dễ quá, lương tâm họ mờ đi một chút. Hễ kiếm ăn được thì tất có nhiều người nhảy ra cạnh tranh.

Bị cạnh tranh gắt quá, các ông hiệu trưởng có chút lương tâm một là phải rút lui, nhường cho kẻ kia tha hồ múa gậy, hai là cũng nén cái lương tâm thêm một chút nữa để có thể tồn tại. Gần đây một số nhà mô phạm danh tiếng, giáo sư hồi hưu của những trường trung học danh tiếng, muốn cứu vãn tình thế, hùn vốn hùn công với nhau mở một tư thục đứng đắn, định làm kiểu mẫu, nhưng chỉ vài tháng sau phải đóng cửa. Không thể nào chống nổi những phép thần của một số tư thục khác được, chẳng hạn "phép" dùng một lũ học sinh "cao bồi" cho vào phá các trường đứng đắn, phép dùng nữ sinh kiểu diễm để "hấp dẫn" nam sinh, nhất là phép hạ học phí. Như trên kia tôi đã nói, trong khi mức sinh hoạt tăng lên ít gì cũng 50% thì học phí lại rút từ 30 đến 70%. Tôi nghe nói có lớp đệ thất hiện nay chỉ thu học phí có 90 hay 70 đồng một tháng. Tới cái nỗi giáo dục cũng đem bán xon như tiểu thuyết kiếm hiệp thì người nào có chút lương tâm đâu còn dám bỏ vốn ra mở trường nữa? Thành thử tình trạng tư thục mấy năm nay cứ mỗi ngày mỗi bi đát thêm.

Truy nguyên lên nữa thì lỗi còn ở phụ huynh học

sinh. Nghề mở tư thục là nghề buôn bán, không có người mua sao có người bán? Người mua thời này phần đông chỉ ham rẻ, cho nên mới có những người chuyên làm tồi hơn một chút để bán rẻ hơn một chút mà câu khách hàng. Nhưng xét kỹ thì phụ huynh học sinh chỉ chịu trách nhiệm một phần nhỏ thôi. Trước hết đa số ít học, không thể kiểm soát được sự học của con em; họ thấy tư thục được phép mở là tin cậy ở chính quyền, ở nhà trường, yên tâm gởi con em lại. Một số ít có học, thấy được sự thối nát của tư thục, nhưng may mắn con em đã được vào trường công thì lên tiếng làm gì cho mệt; cũng có người lên tiếng, nhưng luôn mấy năm trên mặt báo nào cũng có lời kêu ca, mà vấn đề vẫn không hề nhúc nhích, riết rồi phải chán; trách nhiệm là trách nhiệm chung, đâu phải của riêng ai.

Lại truy nguyên lên nữa, ta thấy Bộ Quốc gia Giáo dục cũng có chỗ đáng chê vì không kiểm soát chặt chẽ các trường tư. Tôi biết Bộ ở vào một hoàn cảnh cực khó khăn. Số học sinh trong mười năm nay tăng lên mau quá - có lẽ đến gấp mười chứ không kém - ngân sách lại ít, nhân viên cũng ít, nội một việc mở đủ trường tiểu học cho mọi trẻ em có thể được hưởng một nền giáo dục căn bản cũng đã làm không xuể, rồi còn trung học, đại học nữa, bất kỳ cấp nào cũng thiếu trường, thiếu giáo sư, làm sao xoay sở cho kịp? Mới năm ngoái năm kia gì đây mà

nhiều trường trung học công lập hoặc bán công còn phải tạm dùng một số giáo sư chỉ có văn bằng tú tài I thì làm sao Bộ có thể cung cấp những giáo sư đủ điều kiện văn bằng cho các tư thục được? Đã không cung cấp được thì còn trách người ta vào đâu được?

Vậy thì chính là hoàn cảnh đã gây nên tình trạng hỗn độn hiện nay, mà từ Bộ tới phụ huynh học sinh, tới các tư thục đều chịu trách nhiệm một phần nào thôi.

*

Nhưng chỉ đổ lỗi cho hoàn cảnh thì dễ quá. Chúng ta phải tìm một giải pháp nào để cải thiện hiện trạng chứ.

Ông Bộ trưởng Nguyễn Quang Trình chắc đã nghĩ vậy, nên đầu năm nay đã ra một thông cáo "*trân trọng yêu cầu quý vị Hiệu trưởng tư thục đặc biệt lưu tâm đến vấn đề tuyển dụng giáo chức mới và điều chỉnh tình trạng giáo chức cũ (cần hội đủ điều kiện tuổi và văn bằng). Kể từ niên khóa 1961-63, những giáo chức nào không có giấy phép dạy học sẽ coi như hành nghề không hợp pháp*". Ở đoạn đầu thông cáo đó ông còn khuyên các vị hiệu trưởng phải chú trọng đến hành vi chính trị và tác phong đạo đức của giáo chức nữa.

Tôi nhớ đâu như hai năm trước Bộ đã ra một thông cáo đại ý như vậy, nhưng rồi không áp dụng, nghĩa là

gần như không kiểm soát gì cả mà những giáo chức không đủ điều kiện vẫn tiếp tục dạy học như thường. Không biết lần này Bộ nhờ tinh thần hăng hái của ông tân Bộ trưởng có thâu được kết quả nào không. Trong khi chờ, chúng ta cũng nên góp ý kiến với ông.

✳

Như trên tôi đã nói, gây ra cái nông nỗi này, không phải chỉ tại các giáo sư (tôi thu hẹp vấn đề vào bậc Trung học vì cái tệ lớn nhất là ở bậc này, chứ không phải ở bậc Tiểu học) và các hiệu trưởng, mà còn tại quy chế tư thục và tại hoàn cảnh. Vậy muốn cải thiện tình trạng thì phải nhận định hoàn cảnh và bám thẳng vào quy chế tư thục.

Ông Hiếu Châu đã nhận định gần thấu đáo khi ông đề nghị (trong bài *Trở lại vấn đề tư thục - Tự Do* 24.2.62): *"... chính quyền cũng như nhân dân phải đặt ra vấn đề lọc đãi, kiểm soát, không riêng đối với giáo sư mà còn đối với cả giới hiệu trưởng và học sinh nữa: giáo sư dù có đầy đủ khả năng và kinh nghiệm nhưng nếu vẫn còn những "lớp cá hộp", vẫn còn "phong trào học nhảy", "học tủ", vẫn còn chế độ cai thầu qua sự trung gian của những "giám học" côn đồ chuyên nghĩ đến phép cạnh tranh bất chính để triệt hạ đồng nghiệp để bóc lột giáo sư và học*

sinh nhằm vét lợi cho các hiệu trưởng và cho chính họ thì vấn đề tư thục vẫn còn nguyên vẹn là một kinh dinh đầu cơ trục lợi".

Quả thực như vậy: một thông cáo "trân trọng yêu cầu quý vị Hiệu trưởng tư thục" lưu tâm đến vấn đề tuyển dụng giáo chức và dặn kỹ rằng giáo chức nào không có giấy phép sẽ coi như hành nghề không hợp pháp, một thông cáo như vậy dù áp dụng triệt để, vẫn chưa giải quyết hết vấn đề.

Mà làm sao áp dụng cho triệt để được? Nếu áp dụng triệt để thì có lẽ phải loại đi già nửa số giáo sư tư thục hiện nay. Kể ra trong nước không phải không có đủ người để thay, nhưng những người này muốn dạy tư thì đã dạy từ lâu rồi. Ông Hiếu Châu thấy vậy nên đã đề nghị những giải pháp tạm thời dưới đây:

1- Cho phép giáo sư trường công ra dạy các tư thục không hạn chế số giờ, miễn sao việc đó không phương hại đến công việc giảng dạy của họ ở ở trường.

2- Cho phép sinh viên đại học Sư phạm từ năm thứ hai trở đi được dạy các lớp đệ thất đệ lục của các tư thục.

3- Mở các lớp tu nghiệp và các kỳ thi khảo hạch để điều chỉnh tình trạng hành nghề của những giáo sư có khả năng, có kinh nghiệm, có đạo đức đã ở lâu năm trong nghề nhưng không đủ điều kiện bằng cấp.

Giải pháp thứ nhất không nên theo. Nếu không hạn chế số giờ thì sẽ có những giáo sư trường công dạy thêm hai chục giờ ở trường tư (hiện nay mặc dầu có hạn chế mà hình như cũng đã có tình trạng như vậy rồi), mà lại dạy những lớp 120, 150 trò thì làm sao khỏi hại tới việc giảng dạy ở trường công và luôn cả ở trường tư nữa? Tôi nghĩ trái lại, chẳng những nên hạn chế số giờ dạy của giáo sư trường công mà cả của giáo sư trường tư nữa. Tôi cho rằng mỗi tuần dạy 24 giờ là vừa; trong tình trạng thiếu thầy hiện nay số giờ đó có thể tăng lên 30, nhưng nhất định không được quá.

Giải pháp thứ hai có thể theo được, nhưng cũng chẳng bù vào số giáo sư được bao nhiêu vì những sinh viên Đại học Sư phạm cũng đã mệt rồi, ít người còn đủ sức dạy tư thêm nhiều giờ nữa. Tôi còn nghĩ rằng cho họ dạy tư tại những trường cá hộp thiếu kỷ luật như ngày nay, một là họ sẽ nhiễm cái thói đếm giờ ăn tiền, bán rẻ lương tâm đi, hai là họ sẽ chán ngán về tương lai nghề nghiệp của họ. Vậy giải pháp tưởng là hiệu nghiệm mà thực ra ích lợi rất ít.

Giải pháp thứ hai rất hợp lý, nhưng cũng phải bàn thêm. Bộ phải mở lớp tu nghiệp ở mỗi tỉnh, giáo sư đâu để dạy những lớp đó? Chẳng lẽ lại dùng những giáo sư trung học để tu nghiệp cho giáo sư trung học. Ít nhất là phải dùng giáo sư Đại học hoặc hiệu trưởng trung học.

Giáo sư Đại học thì bận việc quá, còn hiệu trưởng trung học thì nhiều ông chỉ có tú tài mà dạy học chẳng hơn gì ai. Lại thêm có một số giáo sư tư thục vốn là nhà văn nổi danh dạy học đã lâu năm mà không có văn bằng, những vị đó có ai chịu tu nghiệp không? Mà ai dám nhận cái việc dạy những nhà văn nổi danh đó? Tôi chắc họ sẽ bỏ nghề mà như vậy hại cho ngành tư thục. Tôi nghĩ riêng về số giáo sư danh tiếng đó có thể đặt cách cấp giấy phép cho họ. Có thể rằng về lý thuyết sư phạm họ không thạo, nhưng họ có kinh nghiệm, lại có uy tín, mà trong sự dạy học, kinh nghiệm và uy tín rất quan trọng, có lẽ quan trọng nhất nữa. Chắc gì mấy chục bài lý thuyết sư phạm đủ làm cho người ta thành nhà mô..... phạm? Hình như Bộ mấy năm trước cũng đã nghĩ được giải pháp tới mỗi đề nghị đó mà không hiểu vì lẽ gì lại bỏ.

Nhưng dù có dùng tất cả những giải pháp kể trên thì theo sự phỏng đoán của tôi vẫn còn thiếu nhiều giáo sư, chắc đến già nửa như tôi đã nói, thiếu nhiều nhất là ở tỉnh và quận. Riêng các tỉnh ở Hậu Giang, tôi chắc chắn sẽ có non 9 phần 10 giáo sư không đủ điều kiện hành nghề, nhất là lúc này quân đội cần dùng những người có tú tài.

Vậy nếu Bộ giữ đúng quy tắc thì hầu hết số tư thục ở các tỉnh, quận phải đóng cửa vì tuyển giáo sư không ra mà Bộ cũng không có cách nào cung cấp giáo

sư cho các trường đó được, ngay trong các trường công còn cung cấp chưa đủ kia mà. Và ta sẽ thấy nhiều quận không còn trung học nữa, phụ huynh học sinh những nơi đó phải cho con em nghỉ học khi chúng mới 11, 12 tuổi. Vì không đủ tiền cho ra tỉnh học. Tất nhiên dân chúng sẽ kêu nài và Bộ trả lời cách nào?

Nếu trái lại, Bộ không giữ đúng quy tắc, sẽ nhắm mắt làm lơ, chỉ kiểm soát lấy lệ vài trường ở những châu thành lớn thì thông cáo của Bộ sẽ vô giá trị và tình trạng vẫn chẳng thay đổi gì cả.

Tôi không rõ trước khi ra một thông cáo như vậy, Bộ có nghiên cứu kỹ hiện trạng không. Theo tôi thì ít nhất Bộ phải làm những việc này: tính xem trong nước có bao nhiêu học sinh trung học, cần bao nhiêu giáo sư, khi cho thi hành thông cáo đó sẽ còn lại bao nhiêu giáo sư đủ điều kiện văn bằng, thiếu bao nhiêu giáo sư, kiếm đâu cho ra những giáo sư để bù vào, nếu chắc chắn kiếm được tạm đủ thì hãy ra thông cáo, nếu không thì hoãn lại một vài năm, và trong khi chờ đợi, một mặt cấp tốc đào tạo số giáo sư cần thiết, một mặt chỉ cải thiện tình trạng từng bước nhỏ giọt thôi, nghĩa là chỉ cấm hành nghề những người thực là thiếu khả năng và tư cách, còn những người khác dù không đủ điều kiện, vẫn tạm thời cho phép được dạy.

Chúng ta lại nên nhớ điều này nữa: giáo sư đủ niên kỷ và văn bằng chưa nhất định là đủ tư cách. Tôi nghe nói một giáo sư trung học đệ nhị cấp [1] ở một trường công có danh tiếng ở Sài gòn tuyên bố với học sinh rằng: "Tôi còn phải dạy thêm trường tư nữa mà ở trường tư dạy lôi thôi như dạy trường công thì ai người ta mướn". Tôi lại được đọc trên một tờ báo rằng một ông hiệu trưởng trường công nọ bảo học sinh: "Các trò năm nay đỗ nhiều là nhờ thầy vận động cho đấy." Rồi năm ngoái năm kia gì đây, một học sinh trường Quốc gia sư phạm phàn nàn trên mặt báo rằng giáo sư của họ đã thiên vị trong một kỳ thi, cho cháu mình đỗ cao mặc dầu nó học kém. Như vậy có thể gọi là đủ tư cách không? Bộ đã nhận thấy chỗ đó nên nhắc các ông hiệu trưởng cần có tác phong đạo đức. Vậy chắc Bộ sẽ kiểm soát tác phong cùng "hành vi chính trị" của giáo sư nữa và sau những sự lựa lọc đó, số giáo sư càng thiếu nhiều hơn nữa.

Mới rồi Bộ ra thông cáo mở ở Sài gòn những lớp tối để dạy các thanh niên hiện có tú tài từ 20 tuổi trở lên. Học hết hai năm, mỗi tối hai giờ, nếu thi đậu thì họ sẽ được cấp một chứng chỉ, được phép dạy ban trung học đệ nhất cấp ở các trường tư hoặc công. Sáng kiến đó hay,

---

(1) Trung học đệ nhị cấp: tương đương cấp Trung học phổ thông bây giờ (BT)

kết quả còn tùy cách tuyển lựa và cách đào tạo ra sao. Nhưng chúng tôi nghĩ phải bảo đảm việc làm cho những thanh niên đó sau khi mãn khóa, nghĩa là phải dành chỗ dạy cho họ ít nhất là tại các trường bán công, phải giới thiệu họ với những trường tư, và sau ba bốn năm dạy học, họ phải được quyền thi vào chính ngạch, được lựa vào dạy các trường công thì họ mới thấy có tương lai và mới ham học.

✶

Chúng tôi cứ tạm đặt giả thuyết rằng tất cả những khó khăn kể trên, Bộ sẽ giải quyết được hết, nghĩa là các trường tư sẽ đủ giáo sư, giáo sư nào cũng đủ điều kiện niên kỷ, văn bằng, lại có tác phong đạo đức, có hành vi chính trị đứng đắn.

Như vậy tình trạng tư thục có cải thiện được một chút, chỉ một chút thôi, vì chỉ mới là trị ngọn. Cần nhất là phải thay đổi quy chế tư thục. Quy chế hiện hành, tôi thú thực là không được biết rõ lắm; chỉ nghe nói mấy năm trước Bộ điều tra cũng rất kỹ lưỡng, kỹ lưỡng tới nỗi có trường dạy học đã hai ba năm mà vẫn chưa được giấy phép. Điều đó rất quý - việc gì làm kỹ lưỡng mà chẳng quý? - nhưng tôi được biết một giáo sư đã dạy các lớp đệ tứ, đệ nhị một trường công trong tám chín năm, được hiệu trưởng và học sinh rất trọng, có

hồi lại lên thay hiệu trưởng non một năm, có hồi lại làm hiệu trưởng một trường bán công trong một năm nữa mà tới khi xin mở một lớp luyện thi trung học đệ nhất cấp thì nghe đâu như một năm sau vẫn chưa được giấy phép, thành thử ông ta chán nản, hết muốn mở trường mà cũng không hăng hái dạy học nữa. Tôi vẫn biết Bộ có những lý do rất chính đáng mà Bộ không cần phải tuyên bố nhưng tự hỏi, nếu thấy không thể cho được thì sao không từ chối phắt đi, bắt người ta trông đợi làm chi?

Mà cứ nhìn chung quanh, tôi thấy Bộ cơ hồ như theo một chính sách "tự do, dân chủ", cho các trường tư tha hồ cạnh tranh nhau, vì học phí không có gì nhất định cả, rút xuống bao nhiêu cũng được, số học sinh mỗi lớp cũng không hạn chế, tăng lên bao nhiêu cũng được.

Chính sách tự do đó tất nhiên cũng có cái lợi, học phí nhờ vậy mà rẻ đi, giáo sư nhờ vậy mà phải gắng sức để "tranh thủ" học sinh; nhưng cái gì quá mà chẳng có hại, và cái hại đã làm tốn bao nhiêu giấy mực trên báo chí rồi đấy.

Học phí rút xuống nhiều quá thì tiền thù lao giáo sư cũng phải rút theo, và giáo sư muốn đủ sống phải dạy thêm nhiều giờ, hiệu trưởng muốn giữ mức lời, phải mở những lớp thật rộng, chứa được 150, 170 học

sinh. Luật xã hội lo đến sức khỏe của công nhân, có luật nào lo đến sức khỏe của giáo sư và học sinh không?

Trường học muốn "tranh thủ khách hàng" thì tất nhiên phải tìm cách thỏa mãn thị dục của khách hàng; mà hạng khách hàng đầu xanh đó thì 10 em có tới 8, 9 em ngại sự gắng sức, chỉ thích đùa nghịch, được thỏa mãn hai con mắt và hai lỗ tai; cho nên một số hiệu trưởng phải dùng nữ sinh để "câu" nam sinh mà giáo sư phải thuộc nhiều truyện phim giật gân, phải hát chèo, hát xẩm, hát cô đầu cho "mùi", v.v cũng để câu học sinh, cả nam lẫn nữ, nhất là nữ. Tất nhiên đó chỉ là một số chiên ghẻ thôi, không khi nào tôi nghĩ rằng cả các giáo sư tư thục đều như vậy. Vì trong giới giáo sư tư thục hiện nay thật là có đủ hạng người. Có những kẻ thiếu tư cách thì cũng có những người đáng kính: một số không chịu trở lại làm việc với Pháp mà dạy học để sinh nhai, một số nữa là văn nhân, học giả muốn khỏi tủi với cây bút phải dạy thêm để nuôi gia đình... Cứ xét chung thì đa số không xấu không tốt, sở dĩ phải đếm giờ ăn tiền, làm trái với lương tâm chỉ vì hoàn cảnh xã hội và gia đình, thứ nhất là sự cạnh tranh của các trường tư.

Chúng tôi vẫn biết rằng tự do dân chủ là những quy tắc rất quý, rằng ở các nước văn minh, việc mở tư thục vẫn được coi là một nghề tự do, chứ không phải một

nghề buôn bán, nhưng khi tự do mà đưa đến những kết quả như trên thì không thể gọi là đẹp được mà cần phải xét lại.

Theo thiển kiến thì muốn cải thiện hiện trạng, phải trị từ gốc, đặt lại cả vấn đề, thay đổi hẳn quy chế tư thục, chặn đứng hẳn sự tự do vô tổ chức đó. Vấn đề lớn lao quá, ảnh hưởng sâu xa tới tương lai của dân tộc, một mình Bộ không giải quyết nổi, *phải có sự hợp tác của toàn dân, mà muốn có sự hợp tác đó thì Bộ phải tiếp xúc với nhân dân, giảng giải cho nhân dân thấy rõ tầm quan trọng của vấn đề.*

Ông Bộ trưởng hiện thời là chủ tịch một hội rất đông, tức *Tổng hội giáo giới Việt Nam* (nghe nói gồm hằng vạn hằng ức hội viên gì đấy); Tổng hội lại có một cơ quan ngôn luận, tạp chí *Luận đàm*, đã ra tới số mười mấy, thì ông có dư phương tiện để đặt vấn đề với nhân dân, trao đổi ý kiến với mọi giới.

Khi thu thập đủ tài liệu rồi, Bộ nên mở một Hội nghị giáo dục gồm:

- Các vị hiệu trưởng tư thục ở khắp nơi.
- Các vị đại diện giáo sư tư thục ở khắp nơi.
- Các vị đại diện phụ huynh học sinh ở khắp nơi.
- Một số nhà báo.

- Một số nhân viên các bộ.

Để cùng nhau:

- Nhận định, mổ xẻ tình trạng bi đát hiện tại của tư thục.

- Tìm một giải pháp toàn diện, thực tiễn cho vấn đề.

Giải pháp đó sẽ là quy chế cho tư thục. Quy chế đó phải nhắm vào những *mục tiêu* dưới đây trong một thời gian bốn hay năm năm:

- Mỗi lớp số học sinh không được quá năm chục.

- Học sinh phải đủ sức theo chương trình thì mới thu nhận, mới đầu không thể căn cứ vào học bạ của các tư thục hiện thời mà phải khảo sát trình độ học sinh.

- Giáo sư phải có đủ điều kiện như thông cáo của Bộ đã định.

- Giáo sư chỉ được dạy nhiều lắm 30 giờ thôi.

- Kỷ luật phải nhiều.

- Diệt nạn cạnh tranh bất chính giữa các tư thục.

- Định học phí ra sao để trường và giáo sư đủ sống.

- Ở cùng một nơi học phí phải như nhau; từ tỉnh này qua tỉnh khác học phí có thể khác nhau một chút thôi, tùy mức sinh hoạt ở mỗi nơi.

- Rút giấy phép của những trường không đứng đắn.

- Trường phải đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của bộ; kiểm soát hiệu trưởng, kiểm soát giáo sư, nhất là kiểm soát sự học của học sinh (công việc này có hiệu quả nhất). Bộ *cần có sự hợp tác của nhân dân* (tức của phụ huynh học sinh) *thì sự kiểm soát mới hữu hiệu* vì Bộ khó có đủ nhân viên được; vậy phải khuyến khích sự thành lập các hội đó, giúp những hội đó mở trường tư.

Một số người cho rằng cứ đào tạo nhiều giáo sư rồi tự nhiên sẽ có sự đào thải, chớ không nên kiểm soát giáo sư tư thục vì ngành tư thục là ngành tự do, ngay ở nước nhà thời Pháp thuộc, người ta cũng chỉ kiểm soát Hiệu trưởng và chương trình thôi, chứ không kiểm soát lối dạy của giáo sư.

Đào tạo nhiều giáo sư tất nhiên là việc phải làm gấp rồi, nhưng dù ngân sách dồi dào thì cũng mất từ tám đến mười năm mới có được hai ba ngàn giáo sư cần thiết. Vì phải lựa chọn chứ không phải ai có tú tài cũng nhận được. Mà khi đào tạo xong thì cũng phải kiểm soát nữa, không thể bảo rằng hễ ở trường ra là có đủ tư cách dạy.

Vả lại tình trạng nước ta khác nước người. Ở Pháp chẳng hạn, dư người đủ tư cách làm giáo sư tư thục, nên họ không kiểm soát cách dạy cũng không hại. Còn như

ở nước ta, thời Pháp thuộc, trường tư không quá tệ như hồi này, người Pháp không cần kiểm soát chặt chẽ. Cũng có thể họ theo chính sách sống chết mặc bay, chỉ dò xét xem giáo sư tư thục có làm cách mạng hay không, còn thì để cho họ tự do. Chúng ta ngày nay không thể bắt chước họ được, phải kiểm soát khả năng và công việc của giáo sư (có bắt trả bài không, có ra bài làm, có chấm bài không, lớp học có kỷ luật không...) miễn là sự kiểm soát phải có tinh thần xây dựng nhằm mục đích duy nhất là tìm cái lợi cho học sinh.

- Tư thục phải đóng cửa ít nhất một tháng trong vụ hè cho giáo sư và học sinh được nghỉ ngơi. Tháng đó giáo sư được ăn lương. Tết vừa rồi một giáo sư tư thục lại thăm tôi, phàn nàn rằng làm bất cứ nghề gì Tết cũng được nghỉ ăn lương, duy có giáo sư tư thục là hễ miệng nghỉ giảng thì cũng nghỉ ăn lương. Tại sao không áp dụng những luật xã hội vào giới giáo sư tư thục? Làm lao công ăn lương ngày còn được hưởng phụ cấp cho vợ con, mà tại sao giáo sư tư thục lại không được hưởng? Bắt họ có đủ điều kiện mới được hành nghề thì cũng phải cho họ hưởng những quyền lợi tối thiểu của một lao công chứ.

Đại khái mục tiêu chúng ta phải đạt được là như vậy. Tôi trình bày với độc giả chỉ là để nêu vấn đề, và cắm những cái mốc thôi. Mốc có cắm sai thì sẽ có những nhà chuyên môn cắm lại.

Dân chủ không phải là để cho dân muốn làm gì thì làm mà là tiếp xúc với mọi giới trong nhân dân, tìm hiểu thắc mắc, nguyện vọng của nhân dân, trình bày những khó khăn và khả năng của chính quyền, để cùng với nhân dân vạch một chương trình hoạt động có lợi cho nhân dân mà chính quyền có thể thực hiện được.

Chúng tôi chỉ đưa *mục tiêu* ra thôi, không đưa *giải pháp* vì vấn đề lớn lao quá, không một cá nhân một cơ quan nào có thể tìm nổi một giải pháp. Vì vậy mà chúng tôi đã đề nghị đặt vấn đề với tất cả nhân dân để cần sự góp sức của toàn dân.

Chắc có vị cho rằng những mục tiêu chúng tôi mới trình bày bó buộc trường tư quá, thiếu tự do. Vâng, nhưng hiện nay chế độ tự do đã gây một tình trạng quá bi đát thì phải mạnh bạo cải tổ lại, phải mổ và nặn mủ đi, chứ không nên xoa bóp ở ngoài nữa. Tới bán than mà còn phải theo giá chính thức, bán thuốc trụ sinh mà còn phải có bằng cấp, theo toa bác sĩ, đâu có được hoàn toàn tự do.

Vả lại tôi tin rằng nhiều ông hiệu trưởng cũng mong phong trào cạnh tranh bớt đi để có thể sống được mà phụng sự quốc dân một cách tốt hơn. Rồi khi nào tình trạng cải thiện rồi thì qui chế lại nới rộng ra, miễn là

luôn luôn chỉ nhắm cái lợi của học sinh.

Vậy nhược điểm "thiếu tự do" đó không đáng cho ta quan tâm tới. Nhược điểm dưới đây mới cần xét kỹ: muốn đạt những mục tiêu đã vạch, học phí tất phải tăng lên khá nhiều mà đa số nhân dân sẽ gánh không nổi.

Tôi tính sơ sơ một lớp đệ thất ở Sài gòn (trong một trường có khoảng 20 lớp) phải chi tiêu những khoản này:

- 5.000 đồng trả giáo sư.

- 1.000 đồng phí tổn về lớp học và bàn ghế...

- 2.000 đồng góp phí tổn về văn phòng và trả công hiệu trưởng, giám học...

Cộng là 8.000 đồng. Phải thêm ít nhất 1.000 đồng nữa để trả giáo sư và các nhân viên của trường trong vụ hè, và để lập tủ sách, chi tiêu về những công vụ khác, như thể dục, chiếu bóng, mua đĩa hát...

Số học sinh tối đa mỗi lớp là 50 thì ta nên tính chỉ thâu được học phí của 40 thôi vì có lúc ít học sinh hơn, lại có những học sinh nghèo được miễn học phí. Vậy số chi là 9.000 đồng chia có 40 học sinh, học phí sẽ vào khoảng 220 đồng. Ở tỉnh đời sống rẻ hơn, phí tổn nhẹ hơn thì học phí có thể định là 200 đồng.

So với các trường tư thục Pháp ở đây thì học phí còn

là nhẹ lắm (những lớp 6è, 5è của họ, học phí tới 400, 500 đồng) mà so với học phí tại các tư thục của ta hồi 8, 9 năm trước thì không cao gì, hồi đó học sinh đệ thất cũng phải trả 170 đồng mà giá sinh hoạt chỉ bằng 60, 70% giá sinh hoạt ngày nay; nhưng hiện nay vì có nhiều trường dạy ẩu để giảm học phí xuống còn 120 đồng, có nơi 70 đồng, cho nên nhiều phụ huynh học sinh sẽ chê là cao quá, và một số sẽ không trả nổi. (1).

Vì điểm khó khăn đó nên Bộ mới cần có sự hợp tác của toàn dân để tìm một biện pháp hầu đạt được những mục tiêu đã vạch, hoặc thay đổi mục tiêu nếu chưa thể nào thực hiện được. *Bộ phải làm sao giảng cho quốc dân hiểu rằng thà đừng cho con đi học còn hơn là cho học tại những tư thục dạy ẩu, rằng muốn cho người ta khỏi dạy ẩu thì học phí ít nhất phải như vậy, rằng những trẻ em anh tuấn nhà nghèo sẽ được miễn phí, rằng chính phụ huynh phải để ý đến sự học của con em bằng cách thành lập những Hội phụ huynh để kiểm soát các trường tư, rằng toàn dân phải đóng góp vào việc giáo dục thanh niên, kẻ góp công người góp của (chẳng hạn học sinh trường công mà gia đình khá giả cũng nên đóng*

---

(1) Nếu mới đầu ta hãy tạm đạt được mục tiêu này thôi: mỗi lớp 60 học sinh thì học phí giảm được: 9000 : 50 = 180 đồng, một trò ở lớp đệ thất. Nhưng nhất định không nên quá số đó.

học phí để chính quyền có tiền phụ cấp cho các tư thục...) rằng tương lai của con em không thể giao phó cho hạng đầu cơ được, rằng chính quyền sẽ tận lực giải quyết vấn đề, sẽ phái nhân viên lại giúp các tư thục và khi nào có phương tiện, sẽ lần lần đổi các tư thục thành bán công hết, nhưng phải có sự hợp tác của nhân dân thì mới có kết quả vì hiện nay Bộ không đủ nhân viên, không đủ ngân sách. Tôi nghe nói ngay như ở Nhật Bản, phụ huynh trong mỗi xóm, mỗi khu nhiều khi phải lo lắng sự học của con em tại các lớp mẫu giáo. Trưởng khóm hay trưởng khu tới mùa tựu trường đi nhắc nhở các gia đình cho con em đi học, và các phụ huynh góp sức nhận tổ chức lớp mẫu giáo, tìm chỗ làm lớp học, mướn cô giáo, định học phí... Họ vui vẻ làm, vì biết nếu họ không làm lấy để chính quyền lo hết thì họ phải đóng thuế nặng hơn, rốt cuộc đâu cũng vào đấy. Công việc gì khác thì còn có thể hoàn toàn trông vào chính phủ được, chứ công việc giáo dục con em mình thì nhất định mình phải góp sức vào.

Bộ có thể nhờ báo chí, nhờ Bộ Văn hóa, nhờ Tổng hội giáo giới và các Hội phụ huynh học sinh giảng giải cho dân chúng hiểu mục đích và chương trình hoạt động của Bộ. Phải vạch rộng cho dân thấy những tệ hại của nền tư thục hiện nay, những kết quả bi thảm của nó, thấy trách nhiệm làm cha mẹ và hiểu ít điều căn bản về sự dạy dỗ con em.

Chúng tôi chắc rằng khi dân thấy sự quan trọng của vấn đề thì sẽ chịu đóng góp thêm; và khi "huấn phong" đã được cải thiện ở đa số tư thục rồi thì sẽ có nhiều người đứng đắn muốn dạy học, và có thể có đủ giáo sư, nếu Bộ chú trọng đến khả năng và tư cánh hơn bằng cấp.

Bao giờ quốc dân mới được coi một phim, nghe một vở kịch, đọc một tiểu thuyết ghi hiện trạng của ngành tư thục hiện nay, diễn tả nỗi khổ tâm của những trẻ đứng đắn muốn học mà không tìm được những lớp đứng đắn; của những giáo sư có lương tâm mà đành phải đếm giờ ăn tiền, của những ông hiệu trưởng có lý tưởng mà bị bọn đầu cơ đè bẹp và của những phụ huynh đóng tiền cho con em học mà không ngờ là để chúng tán gái.

Bộ Quốc gia Giáo dục, Bộ Văn hóa sao không đặt những giải thưởng đặc biệt để khuyến khích sự sáng tác những kịch, những phim về đầu đề đó? Những tác phẩm đó mà được phổ biến trong nhân dân, nhân dân mà được trông thấy sự sa đọa trong ngành tư thục, tất sẽ cười ra nước mắt và suy nghĩ lung lắm. Mà suy nghĩ là bước đầu của hành động rồi đấy.

(*Bách Khoa* số 1.7.62)

PHỎNG VẤN VỀ THỜI CUỘC của báo *HOÀI BÃO*

(Người phỏng vấn: ký giả Lê Phương Chi trong tòa soạn *Hoài Bão*)

(*Hoài Bão* là tờ báo của Hội Ái hữu cựu sinh viên Quốc gia hành chánh, Sài Gòn)

Hỏi: *Thực trạng chính trị của miền Nam hiện nay thật phức tạp: tranh chấp chính trị, dằng co giữa Chính quyền Dân và Quân sự, Tôn giáo nhập cuộc: (bàn thờ Phật xuống đường, tăng ni tuyệt thực, Giáo dân biểu dương lực lượng v.v...); và văn hóa (sáng tác nghèo nàn, tác phẩm đồi trụy, đời sống văn nghệ sĩ đa số túng quẫn, ngành xuất bản khốn đốn, chế độ kiểm duyệt khắt khe, chính sách văn hóa vá víu v.v...). Có người cho rằng tại dân tộc ta chưa được huấn luyện về chính trị, anh có nghĩ vậy không?*

Anh *Nguyễn Hiến Lê* cười:

- Những dân tộc Ấn Độ có được huấn luyện về chính trị không, mà sao W. W. Rostow, một nhà kinh tế và xã

hội học Mỹ phải nhận rằng chính trị của họ ổn định và dân chủ hơn nhiều nước khác? Á, Phi và cả ở Âu nữa?

Tôi lặng thinh một chặp rồi nói:

- Có người lại cho tại chúng ta trong hai chục năm nay không có một nhà lãnh đạo có tài, có đức, chỉ có toàn những bọn "phù thủy tập sự về chính trị" do kiếm xôi thịt cho mình và bè đảng của mình...

Anh Nguyễn Hiến Lê ngắt lời tôi:

- Lời đó đúng. Không phải thời nào, dân tộc nào cũng có được những người vừa có tài vừa có đức như Nehrus; nhưng hạng có tài có đức vừa vừa thôi thì chắc nước ta không thiếu. Có điều là trong tình trạng bán thuộc địa (hiện tại) của chúng ta hạng đó không thể làm gì được. Anh thử nghĩ: Pháp thời trước và Mĩ thời nay có thể tin cậy mà ủng hộ những người như vậy không, những người liêm khiết có tinh thần quốc gia tương đối cao, tinh thần dân chủ sáng suốt, tinh thần bền bỉ hi sinh cho dân tộc? Vì những người đó mà cầm quyền thì tất họ không để cho ngoại nhân xen vào nội bộ của mình, giật dây mình mà tất phải đặt điều kiện minh bạch trong sự hợp tác, cả trong chương trình viện trợ nữa. Huống hồ những người đó thế nào cũng có một chính sách xã hội - xã hội chứ không phải Mác xít đâu nhé - mà thực dân Pháp, nhất là chính phủ Mỹ

nghe tới danh từ "xã hội" cũng đủ ngán rồi. Không khi nào họ chịu ủng hộ một chính sách xã hội hơi tiến bộ mà dân chúng các nước chậm tiến như nước ta, từ Á tới Phi, đều đòi hỏi gấp chính sách đó.

Đến đây anh Nguyễn Hiến Lê nhìn thẳng vào mắt tôi mà cơ hồ không phải nói với tôi:

... Tóm lại, hễ còn người ngoại quốc xen vào nội bộ của chúng ta, hễ chúng ta còn phải tùy thuộc người về mọi phương diện thì chúng ta không thể nào có một chính phủ tốt được... Anh thử tự đặt vào địa vị người Mỹ: anh bỏ ra mỗi tháng hai tỉ Mỹ kim, đồng bào anh mỗi tháng phải hy sinh vài trăm mạng trên một dải đất nào đó thì ít nhất anh có đòi nắm quyền quyết định về binh bị, ngoại giao, kinh tế, cả về nội trị trên dải đất đó không, và dân chúng trên dải đất đó có còn được chút quyền hành gì không? Tất nhiên anh cũng muốn trên dải đất đó có một chính phủ tương đối trong sạch, được lòng dân ít nhiều; nhưng điều anh muốn trước hết là chính phủ đó phải dễ bảo đã; nếu họ không dễ bảo thì anh phải tìm cách lật họ chứ, phải không?

Tôi chỉ cười rồi hỏi tiếp:

- Anh nghĩ thế nào về những vụ bàn thờ Phật xuống đường, Giáo dân biểu dương lực lượng?

- Việc Phật giáo vừa rồi đòi hỏi có một chính quyền

dân sự là hợp lòng dân. Tôi chắc không một dân tộc nào thích có một chính quyền quân sự, vì có nhiều quyền quá thì người ta dễ hóa ra độc tài, kiêu nhũng. Nhất là khi thấy mấy chính quyền quân sự trong ba năm nay không được quyết định trong chiến tranh này - leo thang hay không là do Mỹ - cũng không có tiếng nói nào trong cuộc Mỹ tiếp xúc với đối phương; rồi lại thấy xã hội quá xáo trộn vì sự hiện diện của quân đội Mỹ, cho nên Phật giáo đòi phải có một cuộc bầu cử để thành lập một chính quyền dân sự - Theo tôi, sự đòi hỏi đó chính đáng. Tiếc rằng, Phật giáo quá tự tín mà lại chia rẽ, chưa gây được cảm tình của các giáo phái khác, chưa củng cố được nội bộ, lại mắc thêm nhiều nhược điểm nữa, nên bị thất bại. Người ta chỉ hiểu sức mạnh của đồng tiền mà không hiểu rằng sự khinh rẻ đồng tiền cũng là một sức mạnh. Họ thất bại nặng nề, nhưng có thất bại rồi mới thành công, và có những sự thất bại đáng quý hơn nhiều sự thành công...

Ít nhất cũng nhờ có sự đòi hỏi của họ mà ta mới có cuộc bầu cử vừa rồi. Cuộc bầu cử này chưa làm vừa lòng được nhiều người mà nhiệm vụ của Quốc hội lại hạn chế ở việc Lập hiến. Ngay đến Quốc hội sau cũng chưa chắc làm được khi mà người Mỹ vẫn còn nắm hết quyền hành ở đây; nhưng dù sao có Quốc hội vẫn còn hơn là tám chục ông bà cố vấn chỉ định như trước đây.

Anh Nguyễn Hiến Lê xem lại câu hỏi rồi nói tiếp:

Về *văn hóa*, thực trạng không được tốt đẹp cũng do nguyên nhân trên: chúng ta không được hoàn toàn độc lập, không có chủ quyền, cái gì cũng phải tùy thuộc ngoại nhân. Tại sao mà các trường dạy Anh văn và các trường dạy chương trình Pháp phồn thịnh như vậy? Tại sao ở bậc Đại học chưa hoàn thành việc chuyển ngữ, rồi lại thêm một trường Y khoa dạy bằng tiếng Mỹ nữa? Tại sao sự kiểm duyệt mỗi ngày một khắt khe? Một chính quyền tốt không bao giờ sợ sự chỉ trích của dân, anh đồng ý chứ? Tại sao mà chính sách văn hóa lại vá víu? Tại sao sở Tu thư chỉ soạn những cuốn vệ sinh lớp 5, toán lớp 4, trong khi học sinh thiếu những bộ tự điển Việt ngữ tạm đầy đủ? Tại nhân viên kém khả năng hay tại kẻ viện trợ chẳng hiểu gì về nhu cầu văn hóa Việt Nam? Phân tích kỹ, cuối cùng chúng ta sẽ thấy chỉ có một nguyên nhân kể trên: không có chủ quyền thì không thể có chính phủ tốt, không có chính phủ tốt thì chính sách văn hóa không thể tốt được.

Nhưng trong khu vực văn hóa còn một số cây viết không ở trong chính quyền và có tâm huyết nên vẫn có được ít sáng tác tốt, thơ, tiểu thuyết, ít công trình khảo cứu đứng đắn.

Tình trạng hiện nay do chiến tranh mà ra. Hễ còn

chiến tranh thì người Mỹ còn phải nắm hết quyền hành ở đây và chính phủ [1] không làm gì được. Vậy:

1- Phải làm sao chấm dứt chiến tranh càng mau càng tốt;

2- Lại phải tranh đấu đòi lại quyền quyết định mọi việc về mình;

3- Sau cùng phải có một cuộc cách mạng xã hội để phá bỏ hết những cái cũ thối tha mà xây dựng lại.

Phải tịch thu tài sản của bọn phản quốc đã làm giàu từ xương máu đồng bào từ 1945 tới nay. Phải thay đổi guồng máy hành chính thối nát kinh khủng. Có ai tưởng tượng được không? Một phòng có mười bàn mà chỉ 3 bàn có nhân viên ngồi, một nhân viên đọc báo, một nhân viên học tiếng Anh, nghĩa là mười người chỉ có một người làm việc. Báo *Quyết Tiến* hay *Chính Luận* mới mỉa mai một công sở nọ là trường nữ công vì nữ nhân viên nào cũng ngồi đan áo.

Anh thử tưởng tượng gởi thư từ đường này đến đường khác ở Sài gòn mà mất 7 ngày, điện tín từ Long Xuyên xuống Bạc Liêu mất 4 ngày!

Sở Văn hóa mỗi năm ra được mấy số *Văn hóa nguyệt san?* Vì có ai tính thử xem để ra mấy số đó, ngân quỹ tốn mất bao nhiêu, mấy trăm ngàn đồng nuôi bao nhiêu nhân viên?

Từ cấp Đại úy trở lên, ông nào cũng có xe hơi và một lính hầu lái xe. Còn dinh một Bộ trưởng ít nhất cũng có 3 hoặc 4 người gác. Tổng thống Israel, Ben Gourion hồi tại chức, trong nhà không có lính, chỉ có một chị ở, tối chị về nhà mình, ông ta phải pha cà phê lấy để tiếp khách rồi rửa ly lấy. Nhưng Israel là nước có chủ quyền.

Còn nạn hối lộ thì khỏi nói. Thiếu tướng Kỳ cũng chịu thua rồi, nên mới dẹp pháp tràng cát đi. Sống cái thời chiến tranh này, ít nhất chúng ta cũng rút được một số kinh nghiệm là đừng vội tin một lời tuyên bố nào cả, chỉ tin mỗi một luật này thôi: không có chủ quyền thì không thể có chính phủ tốt.

Bây giờ tôi xin trở lại những vấn đề tôi đã nêu lên khi nãy:

1- Chấm dứt chiến tranh. - Bourguiba bảo chiến tranh này là chiến tranh giữa Mỹ và Trung Quốc, họ gườm nhau ở Thái Bình Dương này, khi nào họ thấy ngán nhau thì chiến tranh mới hết được. Dân tộc chúng ta ở trong một thế bí. Thế giới cũng chẳng giúp gì được mình cả vì họ gần như bất chấp thế giới; vả lại thế giới cũng chính là họ, có nước nào không đứng vào phe này hay phe khác?

2- Tranh đấu để đòi lại quyền tự quyết. Còn chiến

tranh thì sự tranh đấu này chẳng có kết quả gì nhiều. Phật giáo đã tranh đấu và đã thất bại.

3- Còn chiến tranh thì cũng không làm Cách mạng xã hội được vì người ta sẽ đàn áp thẳng tay. Khoa học tiến bộ thì sự đàn áp của chính quyền càng tiến bộ. Chính quyền nước nào cũng vậy, có cả ngàn phương tiện vô cùng hữu hiệu để đàn áp, cá nhân thành con số không. Cho nên thời này không có anh hùng cá nhân nữa, anh hùng cá nhân tất phải chết; đại chúng phải tổ chức, kết hợp nhau lại hơn hồi xưa. Khoa tâm lý quần chúng phát triển vì vậy, chiến cuộc bất bạo động phát triển vì vậy, mà khoa tuyên truyền phát triển song song cũng vì vậy; không có một chính quyền nào không "vider la foule"; dân chúng Pháp không muốn có chiến tranh ở Việt Nam, ở Algérie, mà chính quyền Pháp vẫn bắt họ phải đổ máu vì hai cuộc chiến tranh đó.

Như vậy giới trí thức khó làm gì được lúc này trong ba việc tôi nêu trên. Chỉ có thể dự bị tiếp xúc với đồng bào, gây ảnh hưởng, truyền bá những tư tưởng tiến bộ trong mọi giới và giúp đỡ mọi người rồi sẽ có một lúc toàn dân giác ngộ và đoàn kết. Tôi nghĩ giá có một đảng hay một giáo phái nào thuyết phục đảng viên hay tín đồ giúp được những việc nhỏ nhặt cho dân - chẳng hạn hốt những đống rác ở đường phố Sài gòn này đi - anh

có thấy Sài gòn lúc này như một con vật khổng lồ đương thối rã không? - Trừ được bọn cao bồi, dạy dỗ trẻ em trong giới lao động để chúng khỏi lêu lổng... làm những công việc như Danilo Dolci làm ở đảo Sicile thì trong năm mười năm phong trào đó lan tràn khắp xứ mà đảng đó, hay giáo phái đó tự nhiên được quốc dân đưa vào Quốc hội hoặc giao cho quyền hành lãnh đạo, chẳng phải tranh giành với ai hết. Không có công lao với quốc dân thì đừng hòng lãnh đạo dân.

- Riêng bọn cầm bút chúng ta có thể làm được gì theo ý anh?

- Tranh đấu cho Việt ngữ được dùng trong các phân khoa Đại học, cho các loại sách báo, phim, tuồng đồi trụy bị cấm, truyền bá những kiến thức mới trong dân chúng - dân mà thiếu học thì khó giác ngộ, dễ bị tuyên truyền, lừa bịp - nhất là tranh đấu cho tự do ngôn luận.

Chỉ tranh đấu cho những cái nhỏ mọn đó thôi mà mười năm nay chúng ta vẫn chưa được một thắng lợi nào cả: Việt ngữ vẫn bị khinh, ở bậc Đại học vẫn dạy bằng ngoại ngữ, sách giáo khoa Đại học vẫn chưa có, sở kiểm duyệt mỗi ngày một gắt gao. Còn phải tranh đấu mười năm, hai mươi năm nữa.

Philippe Semmelweiss, một y sĩ Hung Gia Lợi chiến đấu hơn mười năm để đòi nhà cầm quyền bắt

các y sĩ khử độc bàn tay trước khi đỡ đẻ - một việc rất hợp lý và dễ dàng - mà rốt cuộc ông thất bại đến nỗi buồn rầu quá hóa điên rồi tự tử. Còn Florence Nichtingale phải chiến đấu ba mươi năm, nhà cầm quyền Anh mới chịu tổ chức lại các nhà thương trong quân đội. Trừ được cái xấu không phải là dễ. Nếu ba mươi năm mà thành công được thì cũng là may rồi. Phải kẻ trước người sau tiếp tục hoài mới được.

- Với hiện trạng đất nước ta, nên đặt tin tưởng vào lứa tuổi nào, thành phần nào trong xã hội?

- Thanh niên bao giờ cũng hăng hái, nhiều lý tưởng hơn người già. Đặc biệt trong các nước chậm tiến, luôn luôn sinh viên đóng vai trò quan trọng trong việc cải tiến xã hội. Đọc lịch sử Trung Hoa trong tiền bán thế kỷ này, thấy trong cái cuộc vận động Ngũ tứ, Ngũ táp, sinh viên bao giờ cũng đi tiền phong. Rồi gần đây, thanh niên Ai Cập, Đại Hàn, Tunisie... đều hoạt động mạnh trong công việc cứu quốc. Chính phủ nào cũng đàn áp họ nhưng quốc dân bao giờ cũng ghi công họ.

Nhưng muốn làm được nhiệm vụ, thanh niên phải tranh đấu cho quốc gia và dân tộc, không để cho người mua chuột. Tất nhiên họ có thể đứng vào hàng ngũ này hay hàng ngũ khác nhưng luôn luôn phải để quyền lợi của dân lên trên hết.

Họ không nên coi sự hoạt động chính trị là chính, chỉ nên can thiệp khi quốc dân bị đàn áp, khi quốc gia lâm nguy hay bị nhục; như vậy cuộc vận động của họ xuất phát từ lòng công phẫn sẽ có một ý nghĩa cao cả và tất thành công vì được sự hưởng ứng của toàn dân; còn những chuyện lặt vặt về chính trị họ nên để mặc cho các giáo phái, đảng phái, mà chỉ nhận định, phê bình một cách nhã nhặn và công tâm thôi.

Tôi muốn họ nghiêm trang một chút. Thời này, dù muốn hay không, ai cũng mang một phần trách nhiệm về tương lai của dân tộc, mà quá vui vẻ trẻ trung tới nỗi trụy lạc, chửi đổng theo kiểu một số môn đệ của Sartre,[1] lúc nào cũng làm bộ nôn mửa thì người ta thấy chướng lắm. Xã hội thối nát, phải. Nhưng chúng ta bất lực không làm được gì thì cũng đáng tự trách.

Tôi tiếc rằng sau ngày 1.11.63, thanh niên Việt Nam hăng say chỉ muốn phục vụ tổ quốc mà các nhà cầm quyền không biết lợi dụng cao trào đó. Rồi gần đây, nghe nói một số thanh niên, sinh viên bị mua chuộc, hàng ngũ chia rẽ, suy nhiều. Những kẻ vì tư lợi mà chia rẽ thanh

---

(1) *Sartre* (1901 - 1977) tên đầy đủ là Team Paul Sartre, *giáo sư, văn sĩ, triết gia Pháp*. Ông là cha đẻ triết thuyết hiện hữu (sinh) chủ trương tự do vì xã hội con người đang hiện hữu là "buồn nôn" cả. (BT)

niên, làm cho họ thối nát là những kẻ có tội với quốc dân, giết tương lai của dân tộc. Chỉ nội một việc Mustapha Kémal biết tôn trọng thanh niên, lập ra tuần lễ thanh niên, khuyến khích họ lưu tâm tới việc nước, chỉ nội việc đó cũng đủ cho ta khen ông rồi.

Còn thành phần nào trong xã hội đáng tin, thì tôi nghĩ, nhất định chúng ta không thể trông cậy được một chút gì ở một bọn người đã lãnh những nhiệm vụ quan trọng trong các chánh quyền từ năm 1945, bọn người mà chủ nào cũng thờ được.

Các chánh đảng của chúng ta chỉ có danh mà không có thực, nội bộ nát bét, một số người lại bị mua chuộc, không được quốc dân tin cậy. Các giáo phái còn có chút uy tín nhưng họ phải bỏ thói chống đối nhau đi, bỏ tư lợi đi, chỉ lo cho dân thôi thì mới hòng nên việc được. Và tuyệt đối đừng nhận một sự trợ cấp, một ân huệ nào hết.

Tại các nước tân tiến, tôn giáo và chính trị là hai khu vực riêng biệt, nhưng ở những nước Á châu mới thoát khỏi ách thực dân như nước ta, có lẽ trong giai đoạn này, tôn giáo phải đứng ra để đoàn kết và hướng dẫn nhân dân, vì các đảng chính trị chưa gây được uy tín.

- Anh có tin tưởng xã hội Việt Nam sẽ tốt đẹp không?

Anh có hình dung tương lai sẽ đưa chúng ta đi đến đâu không?

- Anh muốn nói tương lai gần hay tương lai xa? Gần thì trong năm nay hay sang năm, chắc mỗi ngày còn bi đát hơn nữa. Hơi xa xa khoảng năm mười năm nữa thì không ai đoán được, vì mọi việc tùy chiến tranh này mà chỉ có Mỹ và Trung Quốc là quyết định về chiến tranh này thôi.

Nhưng nếu xa hơn nữa, khoảng ba chục năm nữa chẳng hạn thì tôi có thể tin rằng tương lai Việt Nam sẽ đẹp. Vào cuối thế kỷ này, Đông và Tây phải giải quyết xong sự xung đột của họ: một là họ khôn mà lại sống chung hòa bình chỉ còn tranh chấp nhau trên khu vực kinh tế, văn hóa; hai là họ dại mà tận diệt nhau bằng bom hạch tâm.

Lúc đó, cuối thế kỷ này, Việt Nam sẽ có một địa vị khả quan ở Đông Á. Trong cuốn *Một niềm tin* (đoạn kết phần II) tôi đã trình bày lý do rồi: dân tộc ta có nhiều đức tính tốt, có đủ điều kiện để thành một quốc gia tân tiến, phồn thịnh. Ai Cập có một thần thoại rất đẹp: chim phượng hoàng sống 500 năm thì tự thiêu thành tro rồi từ trong đó nó tái sinh, đẹp đẽ hơn trước, và lần này thì bất tử. Tôi tin rằng dân tộc ta sẽ tái sinh sau chiến tranh này.

Tôi nghĩ chúng ta chẳng cần ganh đua với Âu Mỹ, vì nước mình nhỏ lại tiến sau họ xa quá, chỉ cần sao cho dân chúng đủ ăn, được săn sóc khi đau ốm, được học hành tới hết bậc Trung học, có một nghề, nhất là khỏi tùy thuộc nước ngoài về những cái lặt vặt mà được tự chủ, không cần nhiều thứ xa hoa, không cần phim cao bồi, khiêu dâm, nhưng cần có sách để đọc, có nhạc vui để nghe, không có người giàu quá, kẻ nghèo quá, cứ như Thụy Điển, Na Uy mà lại hơn là như Mỹ; các tôn giáo hòa hảo với nhau, nhà cầm quyền có tư cách, xứng đáng; tình trong gia đình, học đường, xã hội không nhạt nhẽo như ngày nay.

- Thái độ của anh đối với sự có mặt của người ngoại quốc đang chi phối mọi sinh hoạt quốc gia Việt Nam hiện nay? Nếu anh không chấp nhận sự có mặt của họ, anh đề nghị những biện pháp gì để giải quyết?

- Anh cứ mở lịch sử ra thì biết. Dân tộc Việt Nam rất quý những người ngoại quốc đến khai hóa thực tình cho chúng ta như Nhâm Diên, Tích Quang...; chúng ta cũng vui vẻ tiếp đón những thương nhân hoặc nhà truyền giáo của họ, nhưng mỗi khi họ xen vào nội bộ chúng ta thì dân chúng thù oán họ, thù oán cả những kẻ mượn thế lực họ để lập lại trật tự trong nước. Tôi xin hỏi anh: anh có chê Gia Long không? Có khinh Lê Chiêu Thống không? Có sùng bái Quang Trung

không? Tâm lý đó hình như các nước Tây phương vẫn chưa hiểu cho ta. Bao nhiêu chính sách thực dân từ trước tới nay đều thất bại chỉ tại người ta không thực sự tôn trọng chủ quyền của dân bản xứ.

Mỹ đã giúp chúng ta nhiều lắm. Nhưng quân đội của họ cũng làm cho xã hội chúng ta xáo trộn quá lắm. Nhất là họ nắm hết quân sự, ngoại giao, kinh tế, thành thử chúng ta có cảm tưởng rằng chiến tranh này là chiến tranh của họ với Trung Quốc chứ không phải của chúng ta.

Chúng ta không thể mời họ về nước ngay lúc này được. Cái gì cũng lệ thuộc họ từ cây đinh tới giọt xăng, cả hột gạo nữa. Đành rằng họ đi thì sẽ không thiếu gì cường quốc sẽ tự nguyện vào thay họ; nhưng cường quốc nào thì cũng như nhau, không có lợi cho họ thì họ tới đây làm gì? Dân tộc Anh, dân tộc Pháp... có thể tốt, nhưng chính phủ Anh, chính phủ Pháp... hay bất kì chính phủ nào cũng không thể tốt với một dân tộc nhược tiểu ở dưới quyền hay dưới sự ảnh hưởng của mình được.

Không còn chế độ thực dân kiểu tiền chiến nữa. Nhưng vẫn còn tinh thần thực dân, tinh thần bắt buộc các nước nhược tiểu về phe mình, để phe mình mạnh lên mà chống phe đối thủ. Bi kịch của nhân loại thời

này là sự tranh chấp giữa Đông và Tây và các nước nhược tiểu tuy bề ngoài độc lập mà sự thực vẫn là lệ thuộc, không muốn lệ thuộc, họ cũng không cho, họ bắt mình phải là quân tốt trong ván cờ của họ.

Đã không thể mời họ về lúc này được thì chỉ còn có thể tỏ rằng họ không được lòng dân ở đây như họ tưởng đâu: tại một tỉnh nọ ở miền Hậu Giang, nghe tin quân đội Mĩ sẽ tới nhiều, chỉ trừ một số người có khách sạn, có bar, và một số gái điếm là thích, còn dân chúng thì lo ngay ngáy, vật giá sẽ tăng, con cháu sẽ hư hỏng, xã hội sẽ tan vỡ và bọn quỉ càng lộng hành.

Các ông ấy hiểu như vậy thì nên liệu cách rút ra khỏi các châu thành sơm sớm, tổ chức sống riêng biệt ở những khu nào đó, bớt tiếp xúc với dân chúng VN đi. nhất là khi họ phải lo giải quyết chiến tranh này cho mau mau đi. Nhất định là lúc này họ không tính chuyện đánh Trung Quốc đâu, mà cũng không nghĩ đến chuyện đổ bộ lên miền Bắc vì muốn vậy họ phải dùng tới cả triệu quân, tốn cả chục tỉ Mĩ kim mỗi tháng, mà dù cho có chiếm được Hà Nội, Hải Phòng, chiếm được hết các châu thành miền Bắc, lập được một chính phủ bù nhìn thì cũng chẳng diệt được Cộng sản, Việt cộng sẽ đánh du kích 10 năm hoặc lâu hơn nữa, vì còn cả cái khối 700 triệu dân ở sau lưng họ. Hiểu như vậy

tổng thống Johnson tuyên bố hoài rằng không muốn lật đổ chính phủ Hồ Chí Minh.

Đáng buồn là dân tộc VN chúng ta chẳng được biết chút gì về cuộc trả giá đó.

tháng 9/1966

Lê Phương Chi ghi lại.

THÂN PHẬN NGƯỜI DÂN CÁC NƯỚC CHẬM TIẾN

Ông Đoàn Thêm (nhà văn) trên tạp chí *Bách Khoa* số 231, 15.8.66 có nhắc lại một chuyện cũ.

"Ngày 28.9.1946 Alessandri một thiếu tướng Pháp hỏi chủ tịch Hồ Chí Minh:

"Chủ tịch có tin rằng dân tộc Việt Nam đã trưởng thành để có thể độc lập không?

Ông Hồ Chí Minh đáp:

- Một học sinh theo học một thầy trong 80 năm, giá thử trò không tiến bộ thì lỗi thầy hay lỗi trò"?

Một thiếu tướng như Alessandri nếu không thông minh thì chắc cũng không đến nỗi dốt nát, họ có học qua bậc đại học từng trải nhiều, quan sát nhiều nước trên thế giới mà sao có thể thốt ra những lời như vậy sao? Ông ta có thể không biết chút gì về lịch sử dân tộc Việt Nam, không biết rằng từ đời Đinh, nước ta đã độc lập, rồi trải qua các triều Lê, Lý, Trần, Lê, dân

tộc ta đã mấy lần anh dũng chống với Trung Hoa để bảo vệ nền độc lập, nhưng có lẽ nào ông ta không nhớ rằng khi Pháp đem quân xâm chiếm nước ta, cách đây một thế kỷ thì nước ta đương là một nước độc lập? Một dân tộc đã độc lập mà sau tám chục năm "khai hóa" không còn đủ tư cách để độc lập nữa thì thứ "khai hóa" đó là cái thứ gì? Ông ta tắc họng là phải. Bị cái lợi ám nhãn thì người ta không thể sáng suốt được. Mà bọn thực dân nào thì cũng bị cái lợi ám nhãn hết.

Nếu ông ta đừng hỏi, như vậy, mà hỏi:

- *Các ông có tin rằng trong thời đại này, các ông có đủ bản lãnh để giữ vững được nền độc lập thực sự không?* thì có lẽ ta lúng túng.

Chế độ thực dân cũ, sau thế chiến vừa rồi, đã bị các dân tộc "thuộc địa" đập tan tành, và bọn thực dân Pháp, Hòa Lan, Bồ Đào Nha... đều đã phải nhục nhã cuốn gói về "mẫu quốc" của họ rồi. Nhưng khắp thế giới lại nẩy nở một chế độ thực dân mới, rất khéo trá hình cho nên rất nguy hiểm. Xưa họ chiếm đất, chiếm quyền để bắt lính và khai thác tài nguyên, tiêu thụ khí giới, sản phẩm, nay họ dùng chính sách ngược lại, việc trợ giúp khí giới và sản phẩm để bắt các dân tộc nhược tiểu phải đứng về phe họ, tùy thuộc họ về kinh tế, và một khi nắm được kinh tế thì họ nắm luôn được chính quyền, mà đất đai tuy còn đấy cũng như mất.

Trong số bốn năm chục quốc gia Á, Phi đã giành lại được độc lập, hiện nay có mấy quốc gia là còn tương đối giữ được chủ quyền? Ba hay bốn? Ấn Độ, Miến Điện, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ rồi nước nào nữa?

Tôi phải khen Mustapha Kémal là vô cùng sáng suốt, khi ông tuyên bố rằng "*Muốn mất độc lập thì không gì mau bằng nhận viện trợ của người*" và mặc dầu cần phải canh tân gấp quốc gia, mặc dầu các cường quốc châu Âu ve vãn, tự nguyện giúp đỡ tiền bạc, khí giới, máy móc, mà ông từ chối hết. Hùng tâm tự cường như ông, trong lịch sử nhân loại, có lẽ chia có người thứ hai. Nhưng thời ông - sau thế chiến thứ nhất - hoàn cảnh còn tương đối dễ, ngày nay thế giới chia làm hai phe tranh giành nhau kịch liệt về ảnh hưởng, phe nào cũng lôi kéo bọn đàn em để dùng làm "gà chọi" thì không hiểu những người kế vị ông có còn theo đúng được chính sách của ông nữa không? Có tài đức, có danh vọng như De Gaulle mà phải mất hai chục năm, lúc này mới bắt đầu lần lần trừ bớt được, ảnh hưởng của Mỹ, thì việc đó đâu phải là việc dễ!

Tôi nghĩ đến tình cảnh các nước Hàn, Triệu, Yên Lỗ... ở thời Chiến Quốc. Tôi nghĩ đến chính sách *hợp tung* và *liên hoành* của Tô Tần và Trương Nghi. Hợp tung đã chẳng cứu được các nước đó mà liên hoành cũng chỉ làm cho họ bị tiêu diệt một cách mau chóng và tàn nhẫn.

Những lời kêu thương hốt hoảng bi thảm của thái tử Yên sao mà ai oán thế!

Gần đây một số các quốc gia chậm tiến Đông Nam Á họp nhau để tìm cách giải quyết chiến tranh Việt Nam này. Làm sao họ có thể giải quyết được vì nước nào cũng bị bó chân bó tay cả, cũng tùy thuộc người cả, cũng không đứng vào phe này thì đứng vào phe khác. Dù khắp các nước nhược tiểu trên thế giới có đồng lòng không đứng vào phe này hay phe khác, thà sống nghèo khổ chứ không nhận một chút viện trợ của bất kỳ phía nào, thì cũng vẫn không giải quyết được vì người ta không cho mình được như vậy, sẽ uy hiếp đe dọa chĩa súng vào họng bắt mình phải theo người ta. Mà làm sao có một sự đồng tâm được? Lịch sử nhân loại chưa bao giờ có một sự đồng tâm như vậy. Ngay trong mỗi nước cũng có sự chia rẽ rồi thì làm sao có được sự đồng tâm từ Á sang Phi sang Mỹ?

Đó là cái thân phận bi đát của các nước nhược tiểu hiện nay:

Từ nay tới cuối thế kỷ, chưa chắc đã chấm dứt được cái tình trạng này, chưa chắc nhân loại đã diệt được chế độ thực dân kiểu mới này!

Chúng ta có đủ tư cách để độc lập, nhưng người ta không muốn cho chúng ta độc lập, và chúng ta không đủ

sức để bảo vệ nền độc lập của chúng ta. Chúng ta vừa đập xong xiềng xích cũ thì lại phải đưa đầu vào cái tròng mới.

✳

Một nỗi đau lòng tủi nhục nữa của dân các nước nhược tiểu chậm tiến là người ta bảo chúng ta không đủ tư cách hưởng tự do, dân chủ. Chẳng những bọn thực dân, nghĩ như vậy ngay đến bọn cầm quyền, tuy không nói thẳng ra, chứ cũng nghĩ như vậy. hành động như vậy.

Kể ra cũng có phần nào đúng: chúng ta có được học hành gì đâu, khi mới giành lại được độc lập thì tám, chín chục phần trăm không biết đọc biết viết có hiểu gì là dân chủ, hiến pháp, tự do. Trong truyện *ÀQ* của Lỗ Tấn, dân thôn Vị trang gọi đảng Tự do là đảng "Dầu cậy" vì tiếng Trung Hoa "tự do" và "thị du" (tức dầu cậy dầu mịt thứ cây có nhựa để phết quạt giấy hồi xưa) đọc như nhau và họ đã lầm chữ nọ với chữ kia, Đó là một lối mỉa mai cay độc của Lỗ Tấn; nhưng sự thực ta cũng phải nhận rằng ngay dân chúng nước ta hiện nay sau hai chục năm độc lập vẫn chưa biết dùng quyền tự do dân chủ của mình.

Không cần dẫn chứng nhiều, cứ xét các cuộc bầu

cử từ trước tới nay thì đủ biết. Người dân có quyền đi bầu hay không đi bầu để phản kháng một chính thể, nhưng dưới trào Ngô, có bao nhiêu người không muốn đi bầu mà vẫn phải đi bầu! Thậm chí có người không dám bỏ những phiếu hợp lệ nữa, sợ chúng biết mà làm khó dễ. Mười người đi bầu thì chín người bỏ cho con gà, con ong, cái cày hay bó đuốc, chỉ vì con gà là dấu hiệu cho một người ở trong nghề với mình, con ong là dấu hiệu của một người ở trong phái nữ với mình, cái cày là dấu hiệu của một người mặt mũi coi bảnh bao, bó đuốc là dấu hiệu của một người có quyền thế trong miền. Có khi chẳng cần chọn lựa gì cả, lấy đại một dấu hiệu một tên nào đó, bỏ vào thùng phiếu cho xong chuyện.

Nhưng lỗi đó tại ai? Tại nhà cầm quyền (tôi xét chung các nước chậm tiến chứ không riêng gì nước ta). Họ có cả ngàn cách để dọa dẫm, đàn áp, ảnh hưởng tới lá phiếu của dân, cướp giật lá phiếu của dân, đổi trắng thay đen, thậm chí tạo cả ra những lá phiếu ma nữa, mà phiếu ma lại nhiều hơn phiếu thật. Và để che mắt thiên hạ - họ tưởng vậy - họ cũng rầm rộ sai cán bộ dùng đài phát thanh dùng loa, dùng báo chí giải thích cho dân cách bỏ phiếu nhắc nhở họ phải lựa chọn người có tài có đức, nhưng một mặt họ vẫn cho tay sai đi gí súng vào lương dân bắt phải rút tên khỏi sổ ứng cử

viên ra; hoặc nếu là cử tri, thì phải bỏ cho tên này, tên khác, nếu không thì "bỏ mẹ cái đời".

Họ cũng tạo ra hiến pháp, và hiến pháp nào cũng có vẻ dân chủ đáo để, tiến bộ ra phết, cũng tách hẳn ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, cũng đảm bảo đủ những tự do căn bản cho dân chúng: tự do tín ngưỡng tự do tư tưởng, tự do hội họp, tự do cá nhân... nhưng luôn luôn họ không quên thêm một vài điều khoản để hạn chế tất cả những tự do đó lại, để lệ thuộc quyền tư pháp và lập pháp, lệ thuộc quyền hành pháp. "Dân chưa đủ tư cách để hưởng tự do dân chủ mà!"

Thành thử dưới thời thực dân, người dân chỉ mong đuổi được thực dân đi để được hưởng tự do và dân chủ; sau khi dân đổ máu để đuổi được thực dân rồi thì lại bị đàn áp hơn thời thực dân nữa. Thực dân khôn ngoan không còn cho dân nói nhiều, thực dân đi rồi, người ta khép mỏ dân lại thật chặt. Cứ so sánh chế độ, kiểm duyệt thời Ngô với chế độ kiểm duyệt thời Pháp; cứ so sánh quyền hành của các ông thẩm phán dưới thời Ngô với dưới thời Pháp thì đủ thấy.

Tuyệt nhiên người ta không không dung túng, chấp nhận sự đối lập. Người ta tạo ra một thứ dân chủ không có đối lập, một thứ tự do câm miệng; vì người ta cho rằng dân chưa đủ trưởng thành, và chỉ riêng người ta

mới trưởng thành.

Vì người ta đã trưởng thành, nên người ta được hưởng mọi quyền tự do. Tự do thủ tiêu những thằng dân nào không chịu theo mình, tự do sửa đổi hiến pháp, tự do sửa đổi số phiếu bầu cử, tiền tệ, tự do buôn quan bán chức, tự do làm chợ đen, tự do cho nhập cảng các phim đồi truy để đầu độc dân, tự do mở sòng bạc, tự do buôn bán và hút thuốc phiện trong khi cấm dân hút thuốc phiện, tự do tăng thuế, có khi tự do thu thuế non nữa như một ông tướng nào đó ở Trung Hoa thu thuế trước cả chục năm - có người nói là cả năm chục năm - của dân, tự do chiếm đất công, chia nhau để cất nhà, tự do bất chấp pháp luật - vì pháp luật do người ta tạo ra mà - và tự do ăn hối lộ.

Tôi không ám chỉ riêng nước Việt Nam bốn ngàn năm văn hiến của chúng ta đâu. Nước Trung Hoa năm ngàn năm văn hiến thì cũng vậy.

Đọc lại những tạp bút của Lỗ Tấn, của Lâm Ngữ Đường viết cách đây ba bốn chục năm, tôi có cảm tưởng như đọc thời sự trên báo hằng ngày ở Sài Gòn mới ra hôm qua. Tôi xin giới thiệu với bạn đọc những bài *Cái mặt và nền pháp trị, Dân tộc có ngón tay dính, Cảm tưởng lúc ăn bánh nếp* của Lâm Ngữ Đường, và một đoạn trong bài *Nói về cái mặt* của Lỗ Tấn, mà bạn tôi, ông Giản

Chi đã dịch và đăng trên tạp chí *Văn* số 33. Thật là thú vị.

Tôi xin trích ít câu:

"Hạm đội của hải quân thì cứ dùng mà chở thuốc phiện. Ông Trưởng Ty cấm thuốc phiện thì cứ đích thân xin mua thuốc phiện".

"Anh phu xe ăn cắp một túi tiền, bị người ta tóm được thì "bẽ mặt" mà người "thượng lưu" vét một mẻ ngọc vàng châu báu, lại hình như không thấy gì là "bẽ mặt" họ lại còn cái "xuất dương quan sát" làm phương thuốc hay để đổi cái "mặt nữa kia."

Chuyện một nước non nửa thế kỷ trước mà lại ứng vào chuyện nhiều nước non nửa thế kỷ sau thì có vui không chứ! Chỉ có danh thì thay đổi: "Xuất dương quan sát" đã thành *"đại sứ lưu động"*.

Rồi cái dân tộc *"có ngón tay dính" "hễ cứ tiền bạc tới tay là thế nào cũng có một phần dính lại, mười đồng qua tay một đồng dính lại"*. Cái dân tộc mà các quan lớn miệng lưỡi lúc này cũng *"dính nhằng cả lại"* vì bị cho *"xơi bánh nếp"* có phải là hình ảnh rất trung thực của dân tộc Việt Nam, Thái Lan, Mã Lai... lúc này không?

Có điều là các ông lớn Trung Hoa sớm "tự do" "trưởng thành" theo lối đó, nên mặc dầu được Mỹ viện

trợ hết lòng mà rồi cũng phải bay qua Đài Loan hết ráo, Họ may mắn có được một đảo Đài Loan do hạm đội thứ bảy của Mỹ che chở, còn các nước khác có được một đảo như vậy không? Nước mình thì khỏi lo: Có cả quần đảo Côn Lôn đó!

Nhưng tôi lại nghĩ đến dân tộc Ấn Độ. Ở châu Á này, gọi là chậm tiến thì có lẽ không dân tộc nào bằng dân tộc đó: chia rẽ thế giới về tập cấp (caste) có báo nói nội trong hai tập cấp tiện dân (intouchable) của họ cũng gồm cả trăm tập cấp; chia rẽ về tôn giáo, chia rẽ về ngôn ngữ, độc lập trên hai mươi năm rồi mà tiếng Hindi vẫn chưa được dùng làm làm ngôn ngữ chính thức, ngôn ngữ chính thức vẫn là tiếng Anh; rồi còn biết mấy trăm triệu dân mù chữ, mấy trăm triệu dân thờ bò, thấy bò ăn lúa thì chỉ xá xá, mời Ngài đi, chứ không dám đuổi, còn biết bao hủ tục khác nữa; thế mà các chính khách Âu Mỹ, chỉ khen Ấn Độ là một nước rất tấn bộ tự do, dân chủ vào bực nhất châu Á, hơn cả nhiều nước Tây Âu, như Y Pha Nho, Bồ Đào Nha, chứ không khen là một nước có nhà lãnh đạo "hùng"; vậy thì sự chậm tiến của một quốc gia là do sự chậm tiến của dân chúng hay là do *sự chậm tiến của kẻ cầm quyền nước đó?* Một dân tộc nào không đủ tư cách hưởng tự do dân chủ không hay chỉ có những kẻ cầm quyền không đủ tư cách trị dân? Và muốn cho quốc gia mau tiến

thì cần những nhà cầm quyền như Nehru hay những nhà cầm quyền như các ông tướng Trung Hoa có cái "mặt" phình to như cái mẹt và những ngón tay "dính" như keo, lấy lẽ rằng dân chúng chưa trưởng thành, chưa đủ tư cách hưởng tự do, dân chủ thực sự, chỉ mượn cái chiêu bài tự do, dân chủ bánh vẽ để gạt gẫm họ, giẫm lên thây dân chúng mà leo lên thang chính trị, rồi giữ riêng cho mình cái quyền tự do đàn áp, tự do chính trị, vơ vét đến khi cái mặt dày quá rồi thì tự do làm đại sứ lưu động - tôi lầm: tự do "xuất dương quan sát" chứ - để đổi cái mặt như Lỗ Tấn nói.

Có kẻ bảo người Mỹ ngu. Không, họ không ngu. Ngu mà sao bắt Liên Xô phải gỡ hết hỏa tiễn ở Cuba, mà hất chân được Anh ở Ả Rập, thắng được Trung Quốc ở Mã Lai? Tôi nghĩ rằng họ là dân tộc sản xuất những phim cao bồi Texas cho nên vẫn khoái hạng người hùng kiểu Hitler, Mussolini, mà chính họ, họ không hay.

Tôi còn nhớ dăm sáu năm trước, một nhà báo Mỹ khen Ngô Đình Diệm là người bé nhỏ nhất mà "hùng" nhất châu Á, ngày nay lại có một số chính khách Mỹ mong Việt Nam có một nhà lãnh đạo "hùng" nữa. Tất nhiên họ không ưa hạng người hùng kiểu De Gaulle, chỉ khoái bọn người hùng chịu phục tùng họ. Và nhiều chính khách Việt Nam hình như cũng khoái làm người

hùng made in USA; nhưng dân tộc Việt Nam thì ngán các ông hùng lắm, các ông ấy càng hùng thì càng chết dân. Ấy thà cứ như Nehru, chỉ có một tấm lòng thành chứ không cần hùng với dân với nước mà lại phước cho dân. Khốn nỗi, hạng người như Nehru, khắp thế giới được mấy người; còn hạng người hùng như các ông tướng Tàu thì mỗi một nước nhược tiểu, chậm tiến như nước ta có được mấy ngàn hay mấy vạn?

Long Xuyên ngày 11.9.66

MỘT NỀN GIÁO DỤC PHỤC VỤ

Tháng chín năm 1945, sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, viên kĩ sư Nhật Giám đốc sở Thủy lợi Nam Việt mời một số anh em chúng tôi lại để bàn giao công việc. Tôi còn nhớ lời cuối cùng của ông ta:

"Nước Việt Nam các ông thế nào cũng được độc lập, còn nước Nhật chúng tôi không hy vọng gì ngóc lên được nữa. Tôi chúc các ông may mắn".

Trong khi nói một tay ông bấu mạnh vào bụng, mồ hôi nhễ nhại, vẻ mặt đau đớn. Tôi có cảm tưởng ông đứt từng khúc ruột. Lúc đó cũng tin rằng Nhật đã hết thời, may lắm là còn giữ được cái tên trên bản đồ thế giới. Ba bốn năm sau tôi được đọc một sách Pháp (lâu quá, tôi quên mất tên tác giả và nhan đề) ghi lại lời một tướng Đức, đồ đệ trung kiên của Hitler khi Bá Linh mới bị đồng minh chiếm đóng. Đại ý ông ta dặn đồng chí không nên thất vọng, có thể khai thác những mâu thuẫn giữa đồng minh mà giành lại địa vị trên bàn cờ Quốc tế, một địa vị mà dân tộc Nhật Nhĩ Man được hưởng. Lời đó đã làm cho tôi suy nghĩ lung.

Ngày nay tôi thấy rằng nhận định của viên tướng Đức này đúng hơn nhận định của viên Kĩ sư Nhật kia. Chiến tranh kết liễu mới khoảng hai chục năm mà Đức và Nhật đã giành lại được địa vị họ ít nhất là về mặt kinh tế. Kinh tế của Đức thịnh vượng hơn cả kinh tế của Anh; đồng mack của Tây Đức có giá trị hơn đồng bảng của Anh, đồng quan của Pháp, mà mức sống của họ cao nhất Tây Âu. Nhật còn thịnh vượng hơn nữa: khắp thế giới ngay cả Mĩ, đều mua máy chụp hình, đồng hồ, máy thâu thanh của họ, xe Honda, xe Suzuki, các loại máy của nhà National tràn ngập thị trường Việt Nam, kĩ nghệ đóng tàu của họ đứng bậc nhất thế giới, và kĩ thuật điện tử của họ cũng sẽ vượt cả Đức, Mĩ. Hễ mạnh về kinh tế thì mạnh về chính trị mà hễ tấn bộ về kĩ nghệ thì cũng dễ tấn bộ về vũ khí. Không một chính phủ nào dám coi thường hai dân tộc bại trận đó, họ đã vượt được nhiều dân tộc thắng họ hai mươi mấy năm trước. Mĩ đã phải vuốt ve Nhật; rồi đây cả Mĩ lẫn Nga cũng phải vuốt ve Tây Đức nữa.

Bây giờ nhìn lại tình cảnh nước mình. Năm 1945 anh em chúng tôi đều tin lời viên kĩ sư Nhật: Đồng minh đã thắng trận, tất sẽ trả lại độc lập cho Việt Nam và chỉ năm mươi năm sau dân tộc mình sẽ thịnh vượng, canh nông và kĩ nghệ sẽ phát triển mức sống của dân sẽ cao, trình độ văn hóa của đại chúng sẽ tiến... Chúng

tôi quá ngây thơ. Chính sách thực dân cũ chưa chết: Pháp được sự ủng hộ của Anh, Mĩ đổ bộ lên miền Nam để mong tái chiếm xứ mình. Phải đổ máu tám chín năm mới đuổi đi được. Khi đuổi được họ thì nước bị chia đôi; chính sách thực dân cũ cáo chung nhưng lại thay bằng chính sách thực dân mới tai hại cũng không kém. Phải hoàn toàn lệ thuộc về kinh tế, chúng ta lần lần mất chủ quyền về chính trị. Non sông còn đó nhưng vận mạng ba chục triệu dân ở cả trong tay người.

Thế là ông cha ta đã mất một cơ hội canh tân ở thế kỉ trước; qua thế kỉ này chúng ta lại mất hai cơ hội nữa: 1945 vì thực dân cũ, và 1954 vì thực dân mới. Canh nông đã chẳng tấn bộ mà còn thụt lùi, kĩ nghệ không phát triển, vì chỉ chuyên vô hộp và lắp máy chứ có sản xuất được gì đâu, mà cơ quan hành chánh thì thối nát bất lực gấp mười hồi tiền chiến, xã hội tan rã, sa đọa kinh khủng, chưa hề thấy trong lịch sử dân tộc. Sau hai mươi năm giành lại được độc lập, Việt Nam đã thành một sân banh như ông Nguyễn Văn Trung đã chua xót nhận xét trong tập *Nhận định IV*.

Nhưng ít nhất trong hai chục năm đó chúng ta cũng đã rút được một kinh nghiệm: đừng nên trông mong gì ở ngoài cả, phải giành lại cho được quyền trị quyết phải thắt bụng lại, nai lưng ra mà làm việc, sản xuất cho mạnh mà chi tiêu bớt đi - từ chối mọi viện trợ về các món xa xỉ

vì nhận tức là tự đầu độc đấy, đầu độc tới cả thế hệ con cháu mình nữa. Tóm lại chúng ta phải tự cứu lấy ta.

Trong một nước kém phát triển như nước mình, nhất là sau khi một phần tư thế kỉ chịu tai họa chiến tranh, sinh lộ độc nhất là phát triển mạnh về kinh tế: Kinh tế có tấn bộ thì mới có những tấn bộ khác về xã hội, chính trị, văn hóa. Điều đó chúng tôi đã trình bày với độc giả trong cuốn *Một niềm tin.*

Mà muốn cho kinh tế phát triển thì phải đào tạo một lớp thanh niên có *một vốn kĩ thuật đủ dùng, có phương pháp làm việc, có tinh thần phục vụ* trước hết rồi mới nghĩ tới chuyện hưởng thụ. Tương lai dân tộc một phần lớn tùy thuộc hạng thanh niên đó và học đường ở bất kì cấp nào cũng phải nhằm mục đích đào tạo họ.

Về sự cần thiết đào tạo gấp các kĩ thuật gia, rút bớt các trường phổ thông mà mở thêm nhiều trường chuyên nghiệp, trong mười năm nay biết bao cuộc hội thảo, biết bao bài báo đã bàn đi bàn lại rồi.

Người ta đã trách nền giáo dục hiện thời mỗi năm đào tạo cả trăm ngàn thanh niên may lắm là cạo giấy được chứ không làm việc gì khác, mà lại khinh những nghề tay chân.

Người ta đã đưa ra những thống kê cho biết số

học sinh trường kĩ thuật dư bằng 3 - 4% số học sinh phổ thông. Số sinh viên Y khoa, Nha Khoa, Dược khoa, Kiến trúc, Công chánh, Điện... gom cả lại không bằng số sinh viên Luật khoa mà số sinh viên này còn kém xa số sinh viên Văn khoa (5.500 Luật / 7.200 Văn ở Đại học Sài Gòn niên khóa 1965 - 66).

Người ta đã đề nghị mở thêm một trường kĩ thuật trung cấp cho mỗi tỉnh tạo thêm các ngành chuyên nghiệp ở Đại học, tăng cường số giáo sư, đào tạo thêm, miễn quân dịch cho họ, sửa đổi chế độ Đại học v.v..

Những điều đó ai cũng nhận là đúng, chắc chính quyền cũng vậy, nhưng chỉ bỏ ra được 2,5% lợi tức (1) còm của quốc gia thì dẫu có là thánh cũng chẳng làm được gì. Cho nên chúng ta khỏi bàn lại làm chi cho mất công. Tôi chỉ xin bàn dưới đây về điểm thứ nhì: tinh thần phục vụ của thanh niên, đặc biệt của hạng ưu tú nhất, tức sinh viên tốt nghiệp Đại học và Cao đẳng.

*

Theo báo *Chính luận* ngày 27.7.67 thì trong cuộc hội thảo về *Mục tiêu quốc gia* ở Đà Lạt vừa rồi, giáo sư Nguyễn Cao Hách bảo:

"Nếu mỗi sinh viên học thuốc với mục đích tốt

(1) Ở Nhật con số đó là 5,2%

nghiệp thì đi chữa bệnh cho bọn nhà giàu, nếu học luật với mục đích đi biện hộ cho bọn có tiền, nếu học Dược để xin độc quyền khai thác bằng sáng chế của ngoại quốc (...) thì có thể coi như nền Giáo dục VN đã chết và cả quốc gia này cũng đã chết rồi".

Ông còn cho ta hay rằng mỗi năm chính quyền tiêu *hai triệu bạc cho một sinh viên Y khoa* rồi ông kêu gọi sinh viên phục vụ người nghèo chứ dùng văn bằng đại học để khai thác xã hội.

Đó là lời của giáo sư. Đây là lời tự thú của sinh viên: "*Đại học Dược khoa hiện tại chỉ đào tạo những địa vị dược sĩ, những chủ hiệu thuốc tây hay rõ ràng hơn, những tấm bằng có thể cho thuê để mở nhà thuốc*" *(Nội san sinh viên số 4, ngày 1.6.67)*. Ai cũng biết rằng những tấm bằng đó hiện nay giá từ 30.000 đồng đến 50.000 đồng mỗi tháng tùy miền; mà lương giảng viên hay giảng sư chỉ được từ 12.000 đến 15.000 đồng.

Nói tới Dược khoa thì ai cũng nghĩ ngay tới Y khoa. Tôi biết có một số bác sĩ già và cả trẻ nữa có lương tâm mà lại tiết kiệm tiền bạc cho bệnh nhân, nhưng tôi cũng biết mười năm nay mới phát sinh vài lối chữa bệnh rất lạ lùng, chẳng hạn như có ông bác sĩ coi mạch qua loa rồi bất kì bệnh nhân mắc chứng gì cũng cho chích hai mũi thuốc, chẳng biết là thuốc gì. Bệnh nhân

nào cũng phải nằm cho ông chích hai mũi, chứ không ba cũng không một.

Lại có ông quay sẵn ronéo một xấp toa: bệnh nhân tới, bị bệnh bao tử chẳng hạn, thì ông ta rút ngay ra một cái toa kê độ mười lăm thứ thuốc trị bao tử, cả thuốc uống lẫn thuốc chích, rồi đánh dấu chữ X lên tên sáu thứ, bảo bệnh nhân lại tiệm thuốc mua. Chính tôi đã được một ông lão nhà nghèo rớt, qua hai con sông lớn ra tỉnh đi bác sĩ, rồi lại thăm tôi đưa cho tôi coi một cái toa như vậy. Không có một hàng chữ chỉ dẫn cách uống thuốc ra sao. Người ta chỉ dặn miệng, Tôi nghĩ bụng: đúng là phương pháp hợp lí hóa của Taylor đây: chuẩn bị, nhất luật hóa mẫu mực, tiết kiệm cử động và thời giờ, dự trữ v.v.. đủ cả.

Lần đó là lần đầu tiên ông lão gần bảy mươi đó đi bác sĩ, mà cũng là lần cuối cùng, vì không có tiền đi lần nữa. Ít lâu sau ông chết. Tội nghiệp cho dân quê! Đã nhiều lần tôi đề nghị với vài bác sĩ quen viết một tập mỏng nhan đề là *"Đi bác sĩ nên biết"* hoặc *"Dùng thuốc Tây nên biết"* để giúp những người dân ít học, chất phác biết mà nhận định rồi đề phòng, nhưng vị nào cũng chỉ làm thinh chắc các ông ấy không khỏi nghĩ thầm: "Hắn muốn mình đóng cái vai Don Quichotle đây."

Đúng lắm, phải có nhiều cán bộ đủ mọi ngành mọi

cấp (Do Thái có cả chục cán bộ canh nông cho mỗi làng nên trong 15 năm họ đã biến đổi 65% sa mạc khô cháy Neguev thành ruộng mơn mởn được) và mỗi cán bộ phải có tinh thần phục vụ dân chúng thì nước Việt Nam mình mới tồn tại được. Đào tạo cán bộ không phải là khó, nhưng làm sao tiêm cho họ được tinh thần phục vụ đây? Đã có vị Viện trưởng Đại học nào nghĩ tới điều đó chưa nhỉ?

Tôi chẳng có chút kinh nghiệm gì về cái tổ chức Đại học cả, những ý kiến dưới đây tất là thô thiển nên phải xin lỗi trước các vị Viện trưởng và Khoa trưởng.

Ý nghĩ của tôi là đừng đua đòi các ông Tây ông Mĩ nữa. Các ông ấy đã có một chế độ Đại học cả mấy trăm năm rồi, các ông ấy giàu quá rồi, mình nghèo như vầy làm sao theo cho kịp, thôi thì mình cứ tùy nhu cầu hiện tại của dân mà đào tạo thanh niên.

Quốc dân cần gì? Cần có nhiều cán bộ được việc nhất, nhất là hạng cán bộ nông thôn. Vậy ta cứ lập những trường mà ta gọi là trường Cán bộ hay trường Phục vụ, trường Cứu quốc... gì gì cũng được, miễn là đừng dùng những tên cũ: Trung học, Đại học, Cao đẳng. Sẽ có những trường Cán bộ cấp I, cấp II, cấp III hoặc phục vụ I, II, III...

Tôi không lập dị đâu. Cụ Khổng ngày xưa đã bảo

danh có chính thì ngôn mới thuận, nếu cứ gọi là Trung Học, Đại học, thì người ta chỉ nghĩ tới chuyện học để lên cấp trung cấp đại, rồi ra kiếm tiền cho được "đại", để thành đại quý, đại phú, đại sư, đại sứ... chứ không nghĩ tới chuyện phục vụ, cứu quốc. Vả lại đổi danh thì vẫn là chuyện thường thấy trong mấy chục năm nay: đại diện xã (để thay xã trưởng) bộ trưởng (để thay thượng thư) rồi ủy viên (để thay bộ trưởng) v.v...

Mà những sự đổi danh đó nhiều khi chỉ là để đổi nhẫn (tôi chẳng thấy một ông ủy viên khác một ông bộ trưởng ở chỗ nào). Còn sự đổi danh tôi đề nghị ở đây không phải là chuyện hình thức mà còn rất hợp với nội dung. Những trường Cán bộ hay Phục vụ gì đó sẽ có một chương trình khác: bỏ hết những cái gì không có lợi ích thiết thực, những cái phù phiếm đi (sau này khi nào muốn chúng ta tấn bộ kha khá rồi sẽ nghĩ tới cái phù phiếm vì tôi nhận rằng những cái phù phiếm cũng có ích nếu hợp thời);sẽ có một lối dạy khác: chẳng hạn 3 tháng lí thuyết thì lại vài tháng thực tập trong xưởng, ở đồng ruộng hoặc trong công sở, trong các công cuộc xã hội, như vậy cho học sinh quen làm việc tiếp với nhân dân và giúp đỡ nhân dân. Có thể bãi bỏ các kì thi lên lớp, ra trường, cứ căn cứ vào cái điểm về lí thuyết, nhất là về thực tập mà cho lên lớp, như vậy tất nhiên là bãi bỏ luôn được cả bằng cấp.

Hết cấp II chẳng hạn, hoặc ngay ở đầu cấp III (tôi không nói rằng tương đương với Trung học đệ nhị cấp của ta hiện nay vì khác nhau hẳn, không thể so sánh được) người ta sẽ lựa một số học sinh thông minh, có năng khiếu riêng, có óc suy xét tìm tòi, có sáng kiến, để đào tạo trong những lớp riêng, sau này thành những học giả, những nhà nghiên cứu, những nghệ sĩ... chứ cứ như bây giờ, thanh niên chẳng có óc tìm tòi cũng vào Đại học, mà giáo sư chẳng có thành tích tìm tòi cũng mời vào Đại học để đọc "cua" cho sinh viên chép thì thứ Đại học đó chỉ đào tạo những con người vênh vênh tự đắc về bằng cấp rồi đòi được hưởng thụ cho nhiều chứ làm sao khác được.

Ở các trường Cán bộ ra, bất kỳ là cấp nào, thanh niên cũng phải phục vụ quốc gia trong một thời gian là ba hoặc năm năm. Riêng ở trường Cán bộ Y khoa cấp III ra, họ phải phục vụ mười năm vì sự đào tạo họ tốn kém cho quốc dân quá và cũng vì dân nghèo rất cần sự phục vụ của họ. Về môn Dược, tôi nghĩ chỉ cần đào tạo một số ít người có thực tài sau này chuyên nghiên cứu về dược. Còn việc bán thuốc, không xứng với sở học các vị ấy, có thể miễn cho họ được. Chúng ta cứ quá theo Pháp, chứ ở Mỹ đâu phải ở Đại học ra mới bán thuốc được mà dân Mỹ còn khỏe mạnh hơn dân Pháp nữa.

Bạn sẽ hỏi tôi:

- Như vậy bằng cấp của mình không tương đương với bằng cấp Âu Mỹ?

- Thưa, dĩ nhiên rồi. Mà cần gì phải tương đương? Mình đào tạo thanh niên cho mình, theo nhu cầu hiện thời của nước mình mà. Tôi cần ăn gạo lứt Rạch Giá để có sinh tố B1, B2 thì tôi mua gạo lứt, cần gì phải hỏi xem ông hàng xóm ăn gạo gì, gạo Mỹ hay Thái Lan?

- Thế rồi có cho sinh viên đi du học hoặc tu nghiệp ngoại quốc không?

- Sao lại không? Còn cho đi du học rất nhiều nữa chứ. Chúng ta còn cần trong thế giới tự do, có một nước nào hào phóng dám nhận một lần cả ngàn học sinh của ta nữa chứ. Họ vừa học vừa làm, để thêm kiến thức, kinh nghiệm, chứ không cần bằng cấp. Các nước đàn anh đó cứ cho họ vào những lớp, những xưởng, những trại ruộng nào đó, tùy theo sự hiểu biết của họ. Họ có thể làm bàng thính viên, làm thợ, làm gì cũng được miễn học thêm được thì thôi, chứ không cần bằng cấp.

Như vậy là đồng thời giải quyết luôn được vấn đề trường Tây, trường Ta, trường Việt, trường Mỹ. Chương trình của chúng tôi như vậy, nhắm mục đích như vậy, ông Tây, ông Mỹ, ông Nhật, ông Đức hay ông nào khác muốn giúp đỡ và có thể giúp đỡ được thì chúng tôi cũng niềm nở đón tiếp và thành thực mang ơn; Còn như theo

chương trình của các ông thì chúng tôi cũng muốn lắm, nhưng nghèo, chưa theo được, xin hẹn một thời khác.

Cũng giải quyết luôn được vấn đề quay cóp, hành hung giám khảo, cả vấn đề tự trị Đại học, quy chế Đại học... nữa, vì chúng ta không có Đại học, chỉ có những trường đào tạo cán bộ phục vụ quốc dân và một số các nhà bác học có thực tài. Ai có khả năng thì được mời dạy, và trong khi dạy vẫn phải phục vụ, vẫn phải nghiên cứu, vẫn phải học thêm.

Sau cùng, còn chặn được nguy cơ xuất não nữa, vì hạng cán bộ của mình đi tu nghiệp ở ngoại quốc đó, các nước đàn anh chẳng thèm dùng đâu, dụ dỗ họ ở lại làm gì cho phí công. (1)

Giải pháp đó tôi nhận là đơn giản quá; nhưng muốn diệt cái tinh thần hưởng thụ mà giáo sư Nguyễn Cao Hách đã lên tiếng cảnh cáo ở Đà Lạt, tôi nghĩ phải theo cái hướng đi đó, chứ không thể chạy theo các ông Tây, ông Mỹ được; các ông ấy bỏ xa mình quá rồi, mình phải kiếm con "đường tắt" như các nhà xã hội học và kinh tế học phương Tây thường nói.

Bạn lại hỏi tôi rằng:

---

(1) Bốn hàng này mới thêm sau khi chúng tôi viết bài *Nguy cơ xuất não* coi trong tập này.

- Bắt thanh niên phục vụ khi các đàn anh họ, từ các ông lớn tới các ông bé, từ các ông chính khách tới các ông làm áp phe phè phớn, hưởng thụ thì...

- Dạ, về điểm đó thì tôi xin chịu. Bí. Vì nó kẹt, kẹt quá cỡ. Cái gì cũng kẹt... Tôi xin nhận cái tội bàn suông. Chỉ tại cái ông chủ nhiệm *Bách Khoa* cứ thúc tôi hoài đấy thôi.

(*Bách Khoa* số 15.9.1967)

TÌNH HÌNH XUẤT BẢN TỪ TẾT MẬU THÂN (1968) ĐẾN NAY

Mải lo trăm chuyện: vật giá cứ hiên ngang leo thang mà đồng bạc cứ âm thầm xuống giá, lo làm sao đủ tiêu cho tới cuối tháng; hết lo thiếu sữa, thiếu gạo, bây giờ lại lo thiếu đường; lo tin tức con cháu ngoài mặt trận, lại lo bị giật xách tay ở giữa đường, lo điều chỉnh tờ khai gia đình, vân vân. Vì vậy tinh thần lúc nào cũng căng thẳng, chỉ mưu tính cuộc sống hằng ngày cũng đủ mệt, và lần lần chúng ta muốn quên cơn ác mộng Tết Mậu thân năm ngoái.

*

Trong hoàn cảnh đó, dĩ nhiên ngành xuất bản ngưng trệ hẳn. Những cuốn nào đã in xong từ trước Tết, như cuốn *Nước non Bình Định* của thi sĩ Quách Tấn, không lẽ chất trong kho, phải đem ra phát hành trong vài tiệm sách lớn ở Sài gòn, chứ không gởi đi xa. Ngay

ở Sài gòn, tôi đã kiếm ba lần, mỗi lần cách nhau một tuần, mới mua được.

Có một số nhà sách ở miền Trung tiêu tan sự nghiệp, nhà phát hành, nhà báo, nhà xuất bản cũng chịu thiệt lây, ai đâu mà dám gởi thêm nữa; Vả lại có gởi thì chẳng những đã không có phương tiện - ngay quân nhân và công chức kia còn phải chờ cả tuần cả tháng mới có phi cơ để về nhiệm sở - mà nhà sách cũng không muốn nhận: nhà thì lo xây dựng lại, nhà thì lo tản cư, tình hình đã êm đâu. Cũng may, hình như không một nhà văn, nhà thơ nào thiệt mạng trong biến cố.

Nhưng từ tháng sáu tháng bảy trở đi, tình hình xuất bản lại phục hồi; tại Sài gòn sách bắt đầu bán được kha khá, có lẽ vì mấy tháng thiếu sách, người ta đã nhớ, cũng có lẽ vì biện pháp giới nghiêm, tối không thể đi coi hát, nhảy nhót, tán gẫu ở phòng trà, người ta đành phải kiếm sách coi cho đỡ buồn.

Tới gần cuối năm 1968, ngành xuất bản phồn thịnh lại như cũ, có phần hơn cũ nữa.

Các nhà xuất bản cũ: Khai Trí, Giao Điểm, Lá Bối, An Tiêm... hoạt động trở lại. Nhà Lá Bối dám bỏ ra trên triệu bạc in bộ *Chiến tranh và Hòa bình* của Tolstoi. Các nhà xuất bản thành lập năm 1967

như Trình Bày, Ca Dao, Hoàng Đông Phương, hoạt động rất hăng, nhất là nhà Trình Bày. Lại thêm một số nhà mới thành lập: Mặc Lâm, Cơ quan xuất bản Phạm Quang Khai... gần như tháng nào cũng cho ra một cuốn. Ngành xuất bản như cây sậy trong thơ ngụ ngôn La Fontaine, sau cơn dông tố, lại ngóc lên. Còn đất, còn nước - tức độc giả - thì loài cây đó không ngại sấm sét, phong ba, sống hoài, mỗi ngày một lan rộng.

✷

Từ khi *Tin Sách* của hội Việt Bút đình bản (1967), chúng tôi không được biết số sách mỗi loại xuất bản trong mỗi năm là bao nhiêu. *Thư viện tập san* số 4 năm 1969 có lập một bảng liệt kê "những sách có giá trị đã xuất bản hoặc tái bản cuối năm 1967 và trong năm 1968", gồm khoảng 350 cuốn. Nếu kể cả những sách "không có giá trị" thì con số phải cao hơn nhiều. Hỏi thăm vài nhà xuất bản quen, và coi mục giới thiệu sách trên các tạp chí, tuần báo, tôi đoán *rất phỏng chừng* rằng từ giữa 1968 tới nay, mỗi tháng trung bình, chúng ta cũng có được sáu chục cuốn, không kể sách giáo khoa và truyện trẻ em, so với những năm 1964, 1965 (mỗi năm khoảng 500 cuốn), có phần tăng lên được kha khá.

Về xu hướng chúng ta cũng thấy có vài điểm đáng phấn khởi hoặc đáng để ý.

Loại sáng tác (thơ, tiểu thuyết) không có xu hướng nào mới - một xu hướng mới không thể mỗi năm mỗi xuất hiện được - nhưng cũng có một truyệnrất đặc biệt của Nguyễn Mạnh Côn: *Giấc mơ của đá*, một truyện triết lý nên thơ mà hơi có vẻ khoa học. Loại truyện ướt át, giật gân giảm nhiều.

Loại biên khảo không có công trình nào lớn, nhưng đa dạng hơn: luật học, sử học, kinh tế học, nguồn gốc loài người, vấn đề nông dân thời Pháp thuộc, lại có cả một cuốn về khí hậu Việt Nam (cuốn) đầu tiên trong môn học đó) của Đỗ Đình Cương, in tốn kém lắm vì rất nhiều bản đồ, hình thống kê, mà thuộc loại khoa học, rất khó bán. Loại địa phương chí đã được một thi sĩ nổi danh, Quách Tấn, góp sức; nghe nói sau cuốn về Bình Định, ông sẽ xuất bản một cuốn về Khánh Hòa, cũng dày như cuốn trên. Loại phổ thông kiến thức tuy còn lâu mới được hoan nghênh ở Âu Mỹ (ở Pháp đã có bệnh "encyclopédite", bệnh đọc sách bách khoa) nhưng đã chiếm được một số độc giả, và một số tiểu thuyết gia như Phan Du cũng đã bắt đầu viết vài cuốn về loại đó.

Ba điểm dưới đây đáng lưu ý nhất:

1- Từ 1967 đến nay vài ba nhà xuất bản đua nhau in lại các tác phẩm tiền chiến. Mới đầu là cuốn *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân rồi tới cuốn *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh và Hoài Chân, cuốn này bán rất chạy, chỉ trong mấy tháng đã in thêm. Kế tiếp là một loạt tác phẩm của Tô Hoài, Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng, Ngô Tất Tố, Nam Cao, Phan Kế Bính... Nên kể thêm bộ *Việt Nam tự điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức. Một nhà tính in lại bộ *Quấc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của nhưng rồi bỏ vì phí tổn nặng quá.

Xét chung, các tiểu thuyết tiền chiến bán không mạnh: người già đọc lại không thấy say mê như hồi ba chục năm trước; còn người trẻ thì phần lớn do tò mò mà đọc chứ không ham: thời nào có văn học của thời nấy, và càng lùi xa mà nhìn lại thì càng thấy những tác phẩm "vượt thời gian" quả thật là hiếm. Lâm Ngữ Đường bảo từ cuộc Ngũ tứ vận động (4.5.1919) tới năm 1960, Trung Hoa chỉ được hai nhà thơ và ba bốn nhà viết truyện ngắn, tùy bút là thực có tài. Chúng ta cũng không nên hy vọng gì nhiều hơn cho văn học Việt Nam.

2- Số sách dịch tăng lên rất nhiều, tuy không gây nổi một phong trào, nhưng đã được quốc dân coi trọng, và sau quốc dân tới chính quyền, nghe nói bộ Văn

Hóa đã lập một ủy ban dịch sách cổ và kim, đã được mấy chục nhà sẵn sàng hợp tác, nhưng vẫn chưa có ngân sách.

Chúng ta không chuyên dịch sách Mỹ, sách Pháp nữa, mà đã dịch sách Nhật, Đức, Nga (nghe nói có nhà xuất bản sắp in *Anna Karenine, Anh em nhà Karamazov*, và sắp có một bản dịch rút ngắn *Chiến tranh và Hòa bình*)... Đặc biệt là nhà Ca Dao, trừ vài tập thơ của ông Giám đốc, còn toàn là sách dịch, dịch sách Đức (Herman Hesse), Ấn Độ (Khrisnamurti), nhất là truyện của các dân tộc da đen. Độc giả đã bắt đầu được làm quen với Freud, Fromm, Lecomte du Nouy... kiến thức sẽ được mở rộng hơn.

3- Điểm đáng mừng nhất là sau khi xô bồ tiếp thu một vài khía cạnh của văn minh phương Tây, khía cạnh vật chất và nổi loạn, độc giả cơ hồ đã bắt đầu chán ngán. Một mặt người ta trở về tinh thần Đông phương: hai ba nhà xuất bản ganh nhau dịch Khrisnamurti, Hesse (người Đức nhưng có tinh thần Đông phương), hai bộ Kinh Dịch nối tiếp nhau ra đời: một bộ của Bộ Quốc gia giáo dục, một bộ của cụ Phan Bội Châu (nhà Khai Trí xuất bản), bộ sau này, mười mấy năm trước tôi đã đề nghị với một cơ quan chính quyền in nhưng người ta gạt bỏ; rồi thêm những công

trình biên khảo về nếp sống cổ Việt Nam, tế lễ, phong tục, tôn giáo... của Đỗ Bằng Đoàn, nhất là Toan Ánh cũng được hoan nghênh hơn hồi trước nhiều, chỉ trong hai năm, đã thấy xuất hiện năm sáu cuốn dày 400 - 500 trang. - Mặt khác, người ta bắt đầu tìm hiểu các dân tộc nhược tiểu cùng cảnh ngộ với mình: Ấn Độ, châu Phi, Do Thái, Ả Rập... Cơ hồ như người viết không được đả động tới chính sách thực dân ở nước mình nên phải vạch cái nạn thực dân ở Trung Đông, Cận Đông, Phi Châu để vơi bớt nỗi lòng; còn độc giả đọc lịch sử các dân tộc anh em đó, nhận được hình ảnh của dân tộc mình, nghe tác giả mạt sát dã tâm của thực dân Anh, Pháp chẳng hạn, cũng thấy khoan khoái trong bụng.

Sau cùng tôi nhắc qua về loại Sách hồng. Đầu năm 1967, trong bài *Tình hình xuất bản 1966*, (*Tin Sách* - tháng 6 năm 1967), tôi viết: "Vài nhà xuất bản đã định cho ra loại sách đó" để góp công vào sự giáo dục thiếu nhi. Hình như trước hết là nhà xuất bản Đông Phương cho ra được ít tập - mỗi tập 32 trang, 10$ - tiếp theo là một vài nhà khác cũng lèo tèo được ít tập, hiện nay thêm nhà Khai Trí ra một loạt trên 10 tập, và nghe nói đã có sẵn bản thảo của 80 - 90 tập nữa. Nhiều nhà văn tên tuổi đã hợp tác như Phan Du, Nguyễn Văn Xuân, Lê Tất Điều... nhưng hỏi thăm

thì sách chỉ in có 5.000, bán chậm.Loại đó bán giá đó mà in số đó thì tình hình đáng gọi là chán nản. Trẻ vẫn thích những truyện có đầy hình in lem luốc, với vài lời chú giải lăng nhăng. Tôi đã đưa hai chục tập *Sách Hồng* cho một đứa cháu mười tuổi, mới đầu nó cũng không thích bằng những truyện hình, nhưng đọc hết mươi, mười lăm tập rồi, nó thấy quen và mỗi ngày đòi có một tập để đọc. Có ngày nó ngốn 2 tập, 3 tập. Tôi nghĩ bản tính con người dù trẻ dù già đều làm biếng, ít chịu vận dụng trí óc, nên trong sự giáo dục, không nghĩ đến cái vui thích của trẻ thì hỏng, mà chỉ chiều thị hiếu của nó thì cũng hỏng. Nói đến giáo dục thì thế nào cũng có chút ép buộc cho vào khuôn, và món ăn tinh thần nào cũng phải một thời gian rồi mới hợp với "khẩu vị" của chúng ta được. Cần có những nhà xuất bản tiếp tục cho ra đều đều loại Sách Hồng đó, mà cũng cần có những bậc phụ huynh, thầy học ép trẻ đọc những sách đó mới được. Sau một thời gian chúng sẽ quen, miễn là phải có đều đều cho chúng đọc.

Trở lên trên là hoạt động của tư nhân. Tóm lại là tôi lạc quan và vẫn giữ ý kiến của tôi trong bài "Tình hình xuất bản năm 1966": "... trong tất cả các ngành sản xuất của nước nhà, từ canh nông tới tiểu công nghệ, kỹ nghệ, chỉ có ngành xuất bản là (...) phát

triển mạnh nhất, chịu hy sinh nhiều nhất".

Trong khi đó hoạt động của chính quyền về văn hóa mỗi ngày mỗi sút. *Văn hóa nguyệt san* âm thầm đình bản. Bộ Quốc gia Giáo dục in được vài bộ sách dịch: *Luận ngữ, Kinh dịch, Kinh thi*, bộ này công phu nhất. Nhưng dự định của chính quyền thì đáng kể lắm: ủy ban Điển chế văn tự thành lập từ hai năm nay, vẫn chưa điển chế được một tiếng (mot) nào; rồi ủy ban dịch sách kim cổ mới thành lập đây cũng chưa làm được gì. Nên vài năm nữa, sau khi hòa bình văn hồi, thì mới làm sao? Nhưng đó là việc của chính quyền sau này, chính quyền hiện thời chưa cần nghĩ tới. Đúng như quy tắc của cổ nhân: *Đắc nhất nhật, quá nhất nhật* - Hơi đâu mà lo xa.

✳

Muốn hiểu sự hy sinh của ngành xuất bản mấy năm nay chúng ta cần biết điều kiện làm việc của các nhà cầm bút và các nhà xuất bản.

Năm 1967, Quốc hội lập hiến đã đặt nguyên tắc tự do ngôn luận, rồi Thiếu tướng Kỳ cũng hứa sẽ nới tay, chỉ kiểm duyệt về tin tức chiến tranh và kinh tế thôi; đầu năm nay Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cũng đồng ý với các văn nghệ sĩ nên bãi bỏ kiểm duyệt.

Nhưng chính sách kiểm duyệt sách đã chẳng bãi bỏ mà còn có phần gắt hơn trước, hơn cả thời Ngô Đình Diệm và thời Pháp thuộc. Vài ba nhà xuất bản đã bị cấm in mấy cuốn, và vụ nhà văn V. Ph. mới rồi làm cho giới cầm bút xôn xao. Chưa thấy Bộ Văn hóa và các ủy ban văn hóa của Thượng viện, Hạ viện lên tiếng. Tôi không thấy có lý do gì để bỏ kiểm duyệt báo mà không bỏ kiểm duyệt sách. Tôi mong rằng vấn đề đó sẽ được giải quyết một ngày gần đây để chúng ta có thể đấu tranh về văn hóa: chế độ Tự Do nếu có một sức mạnh nào thì chính là ở chính sách Tự Do, tự do mà không hỗn độn; có tự do thì dân mới tin, mới hăng hái, biết nhận trách nhiệm, giữ được tư cách.

Điểm khó khăn thứ nhì, là công việc in đã rất tốn kém (gấp ba gấp bốn năm 1963) lại rất trở ngại vì thiếu thợ. Đa số "thợ" sắp chữ là những em 15 - 16 tuổi mới học tới lớp nhất; nguy nhất là thiếu thợ chạy máy, vì hạng thợ này không thể đào tạo trong nửa tháng một tháng như thợ sắp chữ được, cho nên có cuốn đương in phải ngừng lại cả tháng. Cũng không có người chuyên sửa ấn cảo nữa, nhiều khi ông giám đốc nhà in phải sửa lấy; ngay đến người sai vặt cũng thiếu, nhiều nhà in không thể gởi ấn cảo cho tác giả coi lại được, thành thử cuốn nào cũng rất nhiều lỗi.

Có lẽ chỉ còn một vài nhà, lớn như nhà Kim Lai, nhỏ như nhà Cảo Thơm, là giữ được nghệ thuật in thời trước. Cuốn *Truyện con người* của Phan Du, nhà Cảo Thơm trình bày vừa giản dị vừa nhã đáng gọi là hiếm thấy thời này về phương diện ấn loát.

Giá vốn tăng lên trên gấp ba mà giá bán thường chỉ hơn gấp hai giá 1963 - một tập truyện 200 trang giá trung bình bây giờ là 120đ - nên nhà xuất bản và cả tác giả phải chịu thiệt nhiều.

Điểm khó khăn thứ ba là việc phát hành mỗi ngày mỗi thu hẹp lại. Gần như chỉ còn mỗi nhà Sống Mới là đáng mang tên nhà phát hành, nhưng nghe nói lúc này kho cũng ngập sách rồi, hoạt động có giảm. Còn những nhà khác thì đợi độc giả hỏi mua mới lấy của nhà xuất bản năm mười cuốn về bán. Nhiều khi độc giả hỏi mua mà họ cũng chẳng buồn lấy về bán nữa. Ông V. Ph. kể chuyện một lần ông gởi lầm 20 cuốn ông mới in cho một nhà sách nọ ở Trung. Chỉ một hai hôm, bán hết mà nhà sách không lấy thêm; hỏi tại sao, người ta đáp: *Bán đồ Mỹ có lời hơn và mau hơn.*

Theo lẽ thì sách bao giờ cũng đi tìm độc giả, độc giả ít khi tìm sách. Ở nước mình, lúc này trái lại, độc giả phải đi tìm sách, có khi đòi hỏi ba bốn

lần mà cũng không có. Không tháng nào tôi không nhận được thư độc giả ở Trung hỏi tôi tại sao không thấy bán những cuốn này cuốn nọ. Một số nhà xuất bản đứng đắn do các nhà văn chủ trương đã nghĩ đến chuyện liên hiệp nhau để lo việc phát hành, nhưng việc gì thì cũng phải đợi tiếng súng im rồi mới có thể tính được. Hết chiến tranh nếu kinh tế không khủng hoảng mà giáo dục phát triển mạnh thì ngành xuất bản tất sẽ phát đạt gấp hai bây giờ. Lúc đó sự phát hành sẽ phải tổ chức đàng hoàng, cần phải rút kinh nghiệm của các nước tân tiến.

Nước mình đã có ai đi du học hoặc tu nghiệp Âu Mỹ nghiên cứu về vấn đề đó chưa?

Hiện nay tình hình sản xuất tuy khả quan mà sức tiêu thụ sách có phần bi đát. Mấy tháng nay nhà xuất bản nào cũng kêu rằng số sách bán được sút hẳn đi, chỉ bằng nửa hoặc hai phần ba hồi cuối năm ngoái; mà báo ra định kỳ và tạp chí thì cũng vậy. Những báo đã ra lâu năm: *Bách Khoa, Văn*... gắng gượng để cố duy trì được tháng nào hay tháng nấy, còn những tờ khác thì ra được một số lại nghỉ vài số.

Nguyên do ở đâu? Tại đời sống đắt đỏ, đồng tiền khó kiếm, mãi lực của độc giả kém? Đại đa số độc giả thuộc gia đình quân nhân, công chức, sinh viên.

Mười nhà thì chín nhà lương không đủ tiêu, mấy tháng nay ngong ngóng tăng lương, lương chưa tăng thì vật giá đã tăng lên quá cái mức lương sẽ tăng. Như vậy, lo ăn chưa xong, tiền đâu mà mua sách, mua báo.

Có người đưa ra nguyên nhân này nữa: sự sản xuất quá dư (mấy năm nay, nhà báo, nhà xuất bản mỗi ngày mỗi mọc thêm), nên có sự khủng hoảng về ngành xuất bản. Các nhà kinh tế học thời trước bảo sản xuất quá tự do, không có kế hoạch thì cứ khoảng mười năm lại có một cuộc khủng hoảng kinh tế, chẳng hạn, năm 1918, thế chiến thứ nhất chấm dứt, 11, 12 năm sau (1929, 1930), có cuộc khủng hoảng kinh tế mà hiện nay các người già còn nhớ. Sau thế chiến thứ nhì, nhờ các cường quốc có kế hoạch sản xuất, lại biết hợp tác với nhau (Liên hiệp quốc có cơ quan giúp đỡ các nước gặp khó khăn về tài chánh: chẳng hạn giúp Anh, giúp Pháp những khi đồng bảng, đồng quan bị phá giá) nên nhân loại tránh được các cuộc đại khủng hoảng kinh tế. Ở nước ta, ngành xuất bản cũng như mọi ngành khác, không có kế hoạch, sản xuất ồ ạt, cho nên năm 1958-59, đã bị một lần khủng hoảng (tính ra là hết một chu kỳ mười năm: 1948-1958); tới nay lại được mười năm nữa (1959-1969), phải chịu một cuộc khủng hoảng nữa.

Phải đợi từ nay tới cuối năm mới biết thuyết đó

có đúng không. Nếu sau khi lương quân nhân, công chức tăng lên rồi, số sách báo tiêu thụ cũng tăng lên theo thì chúng ta có thể yên tâm; nếu không thì ngành xuất bản sẽ phải ngưng trệ trong vài ba năm như lần trước: số sách xuất bản sẽ giảm đi, số bản thảo trong tủ mỗi nhà cầm bút sẽ chất cao thêm, mà bọn Hoa kiều Chợ Lớn lại được dịp làm giàu nhờ sách bán xon. Và lúc đó chúng ta sẽ rút được một bài học chắc chắn cho tương lai.

Sài gòn ngày 15.8.1969

VẤN ĐỀ KIỂM DUYỆT

Dù là dưới chế độ quân chủ hay dân chủ, bất kỳ ở đâu và thời nào cũng có một lằn ranh rõ rệt giữa hai giới: giới cai trị người và giới bị người cai trị.

Xưa giới cai trị tự cho là cha mẹ dân, cho dân cái gì thì dân được cái nấy, dân chẳng có chút quyền gì cả mà chỉ có bổn phận, nếu chẳng may gặp cảnh "hà chính mãnh ư hổ" thì chỉ có cách trốn vào rừng cày ruộng lấy mà ăn, đào giếng lấy mà uống, hoặc nổi loạn. Nhà cầm quyền ngồi vòi vọi ở trên, dân quỳ mọp ở dưới, phân cách nhau thành hai từng.

Nay giới cầm quyền do dân bầu ra, dân có quyền đòi hỏi và tranh đấu, sự phân cách theo chiều dọc giảm đi nhiều, nhưng lại có sự phân cách theo chiều ngang: chính quyền và nhân dân thành hai giới đối địch nhau. Sự mâu thuẫn có từ trong bản thể: một bên là cai trị, một bên là bị cai trị. Đương ở bên bị cai trị mà bước qua lằn ranh, sang bên cai trị thì tự nhiên và đột nhiên người ta thành một con người khác.

Léon Blum đã nói rất đúng: "Khi người ta thành một nhà cầm quyền thì sự nhận định của người ta thay đổi hẳn."

Ông X. X trong "Bài học Moutet" (*Đuốc nhà nam* ngày 19.6.69) đã nhắc lại chuyện Marius Moutet qua quan sát tình hình Việt Nam cuối năm 1946 để chứng minh điều đó. Moutet là một lãnh tụ của đảng Xã hội Pháp. Vậy mà khi làm bộ trưởng *Pháp quốc Hải ngoại*, thì chỉ có cái tác phong bộ trưởng chứ không còn cái tác phong xã hội, cũng chủ trương như tên thực dân khát máu D' Argenlieu: diệt kháng chiến Việt Nam. Rồi ông X. X [1] kết luận:

"Té ra Marius Moutet cũng nói ra những lời không khác gì mấy ông thực dân khác. Một là ông bị họ (tức bọn thực dân) đầu độc. Hai là ông đã thay đổi lập trường. Ba là địa vị trong chánh quyền đã bắt buộc ông phải từ bỏ lập trường xã hội. Nhưng nghĩ lại thì cũng không nên trách ông. Vì chẳng những đảng xã hội, ngay đảng Cộng sản Pháp đã từng tham chánh mà vẫn không ngăn cản được chánh sách dùng sức mạnh ở Việt Nam."

Vâng, không nên trách Moutet. Nhà cầm quyền nước nào cũng vậy.

---

(1) XX: một bút hiệu khác của nhà văn Thiếu Sơn (1908 - 1978) (BT).

Khi Ngô Đình Diệm lên cầm quyền, tôi đã mừng rằng chính phủ thực dân không còn, chiến tranh cũng đã ngưng, thì cái việc kiểm duyệt nếu chưa bãi bỏ hẳn được, chắc cũng không còn khắt khe như trước.

Nhưng ngược hẳn lại: người ta đã chẳng cởi ra mà mỗi ngày mỗi thắt chặt hơn. Cái thời mà chế độ họ Ngô rung rinh cũng chính là thời bộ thông tin thắt thêm một vòng rất gắt: giấy phép kiểm duyệt chỉ có giá trị trong ba tháng, quá hạn phải xin triển hạn.

Sau cuộc "cách mạng" 1.11.1963, bộ Thông tin bị dân chúng đập phá sơ sơ để cảnh báo, tôi lại hí hửng tưởng đã "cách mạng" rồi thì tất sẽ "cách" luôn cái việc kiểm duyệt, nhưng tôi cũng lại thất vọng: người ta chỉ "cách cái mạng" của ba anh em nhà Ngô thôi, còn chính sách kiểm duyệt cởi được mấy tháng rồi thắt lại như cũ; vậy là họ Ngô không đáng sống nhưng đường lối của họ Ngô vẫn đáng theo. Cho nên một nhà báo Pháp đã bảo: "*Chính sách cách mạng là chính sách Diệm mà không có Diệm*" (C'est du diemisme sans Diệm).

Trong mười mấy năm nay, trải bốn năm triều, tôi hân hạnh được quen bốn năm ông lãnh những trách nhiệm quan trọng ở bộ Thông tin. Khi chưa nắm quyền các vị đó đều đã viết lách ít nhiều và vị nào cũng có những tư tưởng tự do, chống chế độ kiểm duyệt;

nhưng có quyền trong tay rồi, chỉ trừ mỗi một vị, còn bao nhiêu đều cứ "tuồng cũ diễn lại". Một vị khi "ở ngoài" đã tính dịch truyện *Bất phân thắng bại* của Steinbeck mà khi "vô" rồi, lại "bác" truyện ngắn *Một cuộc ráp* cũng của Steinbeck, nội dung so với *Bất phân thắng bại* còn ôn hòa hơn nhiều.

Và tôi rút được những kinh nghiệm này:

- Các thời đó cơ quan kiểm duyệt đối với nhà báo nhà văn nhiều khi có vẻ như các thầy cảnh sát đối với bọn trộm cướp, một đằng cố rình, một đằng thì tìm cách lẩn. Một vị giám đốc nào đó đã chẳng có lần tự hào mà tuyên bố rằng lật tẩy được các mánh khóe tránh đòn kiểm duyệt của các nhà báo đấy ư?

- Tình hình càng đen tối, chính quyền càng lung lay thì càng gắt gao trong việc kiểm duyệt.

- Một người dù có thành tâm thiện chí tới mấy, khi cầm quyền rồi cũng tự nhiên thay đổi hẳn lập trường; ta đừng ngây thơ mà nhắc tới chủ trương cùng lời hứa của họ trước kia, họ chỉ thêm bực mình mà còn thắt chặt hơn nữa chứ chẳng cởi mở cho đâu.

- Một người cầm bút muốn khỏi tự phản bội mình, thì đừng nên bước vào chính quyền, vì vô rồi, chỉ hôm trước hôm sau mặt của mình sẽ thay đổi hẳn, chính

mình cũng không nhận ra được mình nữa.

Dĩ nhiên, tôi nói đó là nói chung, bao giờ cũng có biệt lệ, nhưng biệt lệ bao giờ cũng rất hiếm.

Từ khi "Đệ nhị Cộng hòa" thành lập, rồi Tân hiến pháp được công bố, tôi lại có chút hi vọng. Thế nào chẳng có thay đổi, không nhiều thì ít? Hai viện Thượng và Hạ, đều có Ủy ban văn hóa, vấn đề kiểm duyệt tất phải đem ra bàn. Và tôi kiên nhẫn đợi.

Lần này, không đến nỗi thất vọng hẳn. Ít nhất cũng đã bãi bỏ sự kiểm duyệt báo hằng ngày. Trên báo thỉnh thoảng còn những đoạn bỏ trắng, làm cho tôi hơi thắc mắc ở điểm, sao nhà báo không tự kiểm duyệt trước khi sắp chữ, để đổ chì, lên khuôn rồi mới đục. Nhưng dù sao, như vậy cũng là chính quyền và nhân dân đã hiểu nhau, biết hợp tác với nhau, một bên khỏi phải đóng cái vai cố rình, một bên khỏi phải tìm cách tránh né. Những tờ báo nào không biết tự kiểm duyệt mà có bị tạm ngưng và đưa ra tòa thì đã có công lý. Và nếu áp dụng luật lệ thì rồi đây, nhà báo nào thắng kiện sẽ được chính phủ bồi thường. Thực là công bằng. Trách nhiệm cuối cùng về bộ tư pháp chứ không về bộ thông tin nữa. Có tự do ngôn luận tới mức nào, sẽ tùy thuộc các vị thẩm phán.

Nhưng về sách thì tới nay vẫn chưa có gì thay đổi cả.

Gần Tết năm ngoái, trong một cuộc tiếp tân văn hóa tại dinh Độc Lập, một số nhà văn ngỏ ý xin bãi bỏ kiểm duyệt. Tổng thống tuy không hứa bao giờ sẽ bãi bỏ, nhưng chấp nhận nguyên tắc.

Nắm lấy cơ hội đó, khoảng hai mươi ngày sau, ngày 5.3.69, một trăm nhà văn ở Sài gòn cùng ký một kiến nghị yêu cầu chính phủ bãi bỏ chế độ kiểm duyệt về ngành xuất bản. Chưa bao giờ các nhà văn đoàn kết với nhau được như vậy, quyết định và hành động mau lẹ như vậy. Đó là hạn chế ở số 100, chứ nếu muốn có 200, 300 chữ ký thì cũng dễ. Vì từ mấy chục năm nay nhà văn nào mà chẳng mỏi mắt trông chờ cái ngày bãi bỏ kiểm duyệt.

Kiến nghị gởi đi tới nay đã sáu tháng, không thấy hồi âm mà lại gây nên một vụ sôi nổi, vụ nhà văn V. P bị lột chức chánh sự vụ, vì đã dám ký tên trong kiến nghị. Ở nước ta, thời này, không việc gì quyết định mau được, ai cũng hiểu vậy nên sáu tháng chưa phải là lâu mà tám tháng thì cũng chưa trễ. Nhưng tôi nghe nói hình như Quốc hội có đem vấn đề đó ra hỏi Bộ thông tin, Bộ có trình cả một hồ sơ thu thập những câu văn bóng gió, mỉa mai nào đó để Quốc hội thấy không thể bãi bỏ kiểm duyệt được và Quốc hội đã "thông qua".

Nếu lời ông bạn tôi nói đó mà đúng thì Quốc hội

đã dễ bị thuyết phục quá. Bảo rằng vì có những người viết như vậy như vậy nên phải kiểm duyệt, thì sao không nghĩ rằng vì còn kiểm duyệt nên những người đó phải viết như vậy như vậy? Đâu là nhân, đâu là quả? Ai mà biết chắc? Tôi tin rằng chế độ kiểm duyệt khắt khe là nhân mà lối viết như vậy là quả. Bằng cớ là từ khi bài bỏ sự kiểm duyệt báo hằng ngày, những giọng như vậy trên nhiều tờ đã bớt đi nhiều lắm, mặc dầu ngôn luận vẫn còn bị giới hạn.

Vả lại đã bãi bỏ sự kiểm duyệt báo thì tại sao lại không bãi bỏ sự kiểm duyệt sách? Sách phổ biến mạnh và mau hơn báo ư? Sách nguy hại hơn báo ư? Cơ hồ như trái lại mới phải chứ? Hay là nhà văn không đủ tư cách hưởng tự do ngôn luận bằng ký giả? Nhà văn hãy còn ấu trĩ không tự lãnh trách nhiệm về tư tưởng của mình được, vẫn còn cần sự chỉ bảo của chính quyền? Lý do đó tôi không sao hiểu nổi.

Một ông bạn tôi bảo có lẽ tại nếu bãi bỏ thì tốn công cho sở kiểm duyệt: khi nạp bản, sở phải đọc gấp, mà sách nhiều hơn báo. Lý do này lại càng không vững. Chúng ta hiện nay có năm sáu chục tờ báo hằng ngày, cứ kể như mỗi tờ nhân viên kiểm duyệt chỉ cần đọc ba trang thôi, mà ba trang báo ít nhất cũng bằng hai chục trang sách; vậy là mỗi ngày phải đọc từ 1.000 đến 1.200 trang sách, tức 5, 6 cuốn sách trung bình

(200 trang). Mà số sách xuất bản mỗi năm nhiều lắm là ngàn cuốn, đại đa số chỉ cần coi nhan đề hoặc tên tác giả, là có thể cho giấy phép được rồi, chẳng cần phải đọc. Đọc làm quái gì những sách giáo khoa, những truyện trinh thám; mà những sách biên khảo mang tên Lê Ngọc Trụ, Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Đăng Thục... chẳng hạn thì tin chắc được rồi, những bản dịch tác phẩm của Sartre, Camus, Tolstoi, Maugham, Khrisnamurti, Goethe vân vân... cũng đọc làm chi cho mất công. Vậy thì trung bình mỗi ngày chỉ phải đọc một hay hai cuốn, đâu có nhiều hơn báo được. Lại thêm những sách tái bản nữa, tôi chắc chẳng một nhân viên kiểm duyệt nào mà đọc lại nếu tác giả không sửa chữa thêm bớt, vậy mà cũng mất công đánh máy rồi ký để cấp giấy phép.

Sau cùng, có nhiều tới mấy đi nữa thì tuyển thêm người và phân công chứ sao lại làm một việc ngược với hiến pháp như vậy?

Không, suy nghĩ kỹ tôi vẫn không thấy có lý do gì để duy trì chế độ kiểm duyệt sách, nhất là chế độ của họ Ngô để lại.

Tôi không hiểu tại sao ông cựu bộ trưởng Tôn Thất Thiện đã bãi bỏ sự kiểm duyệt báo chí mà không liếc mắt ngó qua mẫu giấy phép xuất bản sách. Y hệt

thời Ngô Đình Diệm, chỉ khác có cái tên "Sở kiểm duyệt" đổi làm "Sở phối hợp Nghệ thuật". Còn thì vẫn:

1. Giấy phép này chỉ có giá trị trong ba tháng.

2. Trong sách xuất bản, ở những nơi có chữ hay đoạn văn bị xóa bỏ, không được để khoảng trắng, hoặc in những vạch đen, dán giấy đè lên trên.

. . . . .

Thời thực dân Pháp, không có hai điều đó. Đó là sáng kiến của nhà Ngô, đúng hơn là của Trần Chánh Thành, bộ trưởng Thông tin của nhà Ngô.

Chính sách của nhà cầm quyền hoặc đường lối kiểm duyệt có thể thay đổi trong ba tháng sao? Từ hai năm nay vì thiếu thợ, một cuốn sách 200 trang, in thường phải sáu tháng mới xong, thành thử mười cuốn thì sáu, bảy cuốn phải xin triển hạn.

Rồi cái việc cấm để khoảng trắng không hiểu có lợi gì cho chính quyền không? Để cho người đọc sách khỏi đoán được ý tác giả trong những chỗ bỏ trắng đó ư? Có phép thần nào mà đoán được nếu nhân viên kiểm duyệt đã cắt một cách kỹ lưỡng? Hay là để cho độc giả không thấy dấu vết kiểm duyệt, mà tưởng rằng đã có sự "phối hợp" rất chặt chẽ về đường lối, về tinh thần giữa chính quyền và nhà văn?

Như vậy để làm gì kia chứ? Để gạt dân ư? Gạt được không?.

Trước sau gì thì chế độ kiểm duyệt xuất bản cũng phải bãi bỏ. Quốc hội này không can thiệp thì sẽ có Quốc hội sau. Càng bãi bỏ sớm càng có lợi cho chính quyền.

Vì chính quyền lúc này đã chuẩn bị gấp để tranh đấu về chính trị, tranh thủ nhân tâm với đối phương. Mà ai cũng biết rằng điểm nhân dân ngán nhất ở đối phương là chính sách bóp nghẹt tự do. Nay bãi bỏ kiểm duyệt, cho nhân dân quen hưởng tự do - một thứ tự do không tới mức phóng túng - thì nhân dân càng sát cánh với chính quyền chứ gì đâu? Cho nhà văn tập nhận lấy trách nhiệm thì họ càng phải thận trọng chứ có sao đâu? Có người nào không hiểu thì cứ thành thực ôn tồn giảng giải cho họ, một hai lần mà không sửa đổi thì đã có bộ Tư Pháp, có tòa án đấy. Chính quyền luôn luôn ở trong cái thế mạnh mà còn ngại nỗi gì?

Cần định rõ tiêu chuẩn kiểm duyệt *sau khi nạp bản:* cấm những điều nào, về mỗi điều, đưa ra một ít thí dụ cụ thể cho nhà văn nhận định được rõ ràng, chứ chỉ đưa ra những quy tắc tổng quát thì mơ hồ quá, chẳng những nhà văn không biết đâu mà tránh, và sẽ ngờ chính quyền là bủa lối quá rộng, mà ngay các nhân viên kiểm duyệt cũng không biết đâu mà làm việc, cứ xóa bỏ lung tung,

gây ra những trường hợp quái đản như tờ *Hòa Bình* đã nêu trong số 21.7.69:

Câu: "loài người ơi, đừng nhìn nhau với vẻ mặt hận thù", bôi bỏ hai chữ "hận thù".

Câu: "lửa bập bùng nung chí tự do" bôi bỏ bốn chữ "nung chí tự do".

Câu: "mong ước sao cho nhân loại hòa bình" bôi bỏ hai chữ "hòa bình".

Tới cái nông nỗi chỉ ước mong sinh được một đứa con da vàng mà người ta cũng bắt bôi bỏ hai chữ "da vàng" đi nữa.

Một ông bạn tôi có ý gom góp một số bài báo chương sách của các bạn văn xa gần bị ti kiểm duyệt bác từ 1954 đến nay để có dịp là in thành một tập *"Văn chương quốc cấm trong thời độc lập"*. Sẽ là một tập tài liệu quí chẳng những về lịch sử kiểm duyệt mà còn về lịch sử chính trị ở nước mình nữa. Người đời sau đọc chắc ngờ rằng chính mình sống ở thời đại Tần Thủy Hoàng.

Nếu định rõ tiêu chuẩn rồi mà trong hội đồng kiểm duyệt (sau khi nạp bản) lại có đại diện của giới nhà văn, nhà xuất bản và độc giả cùng xét với chính quyền mỗi khi muốn cấm phát hành một cuốn nào

những đại diện đó không do chính quyền đề cử và cứ vai năm lại thay đổi - thì tôi tưởng nhà văn nào cũng sẽ hài lòng mà hợp tác với chính quyền một cách thành thực - hợp tác không nhất định là không chống đối; nếu cần thì vẫn chống đối nhưng luôn luôn thành thực và có tinh thần xây dựng.

Dù là việc nhà việc hãng, việc sở hay việc nước, hễ người trên đứng đắn, thành tâm, tìm hiểu cấp dưới thì luôn luôn có tinh thần hợp tác với nhau được việc. Cái bổn phận mà cũng là vinh dự của người chỉ huy tỏ thiện chí trước.

Tóm lại là phải thay đổi hẳn tinh thần, đừng rình rập để bắt lỗi rồi cấm, rồi phạt như thực dân Pháp thời trước nữa mà đối thoại với nhau, giảng giải với nhau, thì nhẹ việc cho chính quyền rất nhiều, đỡ việc cho nhà xuất bản, mà lại tránh được những vụ chấn động như nhà văn V. P tờ báo Hòa Bình đã nêu lên mấy tháng trước.

Nhưng kiểm duyệt không phải chỉ nhắm mục đích phục vụ một chính sách có tính cách giai đoạn, mà cần phải phục vụ nhân dân nữa; tránh cái hại cho dân. Cấm lưu hành những sách khiêu dâm, mà cũng nên cấm luôn cả những sách của một bọn không có lương tâm viết bậy bạ để kiếm tiền. Mấy năm gần đây báo

chí đã vạch cái nạn sách giáo khoa và sách dịch đầy những lỗi không thể tha thứ được. Những sách đó in ra đã tốn ngoại tệ cho chính quyền (để mua giấy và mực) đem bán ra lại phí tiền cho những người lỡ mua phải. Rồi đây, hòa bình trở lại, từ chính quyền đến nhân dân đều phải hết sức tiết kiệm, để kiến thiết, những loại sách đó nhất định phải cấm. Muốn cấm mà khỏi mang tiếng là độc tài, người viết và người xuất bản không thể phàn nàn được thì trong hội đồng kiểm duyệt phải có đại diện của giới nhà văn, xuất bản và giới độc giả như trên tôi đã đề nghị. Dĩ nhiên những đại diện đó phải là người có uy tín do mỗi giới đề cử. Tôi tin rằng một hội đồng kiểm duyệt như vậy xuất hiện thì bao nhiêu loại sách nhảm nhí lỡ viết in rồi cũng phải xé bỏ, không dám đưa kiểm duyệt nữa, cũng như ánh sáng tới đâu thì bóng tối tan biến tới đó.

Sài Gòn ngày 5.7.1969
Nguyễn Hiến Lê

SAU MƯỜI TÁM NĂM TIẾP XÚC VỚI NGƯỜI MỸ VÀI SUY TƯ VỀ PHONG TRÀO VỀ NGUỒN

De Gaulle, nhất là tên thầy tu khát máu D'Argenlieu, là kẻ thù của dân tộc Việt Nam. Dân tộc họ vừa mới nhờ đồng minh mà ngóc đầu lên khỏi gót sắt của Đức thì họ đã cho quân đội viễn chinh núp sau lưng quân đội Anh, đổ bộ lên Nam Bộ mà giày xéo non sông chúng ta. Họ cũng có tội với dân tộc Pháp nữa: vì họ mà chín năm sau, Pháp phải nuốt cái nhục Điện Biên Phủ, để Mỹ hất cẳng ra khỏi bán đảo Đông Dương, mà ảnh hưởng của Pháp tại đây tiêu tan gần hết.

Tháng 5/1956, ngày tên lính cuối cùng của Pháp xuống tàu ở bến Nhà Rồng, báo chí Sài gòn chỉ đăng tin vắn tắt có mấy hàng mà đại đa số độc giả cũng không buồn đọc. Sau non một thế kỷ "khai hóa" như họ nói, trong số ba mươi mấy triệu dân Việt Nam, có được bao nhiêu người nhớ tiếc họ, tiễn đưa họ? Ngay những công chức được họ ưu đãi rất mực, mà lúc đó cũng quay mặt đi, hướng về người Mỹ.

Tôi nhớ một chiều thu năm đó, một ông bạn tôi, nhân viên quan trọng trong một bộ nọ, bảo tôi:

- Chúng mình phải ủng hộ ông Diệm chứ không có giải pháp nào khác. Ông là người của Mỹ, Mỹ đưa ông ta về, mà Mỹ thay Pháp ở đây. Dù sao, tôi nghĩ Mỹ cũng còn hơn Pháp. Trong một thế kỷ nay, Mỹ không có tai tiếng gì ở Đông Á: xâu xé Trung Hoa, xâm chiếm Đông Dương, Miến Điện là Anh, Pháp, Đức, Nhật chứ không phải Mỹ. Mỹ lại có truyền thống dân chủ. Mỹ lại giàu và mạnh nhất thế giới, chắc "dễ chịu" hơn Pháp. Họ đã bỏ ra bao nhiêu triệu Mỹ kim giúp vào việc định cư 800.000 đồng bào Bắc Việt di cư.

Có thể nói đa số dân thành thị hồi đó, có ít nhiều cảm tình với người Mỹ, như ông bạn tôi. Thật ra, thiện cảm đã giảm nhiều so với năm 1945, vì trong chiến tranh Pháp - Việt càng về sau, Mỹ càng lộ vẻ ủng hộ Pháp, nhưng cả những người hận Mỹ ở điểm đó cũng chưa hẳn có ác cảm, mà có thái độ chờ xem, và tò mò tìm hiểu người Mỹ, văn hóa Mỹ.

Rất nhiều người hăng hái học tiếng Anh, đọc những tác phẩm Mỹ dịch ra tiếng Việt: khảo luận về nền dân chủ của Mỹ, văn học Mỹ, lịch sử Mỹ, tiểu sử các danh nhân Mỹ: Lincoln, Roosevelt, Franklin, Thomas Paine, Jefferson..., tiểu thuyết của Hemingway, Steinbeck, Caldwell...

Trước sau được độ dăm chục bản, dịch kém, in xấu, nhưng không sai, đọc cũng được mà rất rẻ. Phong trào đó tương đối thịnh được độ bốn năm năm, rồi thì suy, một phần vì số người biết tiếng Anh, đọc được trong nguyên tác tăng lên, một phần vì có lẽ chẳng có gì đáng dịch nữa.

Nhưng muốn hiểu một nền văn minh thì phải khảo sát xã hội do văn minh đó tạo nên, phải nhìn thấy lối sống, cách xử sự suy nghĩ của đại chúng, cách họ kiếm tiền, tiêu khiển, bầu cử tổng thống, dạy dỗ con cái... Chứ chỉ đọc những tác phẩm văn học, triết học, nghệ thuật... của họ chưa đủ.

Và do tiếp xúc với người Mỹ, chúng ta được biết thêm một khía cạnh sinh động của văn minh Mỹ ngay trên đất nước chúng ta. Từ năm 1960, 61, loại phim cao bồi, nhạc jazz, và các tạp chí khiêu dâm loại *Play boy*, ồ ạt xâm nhập Sài gòn, nhất là từ khi lính Mỹ qua, mới đầu không đầy trăm ngàn, lần lần tăng lên tới trên nửa triệu. Lính Mỹ qua, dân tộc ta mới tiếp xúc thẳng với người Mỹ, mới thấy rõ được cái mặt trái của văn minh Mỹ, xã hội Mỹ và chịu ảnh hưởng tai hại của văn minh đó. Ngay từ đầu năm 1966, trong một cuộc phỏng vấn, tôi đã nói với nhà văn Nguyễn Ngu Í "... Tôi chỉ xét về phương diện xã hội thì người Mỹ càng ở đây lâu càng có ảnh hưởng xấu. Có trải

qua cái thời này mới hiểu thấu được tâm sự các bậc tiền nhân như "Yên Đỗ", Khi in cuốn *Sống và Viết* (của Nguiễn Nguy Í - Ngèi Xanh - 1966) đoạn đó bị kiểm duyệt.

Hồi đó tôi đã thấy vậy, nhưng không ngờ được ảnh hưởng của Mỹ ghê gớm như ngày nay.

Họ đã tiêu hai trăm tỉ Mĩ kim, hi sinh năm chục ngàn thanh niên, trút hằng chục triệu tấn bom, làm cho non triệu người mình bị giết, hằng vạn hằng ức mẫu vườn, ruộng, hằng ngàn làng mạc bị tàn phá, gây biết bao cảnh tang tóc, mấy trăm ngàn phế binh, cô nhi, quả phụ, mà rốt cuộc, non mười năm rồi, vẫn không giải quyết nổi chiến tranh này. Cùng quá, họ phải dựng đứng lên vụ tàu Maddox để có cớ dội bom xuống miền Bắc, tưởng lần này nhất định sẽ thành công, nhưng sáu tháng sau, họ phải đơn phương xuống thang, nghĩa là tự thú thất bại, mà tìm cách thương thuyết. Thương thuyết mấy năm không xong, bây giờ một mặt họ lo vuốt ve Trung Quốc - mới mấy năm trước là kẻ thù số 1 của họ - hi vọng tìm một giải pháp cho Đông Dương; một mặt họ cấp tốc Việt hóa chiến tranh, để rút lui. Họ, hai trăm triệu người, một dân tộc hùng cường nhất thế giới, trút cả cái gánh nặng bảo vệ "tiền đồn của thế giới tự do" như họ nói, bảo vệ "tân biên cương của họ" như họ chủ trương,

lên vai mười bảy triệu dân Việt Nam, mà lại tính cắt hết viện trợ kinh tế nữa, như vậy có khác gì họ chạy làng, đánh trống bỏ dùi không? Lương tâm của họ ở đâu nhỉ? Thể diện của họ ở đâu nhỉ?

Lính của họ xả súng vào trẻ em, liệng đá vào xe qua đường mà cười hô hố, cán người rồi dông, mua quịt, dâm loạn, nghiện bạch phiến, ăn cắp đồ để bán chợ đen... Có hơn gì lính của Lữ Hán không?

Họ tự do ở đâu mà bắn chết mấy sinh viên phản chiến trong một đại học nọ của họ?

Họ bình đẳng ở đâu mà hai chục triệu công dân da đen của họ bị kỳ thị tới nỗi phải nổi loạn, muốn lập một tiểu bang da đen tự trị, có kẻ còn muốn trở về Phi châu?

Họ dân chủ ở đâu, mà từ Nam Mỹ tới Á châu, nơi nào họ cũng triệt để ủng hộ những "người hùng" độc tài, chỉ hùng ở điểm đàn áp dân chúng bằng những khí giới hóa học rất tiến bộ của họ? Và ngay ở nước họ nữa, dân có làm chủ không hay là bọn tài phiệt làm chủ? Trong mấy chục năm nay, có tổng thống Mỹ nào mà không nuốt lời hứa với dân không? Trường hợp điển hình là cựu tổng thống Johnson bị Bác sĩ Spock mạt sát là mới cầm quyền đã leo thang chiến tranh, trái với lời tuyên bố trong khi ứng cử. Bác sĩ Spock do đó mà bị nhốt khám.

Họ nhân đạo ở đâu khi chỉ trọng tuổi trẻ còn người già thì cho là hạng bỏ đi, khiến Simone de Beauvoir trong cuốn *La vieillesse* và cả Pearl Buck trong cuốn *The two wolds* đều phải chê cả Âu lẫn Mỹ là dã man đối với người già.

Ai cũng phải nhận khoa học của họ tiến bộ nhất thế giới, kỹ thuật của họ đã đưa họ lên được cung trăng, nhưng kỹ thuật chưa phải là văn minh, mới chỉ là một yếu tố của văn minh, còn phải xét xem người ta dùng kỹ thuật để cải thiện xã hội cùng lối sống ra sao rồi mới quyết định là có văn minh hay không. Xã hội Mỹ xét chung, về vài phương diện, tiến bộ hơn xã hội phương Đông nhiều: lợi tức trung bình của mỗi đầu người gấp trăm lợi tức của chúng ta, họ ăn uống no đủ hơn, có nhiều tiện nghi hơn (xe hơi, tủ lạnh, máy điều hòa không khí, máy thâu hình...), ít bệnh tật hơn, sống lâu hơn, thanh niên đi học nhiều hơn, lâu hơn... Đó là mặt phải của tiến bộ kỹ thuật. Nhưng cũng phải kể thêm mặt trái nữa. Chưa có thể gọi là văn minh được khi những sách, báo khiêu dâm bán đầy đường; khi ngay trong thành phố New York có những khu mà đêm tối người lạ lỡ lạc vô thì ớn xương sống vì cái nạn *gangster* [1]; khi mà bọn tài phiệt muốn ám sát ai

(1) Theo tin trên báo 23-4-69, Mĩ đảng có MAFIA gồm 5.000 đảng viên và 24 chi nhánh chuyên cướp phá giết chóc.

cũng được, từ tổng thống trở xuống; khi mà việc bài trừ bạch phiến làm xao động cả lưỡng viện; khi mà chính quyền chỉ dùng vũ lực, khí giới hóa học và tiền bạc để thao túng các nước nhỏ, chỉ viện trợ những đồ thặng dư, làm cho bọn tay sai đã giàu lại giàu thêm, dân chúng bản xứ đã nghèo lại nghèo thêm, và tới đâu là gây cái nạn trụy lạc, tham nhũng, độc tài, gây chia rẽ, căm thù, chiến tranh, tàn phá tới đó. Mỹ, Nga, Anh, Pháp... tất cả các nước văn minh đều như vậy hết, toàn là thứ rợ Mông Cổ tân thời.

Nhà kinh tế học Pháp Fourastié rất lạc quan, tin rằng sự tiến bộ kỹ thuật sẽ lần lần vào giữa hay cuối thế kỷ sau, giúp nhân loại trừ được những cái tệ đó. Chắc không? Bản tính con người trong non hai trăm năm nay, từ khi có cách mạng kỹ thuật đã thay đổi được nhiều không, để cho ta tin rằng trong một trăm năm nữa sẽ thay đổi hẳn được? Hay là trừ được cái tệ này lại phát sinh cái tệ khác? Mà giả sử có trừ được thì không phải chỉ nhờ kỹ thuật - kỹ thuật và khoa học chỉ là một dụng cụ - còn phải nhờ một triết lý, một nhân sinh quan thấm nhuần mọi giới người, nhất là giới chỉ huy, một nhân sinh quan nhân bản, bao dung, hợp tác, chứ không phải thứ nhân sinh quan "cạnh tranh, chém giết nhau để sinh tồn" như của người phương Tây.

Nhân sinh quan đó là nhân sinh quan cố hữu của phương Đông, của Thích Ca, của Khổng Tử, Lão Tử, của Kitô (Kitô cũng sinh ở phương Đông). Cho nên chúng ta không lấy làm lạ rằng từ sau thế chiến, một số học giả phương Tây trở lại nghiên cứu văn minh phương Đông; và ở nước ta những tai họa - nhất là về xã hội - do người Mỹ gieo rắc càng tăng lên thì cái xu hướng "trở về nguồn" càng mạnh lên trong một số trí thức, cơ hồ hợp với tâm trạng của đa số dân chúng.

Tôi nhớ năm 1965 hay 1966, khi một số người bắt đầu chỉ trích chính sách của Mỹ ở Việt Nam, một ký giả có tiếng tăm trên một nhật báo nọ mắng họ là cái gì cũng nhờ cậy Mỹ, từ súng đạn, xăng nhớt, tới bơ, sữa... mà lại vong ân, chửi Mỹ. Lời đó không khác gì lời một tên bồi Tây năm 1945, khi Pháp bị Nhật lật, bị người Việt hành hung - sơ sơ thôi - bảo: "Cơm của Tây còn dính trong kẽ răng mà đã vội phản Tây." Nhưng ngày nay, có tờ nhật báo nào là không mạt sát Mỹ, nhiều khi thậm tệ nữa, mà chẳng thấy ai lên tiếng bênh vực Mỹ cả. Tại Mỹ hay tại ta?

Mấy năm trước, tác phẩm của Krisnamurti được hai ba nhà xuất bản tranh nhau dịch, hiện nay ba nhà đua nhau in sách về thiền là vì vậy. Sách của Toan Ánh trước thế chiến và mươi năm đầu sau thế chiến ít người đọc, lúc đó in liên tiếp và bán khá chạy là

vì vậy. Ngay đến bộ Giáo dục cũng lập thêm những chứng chỉ Văn minh Việt Nam, mời các ông Lê Văn Siêu, Toan Ánh... đảm nhiệm, cũng vì vậy. Cũng vì vậy mà giáo sư Kim Định xuất bản được trên mười cuốn về triết Đông, về Khổng học, được nhiều sinh viên tin tưởng. Sự phản ứng đó rất tự nhiên; trong lịch sử nhân loại, mỗi biến chuyển lớn lao bất kỳ về triết học, văn học, kỹ thuật, tổ chức xã hội... luôn luôn đều gây phản ứng, mà phản ứng thường là quá khích. Cho nên chúng ta nếu khó chấp nhận được thì cũng thành thực, nghiêm trang, chứ không đem văn hóa ra làm một trò hề như nhóm họ Lạc dưới sự bảo trợ của ông Mai Thọ Truyền.

Tôi chưa thấy một người có Tây học nào, nhất là theo Kitô giáo, mà say mê Khổng học, hơn cả các môn đệ chính thống của Khổng nữa, như giáo sư Kim Định. Trong non ngàn năm lịch sử Khổng giáo ở Việt Nam, đã có ai đào sâu *tứ thư ngũ kinh*, đưa ra những ý kiến rất táo bạo và mới mẻ như ông? Cách ông giải thích một số huyền thoại của Trung Hoa, một số tư tưởng của Khổng học, không thể thuyết phục mọi người được, nhưng chính ông cũng nhận rằng chỉ là những giả thuyết, vậy thì chúng ta cũng chỉ nên coi là những giả thuyết, không nên coi ông là một nhà khảo cứu - ông đã từ chối danh hiệu này - mà cũng không nên

gọi ông là một nhà phù thủy tập sự. Chúng ta vẫn thường thấy những người đem "một ánh sáng mới" chiếu vào những học thuyết cũ, điều đó có gì lạ đâu? Có người còn đem học thuyết Karl Marx, cả học thuyết hiện sinh nữa giọi vào truyện Kiều, học thuyết Freud giọi vào thơ Hồ Xuân Hương, đã có sao đâu? Chẳng ai hưởng ứng thì họ cũng phải cụt hứng. Mà biết đâu những lối nhìn mới mẻ đó mười phần chẳng đúng được một?

Và nếu có vị nào say mê cổ học tới nỗi cho rằng khoa học ngày nay không phát kiến được cái gì mới hơn cổ nhân thì cái lỗi của họ cũng chỉ như lỗi của những người tin rằng khoa học sẽ giải thích được mọi bí mật, giải quyết được mọi việc. Phe nào mà chẳng có hạng người cực đoan?

Trong lịch sử nhân loại, phe cựu không bao giờ thắng được phe tân, nhiều lắm là ngăn cản được một thời gian ngắn. Nhưng sự phản ứng của phe cựu không phải là hoàn toàn vô ích, nếu chúng ta biết sáng suốt nhận định. Ít nhất nó cũng giúp ta thận trọng đừng nhắm mắt tiến càn mà vấp té; tiến mà đừng đoạn tuyệt với dĩ vãng, vì tương lai luôn luôn tùy thuộc hiện tại, hiện tại lại tùy thuộc dĩ vãng, không bao giờ có sự gián đoạn cả. Riêng ở nước ta lúc này, phong trào "về nguồn" chẳng những có cái lợi giúp cho thanh niên biết được nếp sống, tư tưởng, xã hội của tổ tiên - những điều mà ở Trung học người ta

không dạy - tin tưởng ở sinh lực của nòi giống hơn, có tinh thần tự cường hơn, bất vọng ngoại.

Huống hồ, phong trào đó, theo tôi xét, không có hại gì cả. Những nhà chủ trương "về nguồn", không có ai kém sáng suốt tới nỗi mạt sát khoa học và kỹ thuật, chúng như con dao sắt, vật vô tư; họ mạt sát là mạt sát những kẻ dùng con dao sắt đó để gây tai họa cho Việt Nam, và nhân loại. Họ vẫn quý cái bề mặt của văn minh cơ giới, nhưng không phải vì vậy mà không thấy bề trái của nó. Và tôi cũng chưa thấy một thanh niên nào đọc những tác phẩm "về nguồn", mà sinh ra khinh miệt kỹ thuật, không tin ở khoa học nữa. Không nên bi đát hóa vấn đề làm gì. Cần bình tĩnh, sáng suốt mà nhận định.

*

Về phong trào "về nguồn", tôi có hai nhận định dưới đây.

Trước hết là danh từ đó không biết xuất phát từ thời nào, dùng không được đúng, gây sự hiểu làm nên mới bị phản đối. Chúng ta không ai muốn lội ngược dòng mà trở về nguồn cả, vì ai cũng biết rằng việc đó không thể được. Từ văn minh nông nghiệp chúng ta đương chuyển qua văn minh cơ giới, thì không thể nào trở lùi về văn

minh nông nghiệp được. Ngay những nhà nông ở trong Đồng Tháp Mười bây giờ cũng muốn cơ giới hóa canh nông, dùng cày máy, phân hóa học, máy đuôi tôm, máy bơm... Không một người Việt nào không mong quốc gia phát triển kỹ nghệ cho mau. Những người có nhiệt tâm chỉ muốn thoát ly được cái ảnh hưởng tai hại của ngoại nhân, rồi tổ chức lại xã hội ra sao, khéo sử dụng khoa học và kỹ thuật ra sao để tránh được càng nhiều càng tốt những lỗi lầm của phương Tây, lỗi lầm đó theo tôi ở điểm hoặc tự do quá mức tới thác loạn như khối tư bản, hoặc chỉ huy quá mức, tới nỗi cá nhân chỉ còn là một con số không như khối xã hội, và ở điểm này chung cả cho hai khối: quá tôn trọng vũ lực, gây những cuộc chém giết, căm thù, thiếu nhân từ, bao dung.

Vậy, danh từ "về nguồn" có lẽ nên đổi chẳng hạn là "ôn cố" thì có phần đúng hơn, và bớt bị phản đối.

Đó là nhận định thứ nhất. Nhận định thứ nhì là các vị chủ trương "về nguồn" từ trước tới nay mới đề cao những nét đẹp cố hữu của chúng ta, mà chưa đặt vấn đề có thể dung hòa cũ và mới được không, dung hòa cách nào, những cái gì cũ nên giữ, làm sao giữ được.

Số người nghi ngờ phong trào "về nguồn", có lẽ không ít, nhưng tôi chỉ mới thấy có vài người đưa ý kiến trên báo, và bài khiến tôi chú ý tới nhất của một vị tôi

quên tên, hình như đăng trên tờ *Dân chủ mới*, cách đây vài tháng. Bài đó chẳng có ý gì mới mẻ, nhưng tác giả đã có một thái độ dứt khoát, đại ý là đã theo mới thì phải theo cho tới cùng, mới mau kịp được người, chứ nếu lưng chừng, dung hòa thì chẳng nên cái gì cả, mà thời này không tiến tức là lùi.

Lời đó khiến tôi nhớ lại một cuộc tranh luận sôi nổi ở Trung Hoa khoảng bốn chục năm trước.

Hồi đó Trung Hoa chia làm hai phe mà họ gọi là phe "bình cũ rượu mới" và phe "bình mới rượu mới". Họ tranh luận cả năm trời, trên không biết bao nhiêu tờ báo, trong mấy ngàn bài xã thuyết. Một nhà xuất bản lựa những bài xuất sắc nhất, in thành một cuốn dày cả ngàn trang, mà tôi đọc trên ba chục năm trước, quên mất nhan đề rồi. Thú thực hồi đó đọc xong tôi chỉ thêm hoang mang, vì phe nào cũng có lý cả, nhưng cũng nhận thấy rằng phe mới, tức phe Âu hóa triệt để mạnh thế hơn. Dĩ nhiên những cuộc tranh luận như vậy chẳng giải quyết được gì, phe nào cũng giữ ý kiến của mình, không bình tâm xét ý kiến của đối phương, chỉ tìm cách đả nhau thôi; mà người đọc thì cũng vậy, chỉ chú ý tới những bài hợp với ý mình, đọc chỉ để tìm thêm những lý lẽ khiến cho những ý mình đã có sẵn được thêm vững. Còn những người không có sẵn chủ trương thì càng đọc càng hoang mang, một số ngả theo phe này, một số ngả theo phe kia, và rốt cuộc

lịch sử vẫn trôi theo dòng của nó.

Ngày nay nhớ lại, tôi thấy cuộc tranh luận đó vô nghĩa. Nó sai ngay từ cách việc đặt vấn đề. Hình ảnh "bình cũ rượu mới" và "bình mới rượu mới" đẹp quá, tài tình quá, khiến cho họ lạc lối hết. Lý luận thì nên ít dùng hình ảnh, hình ảnh càng quyến rũ thì lại càng phải đề phòng.

Rượu không ảnh hưởng chút gì tới cái bình, trái lại nền văn minh cơ giới ảnh hưởng rất lớn, làm thay đổi nếp sống, luân lý của xã hội nông nghiệp, vậy thì làm sao so sánh với nhau được? Mà cơ giới có thể *tạo* nên một xã hội mới, một văn minh mới chứ đâu có như thứ rượu mới *chứa* trong một cái bình mới? Vả lại một xã hội có mấy nghìn năm văn hiến, không thể nhất đán thay đổi hoàn toàn, như ta thay một cái bình cũ. Cứ từ hình ảnh quyến rũ đó mà tranh biện nhau về lý thuyết thì làm sao tìm ra được ánh sáng?

Tôi xin đặt lại vấn đề như sau: *Chúng ta muốn gì?*

Cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ này các nhà ái quốc Trung Hoa và Việt Nam trong phái duy tân đều hăm hở Âu hóa về khoa học, cơ giới, cho mau bằng họ, hơn họ để đập lại họ (như Nhật) mà rửa cái nhục cho dân tộc, cho giống da vàng. Các cụ không tự hỏi khi Âu hóa rồi thì xã hội sẽ ra sao, không có một

ý niệm hoặc chủ trương gì rõ rệt về điểm đó cả, cơ hồ cho việc đó không gấp, cứ Âu hóa đi rồi sẽ hay; hoặc tin rằng ngoài sự cơ giới hóa ra, xã hội cũng vẫn như thời đó, vẫn là xã hội nông nghiệp theo Nho giáo, không thay đổi bao nhiêu. Chỉ duy có Khang Hữu Ví trong cuốn *Đại Đồng* là nghĩ xa, nhưng thuyết của Khang chỉ là một không tưởng, muốn xây dựng một thế giới lý tưởng cho nhân loại vài trăm năm sau, chứ không xét tới tương lai gần của Trung Hoa (Coi *Đại Cương triết học Trung Quốc* của nhà Cảo Thơm - cuốn hạ, trang 695).

Ngày nay chúng ta biết rõ xã hội phương Tây hơn các cụ, bình tĩnh hơn các cụ, không hăm hở diệt tụi "bạch quỷ" nữa, nên chúng ta tự hỏi: "Chúng ta muốn gì? Muốn xã hội Việt Nam sau này ra sao? Địa vị của Việt Nam, trên thế giới ra sao?".

Đúng hay sai, tôi cũng trình bày ý kiến của tôi. Từ năm 1965, trong cuốn *Một niềm tin* chương IV tôi đã nghĩ mình "Đừng nên đua đòi Âu Mĩ... nên rút kinh nghiệm của họ chứ không nên theo đúng con đường của họ..." rồi trong tập *Con đường hòa bình* (La Bối - 1971) tôi đã trình bày rõ hơn:

"Cái tai hại của chúng ta là có mặc cảm tự ti tủi rằng cái gì cũng kém người, rồi mù quáng bắt chước người,

chỉ mong theo gót được người, không dám có một ý muốn riêngcủa mình, một quan điểm của mình, một đường lối của mình..."

"Đã đến lúc chúng ta phải tư tưởng lại".

"Dân tộc ta muốn gì? Có muốn đuổi kịp các nước tư bản như Mĩ, Pháp, Đức không? Dù cho đuổi kịp được - bao lâu nữa? - thì cái xã hội Âu Mĩ sản xuất để tiêu thụ, tiêu thụ để sản xuất có đáng làm mẫu cho ta không?"

"Chúng ta muốn xây dựng một xã hội hoàn toàn bình đẳng, không giai cấp, không có tư hữu chăng? Nhưng một xã hội như vậy chỉ là ảo tưởng như trên tôi đã nói, và chính Nga theo chế độ Cộng sản đã chẳng tiến lại gần xã hội đó, mà cứ lùi xa mãi là khác.

"Phải nhận cái thực trạng của mình, cái hoàn cảnh của thời đại, của thế giới. Dù ta có thông minh, anh dũng, kiên nhẫn bao nhiêu thì với số dân đó, trên dải đất này, chúng ta có gắng sức tới đâu cũng không thể trở thành một trong bốn năm đại cường được. Dù có cái ý tranh bá đồ vương thì cũng không được. Chúng ta chỉ mong sao cởi được cái ách ngoại quốc, mình làm của mình, có thể nhờ cậy người một chút chứ không chịu lệ thuộc ai, và kiến thiết quốc gia để cải thiện đời sống vật chất của dân, nâng cao tinh thần của dân, đừng có ai giàu quá, nghèo quá, mọi người

được tự do tín ngưỡng, tư tưởng, mà không loạn, không làm hại người khác". (trang 28 - 30).

Đó, chủ trương của tôi khiêm tốn như vậy: không tranh vương đồ bá với ai, chỉ lo hạnh phúc cho toàn dân, ai cũng đủ ăn được học hành tạo được một xã hội, ổn định, có trật tự, tương đối công bằng, tự do, trọng phẩm cách và cá tính con người.

Chúng ta không ham được là một cường quốc có nguyên tử lực, có hỏa tiễn lên cung trăng,có nhiều thị trường lớn khắp năm châu, có nhiều xe hơi nhất thế giới có lợi tức trung bình (tính theo đầu người) cao nhất thế giới, có những xưởng tàu, những nhà máy điện tử lớn nhất thế giới v.v... Chúng ta có những vinh dự khác: đào tạo được nhiều công dân, nhiều bậc cha mẹ, nhiều thanh niên tinh thần lành mạnh, sáng suốt, tự cường, tự lập, biết lãnh trách nhiệm, lễ độ, vui sống, hòa hảo với nhau, trọng người cũng như trọng mình. Tôi cho như vậy mới là văn minh - có những bom khinh khí 5 triệu tấn thuốc nổ, lên được cung trăng, chưa hẳn đã là văn minh - mà khoa học xã hội kĩ thuật chỉ khi nào giúp ta đào tạo được hạng người như vậy thì mới là được khéo sử dụng.

Nhắm mục tiêu đó, không khi nào quên nó, thì ta có thể điều khiển cơ giới hóa để nó ít làm hại cho ta, mà ta sẽ tránh được nhiều lỗi lầm của phương Tây.

Nói vậy có vẻ như lí thuyết quá. Tôi xin đưa vài thí dụ cụ thể.

Tôi thú thực chưa được biết chút gì về xã hội Suède Norvège, nhất là Finlande [1]. Nhưng một sinh viên du học ở Pháp có dịp đi thăm Finlande cho tôi hay xứ đó nhỏ hơn nước ta nhiều, dân số hiện nay chỉ vào khoảng sáu triệu, tài nguyên không phong phú, trong thế chiến vừa rồi, bị kẹp giữa Đức và Nga, có lúc phải theo Nga. Có lúc phải theo Đức, rốt cuộc hết chiến tranh vẫn giữ được độc lập, hiện nay tuy hòa hảo với Nga nhưng không theo Cộng sản mà cũng không bị Nga chèn ép, xã hội rất có tổ chức, tinh thần gia đình và dân tộc rất đẹp, không có người nghèo, ngoài đường chỉ toàn xe đạp, xe hơi, cả xe máy dầu cũng rất ít, dân chúng hồng hào, khỏe mạnh, lễ độ và vui sống. Họ cũng có cơ giới hóa, dĩ nhiên là không thể bằng Đức, Pháp được, nhưng chắc chắn là hơn Việt Nam nhiều, mà không lệ thuộc viện trợ của một nước nào, giữ được tinh thần dân tộc. [2]

---

(1) tức các nước: Thụy Điển, Na Uy, Phần Lan (BT)

(2) Miến Điện hiện nay muốn khỏi bị lệ thuộc Mĩ, Trung Quốc hay Nga cũng can đảm sống khắc khổ: ngay tại thủ đô cũng rất ít xe hơi, không có xe máy dầu mà toàn xe ô tô buýt. Buôn bán không tấp nập, về thương mại đã quốc doanh hóa, nhưng nạn chợ đen rất hiếm, mà không có những kẻ làm giàu trên xương máu người khác.

Trường hợp Nam Tư dưới sự lãnh đạo của Tito tôi không cần phải nhắc lại, vì độc giả đều biết. Tuy đứng về phía Cộng, mà họ không lệ thuộc Nga, vẫn giao thiệp với phe tư bản, không "cóp" hẳn một mẫu văn minh nào cả, mà được cả Nga lẫn Mĩ đều nể.

Trường hợp của Trung Quốc hiện nay cũng đáng cho ta suy nghĩ Tờ *Dân chủ mới* trong những số từ 14 đến 20.10.71, dịch một bài của Robert Guillan (trong tờ *Le Monde* nổi tiếng là đứng đắn, khách quan) nhan đề là *Trung Hoa sau cuộc cách mạng văn hóa.*

Guillan đã thăm Trung Hoa ba lần: năm 1937, năm 1955 và năm 1971. Lần sau cùng ông thấy bộ mặt của Thượng Hải thay đổi hẳn: Thành phố sáu triệu dân đó, có nhiều xe buýt tối tân chạy suốt ngày đêm, và rất nhiều xe đạp, nhưng không có xe hơi, trừ ít xe taxi; không có cả quảng cáo, gần như không có quán nhậu. "Cái sốt vì tiền không có ở đây" như năm 1937. "Cũng biến luôn cả cái sốt về dục tình", khác hẳn Hương Cảng.

Mới đầu Guillan tưởng Trung Quốc đã thụt lùi, sau xét kỹ lại thì thấy đó là đường lối mới của họ: họ cơ giới hóa xứ sở nhưng "chú trọng tới vấn đề quân bình", không muốn để đô thị nuốt chửng nông thôn mà muốn "đô thị hóa càng ít càng tốt", tránh được cái nạn ồn ào, kẹt xe, không khí đầy những chất

độc ở đô thị, những cảnh tượng "giật gân" ở đô thị. Tóm lại, ông bảo: "Trên tiến trình kỹ nghệ hóa, Trung Hoa giữ một khoảng cách vừa đủ để tránh đi vào con đường của Tây phương". Mà như vậy không phải là họ không kỹ nghệ hóa mạnh mẽ: chứng cứ là "cây cầu lớn ở Nam Kinh bắc qua sông Dương Tử, những nhà máy thép ở Vũ Hán", và những thành công về khí giới hạch tâm của họ.

Guillan công tâm nhận rằng "toàn thể dân chúng Trung Hoa đã phải ngoan ngoãn tuân lệnh chính phủ và về điểm này, về lâu về dài, Trung Hoa dễ có thể bị công kích: sự tự do cuối cùng bao giờ cũng thắng."

Tôi dẫn những thí dụ đó không phải là có chủ trương noi gương Nam Tư hay Trung Quốc, mà chỉ để chứng minh rằng chúng ta có thể cơ giới hóa mà không nhất định phải theo đúng vết xe của Âu Mỹ, hoặc của Nga.

Khi ta có một đường lối riêng, một kế hoạch riêng thì dĩ nhiên về một số hoạt động nào đó, chúng ta tiến chậm hơn họ: chẳng hạn, rất ít dùng xe hơi như Phần Lan, Trung Quốc thì kỹ nghệ sản xuất xe hơi và những kỹ nghệ liên hệ không thể phát triển mạnh được; nhưng không phát triển về mặt đó, chúng ta có thể phát triển về mặt khác. Ta có thể tin rằng một ngày kia Trung Quốc

là nước sản xuất nhiều xe máy hoặc máy cày, máy bơm, rẻ nhất, tiện nhất thế giới. Cái gì có lợi thì cũng có hại, vấn đề là lựa chọn những kiến thiết, cải cách nào hợp dân tộc, thời đại và mục đích của mình.

Bảo hễ Âu hóa thì phải triệt để, nếu không thì phải thủ cựu cũng triệt để, không thể lưng chừng được, là lí luận theo nguyên tắc triệt tam (principe du tiers exclu). Việc đời không như vậy: hễ không đen thì trắng, không cộng sản thì tư bản, không tư do thì độc tài. Những người nhiệt tâm thường cực đoan, chê thái độ trung dung là nhu nhược, nhưng trung dung mới là sáng suốt, hưởng được cái lợi có thể là ít hơn, nhưng tránh được cái hại. Trung dung thì thường tiến không được mau, nhưng tiến mau quá thì vấp váp, thất bại, có thể gây nhiều sự bất mãn, rồi phải đàn áp, thanh trừng. Hễ thoát được cái ách ngoại nhân rồi thì chúng ta cứ thận trọng, ung dung mà tiến, trong vài chục năm, xã hội được như Phần Lan chẳng hạn cũng là tốt rồi. Dĩ nhiên, muốn vậy thì phải đừng để cho ngoại nhân xen vào việc của chúng ta, phá chúng ta. Cái đó tùy thuộc một phần ở tình hình thế giới, nhưng một phần vẫn là tùy thuộc nơi ta. Và tôi tin rằng thời này các nước lớn không dễ gì hiếp các nước nhỏ như trước nữa: gương Phần Lan và Nam Tư đấy.

... Brieux trong cuốn *La Chine du Nationalisme*

au Communisme (... 1953) bảo hiện nay các nước nhược tiểu không thể theo một đường ở giữa (voie moyenne) nghĩa là hoặc phải theo chế độ cộng sản, hoặc phải theo chế độ Tây phương thì mới phát triển được. Xét hiện tình đệ tam thế giới thì lời đó có phần đúng. Nhưng nếu chúng ta có thể hoàn toàn thoát ly được ảnh hưởng của hai khối kia thì không có lý gì ta không thể tiến theo một đường lối riêng, không giống họ.

(. . . . . .)

*

Nửa tháng trước, Thượng viện Mỹ, Quốc hội Mỹ muốn cắt hết viện trợ kinh tế cho ta (Sài Gòn). Tôi thấy nhiều người tỏ vẻ không lo lắng mà cơ hồ còn hơi vui nữa. Đó là một điều khích lệ. Chúng ta đã thấy cái hại của chính sách viện trợ của Mỹ, bao nhiêu kẻ đã bán linh hồn vì Mỹ kim, sự đô hộ bằng Mỹ kim còn ghê hơn sự đô hộ bằng vũ lực.

Những người đó nói: Họ cứ rút hết quân đội, cả cố vấn của họ đi, cứ cắt hết viện trợ đi. Chúng ta chỉ yêu cầu họ bồi thường chiến tranh cho ta: trên mười lăm năm chúng ta đã đổ bao nhiêu xương máu để bảo vệ "cái tân biên cương của họ" thì họ phải kiến thiết lại cho ta, nuôi thương phế binh, cô nhi quả phụ cho ta.

Họ với ta tiếp xúc với nhau mấy lần đủ quá rồi, tới lúc nên vĩnh biệt thôi. Không thèm nhận một chút viện trợ nào của họ, và của bất kỳ một thực dân nào khác. Cái rủi sẽ thành cái may. Đây là cơ hội duy nhất để ta tự lập, tự túc, tự cường. Sẽ xáo trộn trong ít tháng, rồi toàn dân sẽ buộc bụng, bất quá như hồi tản cư kháng Pháp là cùng. Lúc đó chúng ta mới thực sự có một chính quyền của chúng ta. Không lệ thuộc người; hết đô la thì hết bọn gia nô, hết bọn tham nhũng. Trong cảnh cực khổ, chúng ta sẽ đoàn kết với nhau được, giải quyết mọi vấn đề trong tình hòa hảo với nhau được.

Nhà cầm quyền sẽ sống với dân, chia xẻ gian lao với dân. Những người đã làm giàu trong chiến tranh sẽ tặng quốc gia 60% tài sản (như Anh khi thế chiến chấm dứt), cựu du học sinh còn làm việc ở ngoại quốc sẽ gởi một số lương về; và những người có trương mục ở Ngân hàng ngoại quốc sẽ rút ngoại tệ để gởi về. Trong tai nạn chung, mọi người mới biết nắm tay nhau để kiến thiết quốc gia.

Và lúc đó chúng ta mới xét lại những giá trị cổ cùng những giá trị mới, tìm một đường lối riêng cho Việt Nam.

Trong những giá trị cổ, có những giá trị căn bản, chung cho nhân loại như nhân, trí, dũng (hay bi, trí, dũng) hễ còn loài người thì còn được tôn trọng.

Lại có những giá trị tuy cũng phổ biến, nhưng nhiều

dân tộc khác không coi trọng như phương Đông chúng ta, vì vậy gần như có thể gọi là của riêng chúng ta; như tinh thần bao dung, không kỳ thị, không căm thù, hòa nhi bất đồng, tinh thần trung dung, tránh sự cực đoan, tinh thần nhân bản, trọng sinh mạng, hạnh phúc của con người hơn ý thức hệ "đạo không bao giờ xa người".

Rồi những đức như lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhất là thành tín, mà chỉ có Khổng giáo là đặc biệt coi trọng. Có bao nhiêu chính khách phương Tây biết giữ sự thành tín ngay đối với quốc dân, chứ đừng nói với ngoại quốc nữa? Chúng ta đừng nhiễm cái thói gian xảo quỷ quyệt của họ.

Vấn đề tu thân rồi mới trị quốc nữa, ngoài Khổng Tử ra có ai nói tới không, hoặc nói mà nhấn mạnh không? Khắp thế giới có một nước nào đào tạo các chính khách, các nhà hành chánh theo quy tắc đó không? Chúng ta sẽ thay đổi chương trình của trường Quốc gia hành chánh, chú trọng vào sự rèn luyện tinh thần của sinh viên.

Hiếu cũng là một đức Khổng giáo luôn luôn nhắc tới. Quan niệm về hiếu đã thay đổi, không còn hẹp hòi như xưa nữa, nhưng tôi không muốn thấy cha mẹ về già phải xa con cháu mà vô ở những viện dưỡng lão hay viện tế bần, dù cho những viện đó có đầy

đủ tiện nghi. Có phụ cấp cho vợ con thì tại sao không có phụ cấp cho cha mẹ già? Người già mà không có lợi tức thì tại sao không trích trong quỹ an ninh xã hội một số tiền để giao cho người con nào lãnh nhiệm vụ phụng dưỡng cha mẹ?

Chế độ đại gia đình - tứ đại, ngũ đại đồng đường - không thể tái lập được nữa, mà cái đạo tam tòng cũng phải bỏ; những cái đó chỉ hợp với xã hội nông nghiệp, ngày nay có muốn duy trì cũng không được.

Chế độ tôn ti hồi xưa cũng quá khắt khe, nhiều khi làm mất phẩm giá con người, nhưng hễ còn xã hội thì luôn luôn còn kẻ trên người dưới. Bình đẳng tới các mức như phụ nữ Mỹ ở Chicago biểu tình phản chiến mà chửi Nixon trước khách sạn Hilton là "con heo phát xít", "con heo kỳ thị chủng tộc" (tin Hoa Thịnh Đốn ngày 10.11.71) thì tôi cũng không ưa. Có thể mắng ông ta khát máu, giết bốn sinh viên phản chiến ở đại học Kent chứ gọi ông ta là con heo thì tệ quá.

Học sinh có thể phản đối thầy nếu thầy thiếu tư cách, nhưng đánh đập thầy, giết thầy thì là loạn, chứ không phải bình đẳng, tự do. Truyền thống trọng thầy như cha là một truyền thống đẹp. Và muốn giữ được truyền thống đó thì ông thầy phải có tư cách (chương trình đào tạo các giáo chức cần phải sửa lại,

cả cách tuyển lựa cũng phải xét lại) và phải được xã hội tôn trọng.

Ngày xưa sĩ đứng hàng đầu, thương đứng hàng chót, ngày nay giá trị đã đảo ngược, giáo chức nghèo hơn hết, bị coi rẻ hơn hết, mà bọn thương nhân làm giàu mau hơn học thức và đạo đức, không thể gọi là văn minh được. Không nên quá ưu đãi hạng sĩ, không nên ức thương, nhưng cũng không nên để cho kẻ sĩ đói [1] mà bọn thương nhân kiếm tiền dễ dàng quá, phung phí quá, tiêu tốn triệu bạc trong một đám cưới.

Tinh thần dân chủ của phương Đông chúng ta thì đời Xuân Thu đã rất cao: "ý dân là ý trời". Ngày nay chính sách tiến bộ nhất là lệ trưng cầu dân ý, mà chúng ta chỉ mới thấy thực hiện một cách đứng đắn ở Pháp dưới thời De Gaulle, còn ở Mĩ thì tuy nêu cao là chính quyền của dân, do dân, vì dân, mà sự thực là của tư bản, do tư bản, vì tư bản. Nước ta đã cóp hiến pháp của họ: kẻ nào không phải là triệu phú ức phú hoặc không được bọn tài phiệt ủng hộ thì làm sao có đủ tiền ra ứng cử dân biểu, và bọn đó khi trúng cử rồi làm sao khỏi thành gia nô, hoặc

---

(1) Thiên điều tra của Tuyết Sinh về Giáo sư Tư thục (trên *Dân chủ mới* tháng 11.71) đưa ra ánh sáng tình cảnh tủi nhục không tưởng tượng nổi của đa số nhà giáo chỉ ở VN mới thấy được.

tên buôn lậu? Phải sửa đổi lại hiến pháp sao cho chỉ người nào đã có thành tích giúp dân mới được đại diện cho dân. Tổ chức làng xã của mình trước thời Pháp thuộc, cần phải nghiên cứu lại và có lẽ còn có thể áp dụng trong thời đại này.

Vì kinh tế, theo chế độ tự do không được mà chỉ huy quá cũng không được, có lẽ nên theo một chính sách trung dung, mà người Pháp gọi là économic concertée: chính quyền và các nhà kinh doanh, các đại diện của dân bàn tính với nhau để cùng định một kế hoạch.

Quan niệm nhàn của cổ nhân không hợp thời nữa, nó ngăn cản sự tiến bộ. Thực ra đạo Khổng không bao giờ khyến khích sự sống nhàn cả - đó là tư tưởng của Lão Trang - mà chỉ một số nhà Nho phải làm việc tối tăm mặt mũi, đâu có sống nhàn được. Nhưng thái độ dang tay mắm miệng để làm giàu của phương Tây sản xuất cho nhiều để tiêu thụ rồi phải tiêu thụ một cách phung phí để sản xuất, mà thợ thuyền mới có công ăn việc làm áo chưa rách, chưa cũ đã liệng đi, đồ dùng hư thì không sửa, mua thứ mới, có xe hơi kiểu 1971 thì không dùng kiểu 1970 nữa, thái độ đó tuy làm cho sự sản xuất, cho kĩ nghệ mau tiến nhưng cũng dễ làm hư con người, sinh ra quí trọng

đồng tiền, ganh đua về vật chất. Trong giai đoạn kiến thiết, chúng ta phải tiết dục, sống khắc khổ, nhưng cả khi kinh tế đã thịnh vượng rồi, chúng ta càng không nên có một lối sống riêng, không đua đòi Âu Mĩ làm gì.

Có nhiều phong tục tuy đẹp nhưng chỉ thích hợp với xã hội nông nghiệp, ngày nay cũng phải bỏ hoặc giảm đi, sửa đổi đi. Sự cúng giỗ tổ tiên trong nhiều gia đình ở thành thị đã giản dị hơn xưa nhiều, vì con cháu mỗi người làm ăn ở một nơi xa, mà ai cũng bận mưu sinh. Và ai có thương nhớ da diết cái Tết thời tiền chiến như Vũ Bằng, các hội hè đình đám mùa xuân như Toan Ánh thì cũng không thể nào vãn hồi những tục lệ đó, không thể bỏ cả tháng chạp để chuẩn bị cái Tết và cả tháng giêng để vui xuân được nữa!

Tuyển lựa một số giá trị cũ để duy trì, nhưng đồng thời cũng phải biết tôn trọng một giá trị mới: đức tin ở sự tiến bộ, tinh thần học hỏi làm việc tích cực và có phương pháp, óc phán đoán sáng suốt và khách quan, nhìn xa hiểu rộng đức công tâm, đoàn kết không thì không thể tiến được, mà càng mau lụn bại. Chúng ta đã có hai tấm gương tầy liếp rồi đấy.

Vào khoảng 1935 - 1940 Tưởng Giới Thạch và Trần Lạp Phu (lí thuyết gia của Quốc Dân đảng Trung

Hoa) rồi vào khoảng 1958 Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu (lí thuyết gia của nhà Ngô) cũng đề cao hô hào những giá trị cũ của Khổng học, nhưng bọn trên chỉ 14 năm sau nhục nhã cuốn gói qua Đài Loan, bọn dưới chỉ 5 năm sau, phải mất mạng vì họ phong kiến quá, coi những giá trị cũ như những bùa hộ mạng, mà không thực tâm cải tạo xã hội, cho dân được tiến bộ, lại còn đàn áp, thủ tiêu những người tiến bộ cho tương lai dân tộc và công bằng xã hội nữa.

Tôi không dám có tham vọng lập một chương trình kiến thiết quốc gia, cải tổ xã hội, chỉ nhân có phong trào "về nguồn" xét lại một số giá trị cũ và mới, và gợi ý về ít điểm như trên thôi.

Tôi xin tóm tắt lại: chúng ta cần biết mình muốn gì và phải có can đảm sống khác người, suy tư lại hết từ chính trị, kinh tế, tới giáo dục, phong tục, nhân sinh quan...

Nếu chúng ta vạch được một con đường đại khái theo những qui tắc trên tự tạo một xã hội, cho ta mà chẳng cần một chút viện trợ nào của ngoại nhân, thì chỉ trong mười năm thế giới sẽ ngưỡng mộ dân tộc ta hơn là dân tộc Do Thái và các nước Á, Phi, Nam Mĩ sẽ lấy ta làm gương. Và các vinh quang của chúng ta ở đó, chứ không phải ở chỗ làm một tiểu

cường hạng ba hay hạng bốn ở Á Đông, hạng hai mươi hay hai mươi mốt ở thế giới.

Tôi nói mười năm thì sẽ được thế giới ngưỡng mộ. Trong mười năm đó chỉ mới gây được nền tảng cho xã hội mới thôi. Muốn thành một nếp sống thì cần vài thế hệ. Cứ xét từ nếp sống cũ của các cụ thời xưa, tới nếp sống mới của thanh niên ngày xưa, cũng mất trên nửa thế kỉ, vậy theo con đường mới, tiến mau lắm cũng phải ba mươi năm. Làm sao cho các chính quyền nối tiếp nhau trong thời gian đó vẫn giữ một đường hướng. Mà tránh được cái tệ độc tài? Đó là điểm cần lưu tâm tới nhất.

Chắc có nhiều vị sẽ cho tôi là không tưởng. Nhưng tôi đã quá ghê tởm bọn thực dân hết Tàu, Tây, Nhật tới Mĩ, cho nên tôi muốn gột một lần cho hết cái óc nô lệ, mổ một lần cho hết cái nhọt thực dân mà xây dựng lại hết cho các thế hệ sau này.

Sài Gòn 1.12.1971

VÀI LỜI NGỎ VỚI BẠN TRẺ

Khi ông bà chủ nhiệm tờ ***Phù Đổng Thiên Vương*** *lại xin tôi ngỏ ít lời với các bạn trẻ trong số ra mắt của tạp chí, tôi đã cố thoái thác: mấy năm nay vì sức suy nên tôi đã tự hứa không viết báo nữa; lời của một người già như tôi chắc các bạn không muốn nghe, nhất là viết một bài báo Xuân cho tuổi thanh xuân thì giọng phải vui, mà tôi biết nói gì cho vui trong tình hình cực kì xáo trộn của quốc gia trong lúc này được? Nhưng bà và cả ông bạn Vũ Hạnh nữa nhất định không cho tôi từ chối, bảo: "thì xin ghi chép vài ý nghĩ về chiến tranh, bất kì là ý nghĩ gì miễn có tiếng nói của ông". Thế là tôi đành phải viết.*

Nếu kể từ khi quân đội Nhật vượt biên giới Hoa nam, tiến đánh Lạng Sơn cuối năm 1940 thì tới nay dân tộc ta đã bị nạn chiến tranh trên một phần ba

thế kỉ rồi. Không dân tộc nào trên thế giới bị cái họa vừa lớn vừa dài như vậy. Trên ba mươi năm đó, gần như năm nào vào những ngày cuối năm như lúc này tôi cũng ôn lại những biến cố lớn trong năm, ước ao một tương lai sáng sủa hơn cho năm sau, và rút ra một số kinh nghiệm do chiến tranh đem lại, đa số thật là chua chát. Những kinh nghiệm lặt vặt về mọi phương diện (chính trị, kinh tế, xã hội, đạo đức, văn nghệ)... đó cũng hơi nhiều và tôi cũng đã lác đác trình bày trong nhiều bài báo và một số tác phẩm của tôi trong khoảng mười lăm năm gần đây. hôm nay tôi chỉ xin thưa với các bạn về ba kinh nghiệm đáng gọi là khích lệ.

Mới từ năm 1945 các ý thức hệ bắt đầu xâm nhập mạnh tâm hồn một phần dân tộc ta.

Có lẽ nhờ mình có sẵn những tinh thần của họ Khổng nên các ý thức hệ phương Tây không gây được sự tan rã của gia đình - ít nhất là trong những gia đình nông dân và trung lưu ở miền Nam này. Gia đình nào của chúng ta cũng có người theo bên này hay bên kia; nhưng tôi thấy rất ít gia đình cha con hoặc anh em xung đột nhau vì chánh kiến. Mấy chục năm nay tôi mới nghe nói một trường hợp ở Bạc Liêu gần đây em xách súng dọa bắn chị vì chị ủng hộ một

phong trào mà em chống; nhưng quân vô lại đó bị mọi người coi là thú vật chứ không phải là người.

Trái lại tôi thấy nhan nhản trường hợp những gia đình tuy cha con anh em khác chánh kiến nhau mà vẫn qúi mến nhau, cưu mang nhau, hễ gặp nhau thì gạt bỏ hết chánh kiến đi, chỉ nghĩ tới tình ruột thịt, và trong cuộc kháng chiến chống Pháp, nhiều trường hợp như vậy đã khiến tôi rơi lệ. Có những ông già bà cả nhịn ăn nhịn uống để tiếp áo quần, thực phẩm cho con cháu; có những con cháu vượt mọi nỗi hiểm nguy tới tánh mạng đã lẻn về thăm, cha mẹ ông bà trong một đêm. Người ở bên này, người ở bên kia, súng bắn qua bắn lại, mà tình gia đình vẫn nguyên vẹn. Các bạn còn trẻ, không được mục kích những cảnh đó, nhưng cứ thử hỏi những vị lớn tuổi trong nhà, sẽ được nghe nhiều chuyện rất cảm động và thấy tôi nói không ngoa.

Tình đoàn kết trong gia đình là sức mạnh của dân tộc chúng ta. Cổ nhân bảo gia đình là nền tảng của quốc gia, lời đó thật đúng.

Điểm thứ nhì tôi muốn gợi cho các bạn suy nghĩ là *sự hi sinh vô biên của các ông già bà cả thời này:*

Ôn lại lịch sử nhân loại chúng ta thấy hễ thời

loạn lạc thì luôn luôn phong hóa suy đồi. Như thời đại Socrates (thế kỉ IV tr.c.n.ở Hi Lạp) thời đại Auguste (thế kỉ đầu C.n. ở La Mã) kẻ giàu thì trụy lạc, kẻ nghèo thì trộm cướp, phụ nữ mê say tự do, tha hồ li dị, phá thai, gian dâm mà một số triết gia thì nguy biện. Thời Chiến Quốc ở Trung Hoa cũng đại khái như vậy, mà bọn Trúc Lâm thất hiền Lục triều thì nổi tiếng là cực kì phóng túng, say sưa tối ngày, hồi đó chưa có bạch phiến, nếu có thì chắc họ cũng "phi" như một số hippi ngày nay. Ở nước ta thời cuối Hậu Lê có một môn đồ cửa Khổng sân Trình mà bán đứng thầy "để được vinh thân phì gia (ngày nay chúng ta cũng có một trường hợp tương tự) còn nạn tham nhũng mua quan bán tước thì chắc lớn lắm nên mới có những *«sinh đồ* (tức tú tài) *ba quan"*.

Vậy chúng ta không nên ngạc nhiên rằng Sài gòn hiện nay có những "bụi đời" thanh niên xì ke nhiều trộm cướp, đĩ điếm, nhiều buổi "nhạc sở thú"... Trái lại tôi rất phấn khởi mà cũng rất cảm động khi thấy những ông lão sáu bảy chục tuổi lưng khòm, mắt mờ, lụm cụm làm mọi công việc từ việc dạy học đến việc bán gạo, bán khoai, lượm đồ phế thải trong các đống rác mà chỉ lại gần thôi tôi cũng đã nhức đầu, buồn nôn, như vậy để tiếp tế thêm cho con cháu ngoài mặt trận, để giúp đỡ cho công dân góa bụa, để nuôi đàn

con cháu mồ côi cả cha lẫn mẹ, có khi để cho chúng có tiền phi xì ke nữa. Lại có những cụ lọm khọm xách giỏ thức ăn chầu chực ngày này qua ngày khác để thăm con cháu trong khám.

Chiến tranh còn thì các cụ còn phải cực khổ đến hơi thở cuối cùng. "Trẻ cậy cha, già cậy con"; ngày nay các cụ đã không cậy được con mà vẫn phải nuôi con, cả những con làm quân nhân hay công chức vì đa số không đủ sống. Khắp thế giới chắc không có dân tộc nào cực khổ như dân tộc ta, hi sinh nhiều cho con cháu như các cụ già của chúng ta. Điều đó các bạn cứ nhìn chung quanh, có khi ngay trong gia đình các bạn nữa thì sẽ thấy.

Còn những bà vợ nữa chứ. Tôi không nói những bà góa chồng, ngay nhiều bà có chồng hiện làm quân nhân hay công chức cũng lam lũ mà đảm đang vô cùng. Tôi biết một số lớn học trò của tôi dạy học mà phải làm thêm một nghề khác như may vá, nấu cháo nấu xôi bán để kiếm ít tiền giúp chồng cũng công chức, nuôi con ăn học. Họ làm việc suốt ngày, tới khuya mà vẫn thiếu thốn ăn rau ăn ốc hay tép, quanh năm không được hưởng một lạc thú nào cả, ngoài cái vui thấy con cái khỏe mạnh, học hành tấn tới. Nếu con họ mà hư hỏng thì tôi không hiểu làm

sao họ sẽ chịu nổi.

Hạng người đó cũng nhan nhản trong xã hội chúng ta, nhưng chỉ ở trong giới bình dân hoặc trung lưu, nhiều nhất là ở các tỉnh nhỏ. Trên kia tôi đã nói gia đình là nền tảng của quốc gia, tôi có thể nói thêm *phụ nữ bình dân trung lưu là nền tảng của gia đình*, là nguồn hi vọng của dân tộc. Dân tộc ta sau chiến tranh này mà thịnh lên, hùng cường lên chính là nhờ họ. Rồi đây, mươi năm nữa, các bạn lớn lên sẽ nhận thấy lời của tôi đúng.

Sau cùng điều thứ ba tôi muốn kể với các bạn là khi toàn dân cùng nghèo thì người ta thương yêu nhau, càng đoàn kết. *Chỉ trong một xã hội kẻ giàu người nghèo cách biệt nhau xa quá thì mới có sự xung đột nhau.* Luôn luôn có thời nào cũng vậy quyền lợi là nguyên nhân của sự chia rẽ.

Tôi còn nhớ những năm tháng kháng Pháp, chúng tôi bỏ hết đồ đạc lại Sài gòn, chỉ xách một va li quần áo để đi tản cư, trong túi còn ít trăm đồng. Mà hầu hết các người ở thành thị tản cư tình cảnh cũng như chúng tôi, không hơn gì. Ai có được ít tư trang vàng bạc, nếu không bị giặc Pháp, giặc Miên cướp giật thì tiêu dần cũng hết. Rốt cuộc người nào cũng chỉ còn

hai bộ quần áo với hai tay không. Phải kiếm cách sinh nhai, đổ mồ hôi ra lấy chén cơm. Cơm ăn với muối hoặc vài con ốc, con cá, lá rau, thèm thịt và thèm đường. Cà phê là gạo rang. Những năm đó chúng tôi thiếu thốn hơn những người nghèo ngày nay nhiều, nhưng không thấy khổ. Trái lại ăn ngon, ngủ ngon, khỏi phải uống thuốc tiêu thực và an thần như ngày nay, và có thể nói là khỏe mạnh vui vẻ nữa.

Quí nhất là tình đồng bào. Tản cư tới đâu cũng được tiếp đón niềm nở, cho mượn giường mượn chiếu, mượn chén mượn đũa, mượn gạo mượn muối, mà thường những phòng tốt nhất, những món ăn ngon nhất, được chủ nhà nhường cho. Không còn ai nghĩ tới giai cấp nữa. Ông đốc cùng với chú lao công nằm chung nhau, tâm sự với nhau, kể hết tin tức bộ đội rồi tới cả chuyện tiếu lâm cho nhau nghe.

Vậy nghèo không nhất định là khổ, và một xã hội nghèo nhưng quân bình nghĩa là không có kẻ giàu quá, không có những đám cưới trên cả trăm triệu nhưng cũng không có những kẻ phải đi lượm đồ phế thải ở đống rác để kiếm tiền mua gạo nấu cháo, một xã hội như vậy theo tôi còn đẹp hơn, một xã hội tham nhũng, kẻ mạnh bóc lột kẻ yếu.

Khắp thế giới đang bị một cuộc khủng hoảng kinh

tế mà có người đoán sẽ không kém cuộc khủng hoảng 1930, vậy khi hòa bình trở lại, chúng ta cũng không mong gì được nhiều ở sự viện trợ của các cường quốc mà có được họ viện trợ thì cũng phải chịu vô số sự nhục nhã đau khổ như chúng ta đã thấy trong mấy chục năm nay. Chúng ta phải chuẩn bị sống một đời sống đơn giản đi, và mong làm sao cho các nhà cầm quyền của ta sau này trong sạch, đủ sáng suốt và nghị lực để san bằng những bất công quá tàn nhẫn đi, *theo tôi đó là con đường duy nhất để tạo sự an ổn cho xã hội và hạnh phúc cho quốc dân.*

Muốn vậy chúng ta phải bỏ tinh thần ỷ lại vào ngoại nhân, đừng để ngoại nhân xen vào nội bộ của chúng ta. Trên ba chục năm nay, bao nhiêu đau khổ của dân tộc đều do ngoại nhân gây ra cả. Ngoại nhân dù mạnh tới mấy cũng không thể giải quyết những vấn đề của chúng ta được.

Nhờ tinh thần gia đình, nhờ tinh thần hi sinh của các ông già bà cả và tinh thần tháo vát tận tụy của phụ nữ, nhờ tinh thần đoàn kết của toàn dân trong cảnh nghèo chung, tôi tin rằng chúng ta sẽ giải quyết được mọi vấn đề khi mà thực dân không còn xen vào việc riêng của chúng ta, chia rẽ chúng ta nữa.

Đầu năm tôi không có một chuyện vui xuân để

tặng các bạn, chỉ xin gởi các bạn một NIỀM TIN đó mà thôi, Mà niềm tin nào cũng là một niềm vui. Xin chúc các bạn TIN và VUI.

Sài gòn 15.12.1974.
(Phù Đổng Thiên Vương số 1 - 30.1.75)

Tết Ất Mão

Khi tôi viết bài này ai cũng biết rằng chiến tranh sắp chấm dứt, nhưng tôi không ngờ lại chấm dứt mau như vậy. Như có một linh cảm mơ hồ, tự tiềm thức gì chăng, sao mà lời khuyên thanh niên hợp với thời mới thế. (ghi thêm 1977)

MỤC LỤC

Lời Nhà Xuất bản 5

Tựa 7

- Dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ ở bậc Đại Học 10
- Tìm một giải pháp cho ngành xuất bản V.N (10.2.61) 29
- Lật qua hồ sơ thanh niên (7.6.61) 37
- Vấn đề thông cảm lẫn nhau giữa chính quyền và nhân dân 69
- Đáp lời phỏng vấn về thời cuộc của báo Hoài Bão 106
- Thân phận người dân các nước chậm tiến 123
- Một nền giáo dục phục vụ (15.9.67) 135
- Tình hình xuất bản từ biến cố Mậu Thân đến nay 148
- Vấn đề kiểm duyệt (1.10.69) 162
- Vài suy tư về phong trào "Về nguồn" (1.12.71) 175
- Vài lời ngỏ với bạn trẻ 205

VÀI LỜI NGỎ VỚI BẠN TRẺ

(Nguyễn Hiến Lê)

*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội 2001

Chịu trách nhiệm xuất bản	:	Nguyễn Văn Lưu
Biên tập	:	Thủy Liên
Bìa	:	Nam Khôi
Sửa bản in	:	Nguyên Thăng

*

Nhà Xuất bản Văn học: 18 Nguyễn Trường Tộ, Hà Nội
Tel: 8294685 - Fax: 8294681
Chi nhánh NXB Văn học tại TP.HCM: 290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Q.3 Tel & Fax: 8483481-8469858.

In 1000 cuốn khổ 13x19cm. In tại Xí nghiệp in FAHASA. Giấy phép xuất bản số 808/25 ngày 25-7-2000 của Cục xuất bản Bộ Văn Hóa - TT và giấy trích ngang kế hoạch xuất bản ngày 29-1-2001 của NXB Văn Học. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2001.